



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN 1

Note: Thông tin "Lớp cũ"/"Trường cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.
Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Trần Gia	Bảo	21-Jan-05	60117134			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
2	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	3-Feb-05	60117135			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
3	Hoàng Nguyễn Hải	Đăng	17-Nov-05	60117136			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
4	Phạm Từ Khánh	Hưng	1-Jun-05	60117137			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
5	Nguyễn Thành	Minh	12-Feb-05	60117139			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
6	Nguyễn Phương	Nam	9-Nov-05	60117551			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
7	Trần Yên	Ngân	16-Apr-05	60117140			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
8	Nguyễn Ngọc	Phụng	3-Apr-05	60117143			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
9	Lê Ngọc Anh	Thư	26-Oct-05	60117144			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
10	Nguyễn Thái Minh	Thư	8-Dec-05	60117145			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
11	Nguyễn Ngọc	Tiến	15-Aug-05	60117146			5	5	Lương Thế Vinh	Đặc cách
12	Lê Nguyễn Phú	Toàn	15-Feb-05	60116952			5	5	Phan Văn Trị	Đặc cách
13	Đinh Dương	An	28-Jul-05	60100001			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
14	Lê Nguyễn Vân	Anh	31-Mar-05	60100003			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
15	Nguyễn Phan Quỳnh	Anh	24-Aug-05	60100004			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
16	Nguyễn Phương	Anh	17-Oct-05	60100005			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
17	Phạm Nguyễn Minh	Đăng	14-Jun-05	60118306			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
18	Phan Nguyễn Ngọc	Duyên	15-Mar-05	60100007			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
19	Nguyễn Trầm Gia	Hưng	25-Jul-05	60100009			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
20	Nguyễn Lê	Khôi	11-Jul-05	60118307			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
21	Nguyễn Ngọc Việt	Mi	26-Aug-05	60118308			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
22	Nguyễn Hoàng	Minh	30-Jan-05	60100010			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
23	Nguyễn Trang Phương	Minh	28-Jan-05	60118309			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
24	Lê Hồ Nam	Phương	7-Feb-05	60100012			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
25	Lê Hoàng Nguyên	Quân	6-Feb-05	60100014			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
26	Nguyễn Như	Quỳnh	28-Feb-05	60118310			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
27	Vũ Đắc	Toàn	17-Sep-05	60100015			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
28	Phạm Ngọc Thanh	Trúc	6-Nov-05	60100016			5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
29	Ngô Khải	Du	24-Mar-05	60100253			5	5.1	Đuốc Sổng	Đặc cách
30	Phan Hoàng Ngọc	Hân	12-Oct-05	60118221			5	5.1	Đuốc Sổng	Đặc cách
31	Nguyễn Vũ Phương	Khanh	2-Sep-05	60118222			5	5.1	Đuốc Sổng	Đặc cách
32	Đỗ Anh	Kiệt	26-Feb-05	60100254			5	5.1	Đuốc Sổng	Đặc cách
33	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	15-Oct-05	60118157			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
34	Lê Ngọc Vân	Khánh	11-Nov-05	60100362			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
35	Phạm Minh	Khuê	2-Jul-05	60118156			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
36	Trần Phương	Linh	12-Dec-05	60118159			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
37	Đỗ Quế	Minh	30-Apr-05	60100363			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
38	Mai Ngọc Vương	Nghi	24-Jul-05	60118158			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
39	Vũ Hoa	Việt	25-Oct-05	60100364			5	5.1	Hòa Bình	Đặc cách
40	Lâm Bảo	Nghi	9-Oct-05	60100471			5	5.1	Khai Minh	Đặc cách
41	Hồ Tấn	Phát	10-Feb-05	60100468			5	5.1	Khai Minh	Đặc cách
42	Huỳnh Bá	Thành	14-Aug-05	60100470			5	5.1	Khai Minh	Đặc cách
43	Phùng Minh	Anh	21-Mar-05	60100492			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
44	Trần Đức	Huy	15-Sep-05	60100494			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
45	Lê Phùng Đức	Khải	18-Jun-05	60118255			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
46	Nguyễn Tuấn	Khang	11-Mar-05	60118256			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
47	Bùi Phúc	Lân	21-Jan-05	60118257			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
48	Lê Khánh	Linh	11-May-05	60118258			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
49	Huỳnh Thành	Nhân	2-Mar-05	60118259			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
50	Nguyễn Minh	Nhật	25-Mar-05	60100493			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
51	Võ Tá Minh	Phước	10-Jun-05	60118260			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
52	Phạm Hạ Hữu	Quân	29-Mar-05	60118261			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
53	Nguyễn Trần Minh	Quang	3-Jun-05	60118262			5	5.1	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
54	Phan Văn Bảo	Ân	13-Dec-05	60101029			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
55	Phùng Lê Đăng	Doanh	28-Jun-05	60101030			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
56	Phan Minh	Hằng	16-Nov-05	60118185			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
57	Đỗ Gia	Linh	13-Oct-05	60101034			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
58	Trịnh Hoàng Xuân	Nghi	21-Jan-05	60118186			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
59	Đỗ Ngọc Nam	Phương	21-Jan-05	60118187			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
60	Trần Phúc Uyên	Thi	12-Dec-05	60101038			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
61	Nguyễn Anh	Thơ	3-Oct-05	60101039			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
62	Nguyễn Trần Anh	Tú	31-Oct-05	60101040			5	5.1	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
63	Nguyễn Tuấn	Đức	20-Jan-05	60101309			5	5.1	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
64	Hà Gia	Hân	11-Sep-05	60119058			5	5.1	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
65	Trần Ngọc Việt	Hoàng	6-Mar-05	60101310			5	5.1	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
66	Nguyễn Đức	Nguyên	12-Jan-05	60101316			5	5.1	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
67	Đường Nguyễn Minh	Hà	20-Sep-05	60116940			5	5.1	Phan Văn Trị	Đặc cách
68	Nguyễn Thị Thanh	Lan	15-Apr-05	60116929			5	5.1	Phan Văn Trị	Đặc cách
69	Đặng Bảo	Ngọc	8-Jan-05	60116937			5	5.1	Phan Văn Trị	Đặc cách
70	Biện Bảo	Anh	14-Sep-05	60101459			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
71	Nguyễn Ngọc Lương	Giang	15-Dec-05	60101455			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
72	Diệp Thế	Kiệt	2-Dec-05	60101452			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
73	Phạm Bảo	Ngân	12-Jul-05	60101458			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
74	Ngô Nhã	Thư	8-Dec-05	60101451			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
75	Nguyễn Bảo	Trang	5-Feb-05	60101465			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
76	Trần Ngọc Khánh	Vy	31-May-05	60101454			5	5.1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
77	Nguyễn Gia	Bảo	20-Sep-05	60101722			5	5.1	Vas	Đặc cách
78	Nguyễn Mai Tấn	Dũng	16-Sep-05	60101723			5	5.1	Vas	Đặc cách
79	Phạm Linh	Lam	10-Nov-05	60101724			5	5.1	Vas	Đặc cách
80	Hồ Thảo	Ngọc	11-Jan-05	60101725			5	5.1	Vas	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
81	Lê Hà	Nguyên	23-Feb-05	60101726			5	5.1	Vas	Đặc cách
82	Đào Nguyễn Hồng	Phúc	19-Apr-05	60101727			5	5.1	Vas	Đặc cách
83	Lê Ngọc Bảo	Trân	25-Jun-05	60101728			5	5.1	Vas	Đặc cách
84	Nguyễn Minh Tổ	Vân	16-Jul-05	60101729			5	5.1	Vas	Đặc cách
85	Lê Thùy Đan	Anh	16-Dec-05	60100017			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
86	Tạ Thùy	Dương	14-May-05	60100018			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
87	Nguyễn Liên	Hào	14-Sep-05	60100019			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
88	Hồ Đức	Huy	31-Aug-05	60100020			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
89	Nguyễn Đình Gia	Khánh	21-Jun-05	60100021			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
90	Ngô Minh	Khuê	29-Mar-05	60118311			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
91	Phạm Trung	Kiên	16-Sep-05	60100022			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
92	Lê Ngọc Thanh	Ngân	16-Jul-05	60118312			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
93	Phạm Khánh	Ngọc	25-Mar-05	60100024			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
94	Trần Anh Thảo	Ngọc	11-Dec-05	60100025			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
95	Bùi Uyên	Nhi	23-Nov-05	60118313			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
96	Nguyễn Sĩ Minh	Phú	21-May-05	60100026			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
97	Nguyễn Minh	Thái	28-Apr-05	60100027			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
98	Nguyễn Phương	Thảo	26-Aug-05	60117552			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
99	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	3-Apr-05	60118314			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
100	Hồ Đức	Tuấn	31-Aug-05	60100029			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
101	Nguyễn Đoàn Trung	Việt	23-Sep-05	60100030			5	5.2	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
102	Trương Phước Minh	Cường	10-May-05	60100257			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
103	Đỗ Trần Gia	Hân	21-Nov-05	60118226			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
104	Nguyễn Vô Gia	Huy	25-Sep-05	60100258			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
105	Phạm Tuấn	Kiệt	15-May-05	60118223			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
106	Lê Hoàng	Ngân	10-Jan-05	60118224			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
107	Nguyễn Thanh	Ngọc	22-Jun-05	60100260			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
108	Lê Huỳnh Bích	Trâm	24-Apr-05	60100262			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
109	Nguyễn Phạm Ngọc	Trân	8-Sep-05	60118225			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
110	Nguyễn Thành	Trí	28-Feb-05	60100263			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
111	Nguyễn Huỳnh Bảo	Tường	2-Jan-05	60100264			5	5.2	Đuốc Sổng	Đặc cách
112	Trần Lê Hoài	Anh	26-Oct-05	60118162			5	5.2	Hòa Bình	Đặc cách
113	Mai Hoàng Thanh	Giang	24-Mar-05	60118161			5	5.2	Hòa Bình	Đặc cách
114	Kiều Anh	Khoa	21-Dec-05	60100366			5	5.2	Hòa Bình	Đặc cách
115	Lê Nguyễn Chi	Lynh	29-Aug-05	60118160			5	5.2	Hòa Bình	Đặc cách
116	Đỗ Diệu	My	10-Jun-05	60118163			5	5.2	Hòa Bình	Đặc cách
117	Trần Quang Tuấn	Anh	29-Mar-05	60100496			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
118	Trương Trần Minh	Bảo	16-Feb-05	60117044			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
119	Nguyễn Hà Thùy	Dương	21-Jan-05	60118263			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
120	Nguyễn Mai	Hân	8-Jul-05	60118264			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
121	Bùi Minh	Hòa	14-Jul-05	60100507			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
122	Nguyễn Minh	Hùng	27-May-05	60100502			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
123	Lưu Vĩnh	Khang	15-Dec-05	60118265			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
124	Vũ Phương	Khanh	24-Feb-05	60118266			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
125	Hà Tuấn	Khôi	5-Jul-05	60118267			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
126	Trần Lê Phi	Long	4-Mar-05	60100503			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
127	Nguyễn Hoàng	Minh	26-Mar-05	60118268			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
128	Trần Đức	Minh	28-Feb-05	60118269			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
129	Chu Bội	Ngọc	27-Oct-05	60118270			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
130	Trần Nguyễn Tường	Nhi	17-Aug-05	60118271			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
131	Võ Anh	Phúc	6-Jun-05	60118272			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
132	Nguyễn Lê Minh	Thư	17-Jan-05	60100504			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
133	Trần Phương	Thùy	15-Apr-05	60118273			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
134	Trương Ngọc	Thùy	21-Jan-05	60118274			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
135	Nguyễn Kỳ	Vĩ	22-Dec-05	60117045			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
136	Đào Lê Phương	Vy	28-Apr-05	60118275			5	5.2	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
137	Huỳnh Lê Như	An	22-Jul-05	60100834			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
138	Nguyễn Minh	Anh	24-Dec-05	60100835			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
139	Lê Phan Gia	Hân	29-May-05	60100836			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
140	Phạm Hoàng	Lâm	25-Jan-05	60100838			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
141	Phạm Nguyễn Nhật	Minh	29-Apr-05	60100840			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
142	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	3-Jul-05	60118305			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
143	Nguyễn Khánh	Như	24-Apr-05	60100844			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
144	Lê Quang Thanh	Quốc	25-Jul-05	60100845			5	5.2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
145	Lê Hoàng Châu	Anh	17-Jan-05	60118188			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
146	Vũ Lương Minh	Châu	29-Dec-05	60101042			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
147	Đào Mạnh	Khải	1-Feb-05	60101043			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
148	Nguyễn Huy	Minh	11-Jan-05	60118189			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
149	Lê Hoàng Nhật	Nam	17-Jan-05	60118190			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
150	Lê Đỗ Khuê	Nghi	1-Jul-05	60101047			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
151	Phạm Minh	Thông	25-Dec-05	60101049			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
152	Phạm Kiến	Trường	18-Jan-05	60101052			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
153	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	30-Jun-05	60101053			5	5.2	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
154	Đỗ Nguyễn Hồng	Diệp	14-Sep-05	60101187			5	5.2	Nguyễn Huệ	Đặc cách
155	Trần Phú	Lộc	19-Aug-05	60101192			5	5.2	Nguyễn Huệ	Đặc cách
156	Trần Quốc	Thành	3-Feb-05	60101195			5	5.2	Nguyễn Huệ	Đặc cách
157	Trần Nguyễn Trung	Kiên	28-Jun-05	60101324			5	5.2	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
158	Hứa Bảo	Châu	30-Jul-05	60101466			5	5.2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
159	Nguyễn Khánh	Minh	31-Oct-05	60101473			5	5.2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
160	Phạm Lâm Như	Nguyên	14-Aug-05	60101479			5	5.2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
161	Hoàng Lê Minh	Nhật	8-Feb-05	60101467			5	5.2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
162	Trần Quốc Minh	Thiện	16-Aug-05	60101478			5	5.2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
163	Bùi Gia	Huy	16-Aug-05	60101732			5	5.2	Vas	Đặc cách
164	Đỗ Thiện	Phú	6-May-05	60101734			5	5.2	Vas	Đặc cách
165	Trương Quang	Phước	19-Jul-05	60101735			5	5.2	Vas	Đặc cách
166	Đỗ Lâm	Quân	3-Oct-05	60101736			5	5.2	Vas	Đặc cách
167	Nguyễn Thiên	Hà	21-Mar-05	60118315			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
168	Nguyễn Diệu	Hương	5-May-05	60118316			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
169	Võ Đình Gia	Huy	12-Sep-05	60100032			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
170	Phạm Ánh	Nghi	11-Aug-05	60100034			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
171	Nguyễn Minh	Quyền	28-Apr-05	60100036			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
172	Trần Thái Nhật	Tâm	17-May-05	60100037			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
173	Đặng Trần Doan	Trang	19-Apr-05	60118317			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
174	Trương Hoàng	Tuấn	13-Sep-05	60100039			5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
175	Phạm Phương Thảo	Nhi	21-Nov-05	60118216			5	5.3	Đuốc Sóng	Đặc cách
176	Ngô Minh Hoàng	Anh	9-Jul-05	60100377			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
177	Nguyễn Phan Nguyệt	Anh	27-Jan-05	60100369			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
178	Lê Nguyễn Ngọc	Khuê	9-Jan-05	60118165			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
179	Lê Thảo	Nguyên	29-Dec-05	60100371			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
180	Đặng Vinh	Phúc	9-Mar-05	60100368			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
181	Trần Nguyễn Bảo	Trâm	1-Aug-05	60118164			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
182	Nguyễn Hồ Trúc	Vy	21-Dec-05	60100372			5	5.3	Hòa Bình	Đặc cách
183	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23-Nov-05	60100414			5	5.3	Kết Đoàn	Đặc cách
184	Nguyễn Trần Gia	Huy	28-Aug-05	60100415			5	5.3	Kết Đoàn	Đặc cách
185	Nguyễn Huy	Anh	21-Jul-05	60100514			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
186	Trịnh Minh	Hiền	3-Feb-05	60100512			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
187	Nguyễn Minh	Huy	2-Jan-05	60118276			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
188	Hồ Nguyên Nguyên	Hy	26-Jan-05	60118277			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
189	Hà Phạm Anh	Khoa	17-Aug-05	60100515			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
190	Lý Đình Ngọc	Minh	30-Oct-05	60100513			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
191	Phạm Đông	Nghi	9-Nov-05	60100511			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
192	Trần Gia	Nghi	20-Jun-05	60118278			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
193	Đinh Anh	Quân	17-Jun-05	60118279			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
194	Trần Nguyễn Minh	Quân	1-Jun-05	60100509			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
195	Đặng Phan Trọng	Thức	7-Jul-05	60100510			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
196	Phạm Nguyễn Phú	Vinh	11-Feb-05	60118281			5	5.3	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
197	Trần Thảo	Nghi	14-Dec-05	60100853			5	5.3	Lương Thế Vinh	Đặc cách
198	Nguyễn Đức	An	27-Jan-05	60118191			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
199	Trương Gia	Bảo	22-Jun-05	60118195			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
200	Trần Quý Trọng	Đức	2-Mar-05	60101060			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
201	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hà	18-Aug-05	60118193			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
202	Nguyễn Khắc Hồng	Hải	12-Apr-05	60101061			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
203	Trương Tuấn	Khải	24-Mar-05	60118194			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
204	Lưu Minh	Khôi	3-Dec-05	60101059			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
205	Cao Thuỳ	Linh	8-Oct-05	60118192			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
206	Lê Thùy	Linh	9-Jan-05	60101055			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
207	Phạm Gia	Long	29-Oct-05	60101054			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
208	Đỗ Nguyễn Ánh	Minh	2-Dec-05	60101056			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
209	Cao Thùy	Trang	8-Oct-05	60101057			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
210	Trương Hữu Minh	Trí	2-Jan-05	60101058			5	5.3	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
211	Phạm Ngọc Thiên	Di	28-Sep-05	60101199			5	5.3	Nguyễn Huệ	Đặc cách
212	Hồ Đắc Liên	Ngân	17-Jun-05	60101201			5	5.3	Nguyễn Huệ	Đặc cách
213	Trần Bảo	Yến	2-Jun-05	60101204			5	5.3	Nguyễn Huệ	Đặc cách
214	Nguyễn Tuấn	Anh	15-Sep-05	60101483			5	5.3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
215	Phan Hoàng	Bách	24-Jan-05	60101482			5	5.3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
216	Lê Trung	Khải	11-Apr-05	60101484			5	5.3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
217	Trương Đặng Thảo	My	1-Dec-04	60101488			5	5.3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
218	Huỳnh Nhuận	Thiên	24-Feb-05	60101492			5	5.3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
219	Nguyễn Trần Phương	Anh	30-Jul-05	60101737			5	5.3	Vas	Đặc cách
220	Ngô Hoàng	Đăng	13-May-05	60101738			5	5.3	Vas	Đặc cách
221	Kim Seol	Hee	17-May-04	60101740			5	5.3	Vas	Đặc cách
222	Đỗ Gia	Hy	31-Jan-05	60101741			5	5.3	Vas	Đặc cách
223	Phạm Huỳnh Khánh	Nhi	5-Jun-05	60101742			5	5.3	Vas	Đặc cách
224	Nguyễn Đình Anh	Quân	9-Mar-05	60101745			5	5.3	Vas	Đặc cách
225	Phạm Võ Tôn	Bảo	7-May-05	60118318			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
226	Nguyễn Thụy Tâm	Đan	20-Apr-05	60100043			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
227	Nguyễn Hữu Anh	Đức	17-Feb-05	60118319			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
228	Hoàng Minh	Quân	26-Sep-05	60118320			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
229	Nguyễn Minh	Trí	20-Mar-05	60118321			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
230	Nguyễn Lê	Uyên	27-Feb-05	60100045			5	5.4	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
231	Nguyễn Minh	Khôi	17-May-05	60118217			5	5.4	Đuốc Sổng	Đặc cách
232	Nguyễn Thùy	Nhi	18-Jan-05	60118166			5	5.4	Hòa Bình	Đặc cách
233	Đào Nguyễn Thảo	Tâm	18-Jan-05	60118167			5	5.4	Hòa Bình	Đặc cách
234	Trương Bảo	Hân	24-Apr-04	60100416			5	5.4	Kết Đoàn	Đặc cách
235	Nguyễn Trần Phương	Linh	20-Dec-05	60100477			5	5.4	Khai Minh	Đặc cách
236	Dương Hoàng Uyên	Phương	29-Aug-05	60100476			5	5.4	Khai Minh	Đặc cách
237	Nguyễn Trần Kim	Anh	6-Feb-05	60118282			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
238	Phạm Lan	Chi	15-Aug-05	60118283			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
239	Phạm Toàn Anh	Dũng	1-Feb-05	60118284			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
240	Trần Nguyễn Hải	Khanh	13-Feb-05	60118286			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
241	Nguyễn Thiên	Lam	3-May-05	60118287			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
242	Phan Nhật	Linh	5-Jan-05	60118288			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
243	Lê Phạm Trà	Mi	18-May-05	60118289			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
244	Đào Hữu Hoàng	Minh	15-Mar-05	60118290			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
245	Trần Hoàng	Nhân	13-Sep-05	60118291			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
246	Nguyễn Yến	Như	12-Apr-05	60100517			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
247	Lan Hiếu	Quân	28-Jul-05	60118292			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
248	Trương Hoàng	Tâm	1-Feb-05	60118293			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
249	Phạm Xuân	Thông	27-Apr-05	60118294			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
250	Đỗ Trí	Toàn	23-Sep-05	60118295			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
251	Phạm Nguyên	Trang	24-Nov-05	60118296			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
252	Bùi Ngọc Phương	Vy	28-Mar-05	60118298			5	5.4	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
253	Lâm Bảo	Châu	23-May-05	60100859			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
254	Đặng Anh	Hào	26-Sep-05	60100861			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
255	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	19-Sep-05	60100864			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
256	Nguyễn Minh Kiến	Quốc	1-Jun-05	60100867			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
257	Trần Đặng Minh	Triết	22-Sep-05	60100870			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
258	Phạm Trần Thảo	Vy	26-Jul-05	60100871			5	5.4	Lương Thế Vinh	Đặc cách
259	Nguyễn Ngọc Ánh	Dương	16-Aug-05	60101079			5	5.4	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
260	Quách Vĩnh	Khang	7-Sep-05	60118196			5	5.4	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
261	Cao Ngọc Mai	Khanh	27-Oct-05	60101081			5	5.4	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
262	Vũ Hoàng	Quân	16-Jul-05	60118197			5	5.4	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
263	Nguyễn Thanh Phương	Uyên	24-Jul-05	60101211			5	5.4	Nguyễn Huệ	Đặc cách
264	Phan Nguyễn Linh	Chi	20-Jul-05	60119059			5	5.4	Nguyễn Thái Học	Đặc cách
265	Nguyễn Phùng Trâm	Anh	29-Oct-05	60100046			5	5.5	Đinh Tiên Hoàng	Đặc cách
266	Đoàn Bá	Phương	3-Apr-05	60118218			5	5.5	Đuốc Sóng	Đặc cách
267	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	26-Jul-05	60100388			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
268	Đoàn Lê Nguyệt	Cát	31-Dec-05	60118169			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
269	Nguyễn Lê Minh	Khôi	27-Apr-05	60100390			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
270	Trịnh Bảo	Lâm	15-Feb-05	60118168			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
271	Hồ Thị Minh	Ngọc	24-Jan-05	60100387			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
272	Trần Vũ Bảo	Ngọc	27-Apr-05	60118170			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
273	Nguyễn Tấn	Phát	14-Mar-05	60100391			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
274	Triệu Hùng	Quân	8-Jul-05	60118171			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
275	Lê Minh	Tâm	3-Apr-05	60100386			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
276	Nguyễn Phan Thạch	Thảo	11-Sep-05	60100389			5	5.5	Hòa Bình	Đặc cách
277	Nguyễn Minh	Kiều	2-Aug-05	60100435			5	5.5	Kết Đoàn	Đặc cách
278	Bùi Khánh	Linh	12-Apr-05	60100433			5	5.5	Kết Đoàn	Đặc cách
279	Lê Quang	Dũng	15-Oct-05	60100487			5	5.5	Khai Minh	Đặc cách
280	Phạm Lê Quốc	Việt	7-Dec-05	60100483			5	5.5	Khai Minh	Đặc cách
281	Nguyễn Hữu Thiên	Khánh	6-Nov-05	60100520			5	5.5	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
282	Đặng Khắc Nguyên	Khôi	20-Nov-05	60118299			5	5.5	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
283	Nguyễn Khánh	Ngọc	25-Feb-05	60118300			5	5.5	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
284	Trần Phan Phương	Nguyễn	1-Jan-05	60100522			5	5.5	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
285	Đoàn Phú Tuấn	Anh	15-Jan-05	60101085			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
286	Lê Tú	Anh	4-Dec-05	60101083			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
287	Phạm Nguyễn Minh	Anh	16-Jan-05	60101084			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
288	Nguyễn Gia	Bách	24-Oct-05	60101086			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
289	Nguyễn Duy	Khang	5-Aug-05	60118199			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
290	Dương Ngọc	Khanh	12-Sep-05	60101087			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
291	Lê Bảo	Ngọc	16-Nov-05	60118198			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
292	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	30-Oct-05	60118200			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
293	Nguyễn Ngọc Hồng	Trâm	27-Apr-05	60101089			5	5.5	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
294	Đào Duy	Phương	31-Jul-05	60118220			5	5.6	Đuốc Sổng	Đặc cách
295	Nguyễn Đăng	Minh	6-Feb-05	60100423			5	5.6	Kết Đoàn	Đặc cách
296	Nguyễn Huỳnh Đông	Nghi	25-Jul-05	60118301			5	5.6	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
297	Lại Cát Khai	Nguyên	23-Sep-05	60118302			5	5.6	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
298	Luyện Đức	Nguyên	25-Apr-05	60118303			5	5.6	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
299	Lê Minh	Quân	26-Oct-05	60118304			5	5.6	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
300	Trần Thảo	Nghi	8-Mar-05	60118202			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
301	Nguyễn Năng Hải	An	28-Aug-05	60101070			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
302	Lê Thị Thái	Anh	18-Mar-05	60101071			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
303	Nguyễn Quỳnh	Anh	28-Jan-05	60118204			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
304	Nguyễn Trần Minh	Anh	1-Feb-05	60118203			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
305	Võ Trần Bảo	Hoa	1-Dec-05	60101073			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
306	Nguyễn Tuấn	Khoa	21-Dec-05	60118207			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
307	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	3-Feb-05	60118205			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
308	Nguyễn Phương Ngọc	Mai	18-Nov-05	60118201			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
309	Trần Phương	Ngân	16-Mar-05	60118206			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
310	Lương Tất	Thành	21-Aug-05	60101068			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
311	Triệu Quốc	Vinh	28-Oct-05	60101062			5	5.6	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
312	Trần Hiền	Thảo	11-Jul-05	60100057			5	5.7	Đình Tiên Hoàng	Đặc cách
313	Lê Duy	Anh	11-Aug-05	60100429			5	5.7	Kết Đoàn	Đặc cách
314	Đặng Thái	Hòa	7-Jul-05	60100428			5	5.7	Kết Đoàn	Đặc cách
315	Ngô Hoàng Bảo	Châu	12-Nov-05	60100531			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
316	Nguyễn Thới Nguyên	Khang	30-Dec-05	60100535			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
317	Trần Đăng	Khoa	1-Nov-05	60100537			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
318	Ngô Hoàng Bảo	Ngọc	12-Nov-05	60100539			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
319	Quan Nguyễn Vân	Nhi	6-Jan-05	60100540			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
320	Bùi Minh	Quang	27-Oct-05	60100542			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
321	Lê Ngọc Bảo	Trân	30-Oct-05	60100543			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
322	Nguyễn Khánh	Tường	6-Jul-05	60100533			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
323	Phan Hồng	Yên	30-Jun-05	60100545			5	5.7	Lê Ngọc Hân	Đặc cách
324	Phan Trung	Chánh	4-Feb-05	60101076			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
325	Lê Vinh	Điện	18-Jan-05	60118208			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
326	Lê Ngọc Phước	Hưng	7-Nov-05	60101077			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
327	Lê Ngọc	Huyền	5-May-05	60118210			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
328	Trương Mai	Khanh	25-Apr-05	60101074			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
329	Đình Phạm Bá	Thi	10-Apr-04	60118209			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
330	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	31-Jan-05	60118211			5	5.7	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
331	Vũ Quốc	Dũng	13-Sep-05	60118212			5	5.8	Nguyễn Bình Khiêm	Đặc cách
332	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	16-Feb-05	60101511			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
333	Phạm Đức Nhật	Anh	23-Mar-05	60101509			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
334	Phạm Vũ Trường	Ca	27-Apr-05	60101514			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
335	Lê Nhất	Chung	27-Nov-05	60101518			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
336	Lê Quốc	Duy	25-Apr-05	60101512			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
337	Lê Nam	Khánh	8-Jan-05	60101517			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
338	Đào Minh	Khôi	6-Apr-05	60101520			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
339	Nguyễn Ngọc	Mạnh	30-Apr-05	60101516			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
340	Hồ Trọng	Minh	26-Aug-05	60101510			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
341	Nguyễn Cao	Nhân	23-Oct-05	60101506			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
342	Trần Nguyễn Tiến	Phát	14-Jan-05	60101519			5	5C1	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
343	Đào Nguyễn Quỳnh	Anh	26-Sep-05	60101530			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
344	Hoàng Thái	Bình	6-Jun-05	60101534			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
345	Đoàn Thái	Hà	12-Dec-05	60101529			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
346	Nguyễn Ngọc Thuận	Hiếu	17-Oct-05	60101528			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
347	Hồ Vũ Minh	Khang	19-May-05	60101531			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
348	Mai Hoàng	Khánh	20-Nov-05	60101532			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
349	Nguyễn Anh	Khôi	15-Aug-05	60101533			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
350	Trịnh Đan	Lê	5-Sep-05	60101522			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
351	Trần Gia	Linh	19-Oct-05	60101537			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
352	Nguyễn Thanh	Mai	27-Nov-05	60101524			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
353	Lâm Nguyễn Phương	Nghi	28-Jun-05	60101527			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
354	Huỳnh Nguyễn Minh	Như	20-Sep-05	60101521			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
355	Nguyễn Ngọc	Tuệ	7-Sep-05	60101526			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
356	Nguyễn Nhật Phương	Uyên	4-Jul-05	60101535			5	5C2	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
357	Vũ Bảo	Châu	25-Apr-05	60101542			5	5C3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
358	Nguyễn Trần Quang	Minh	28-Oct-05	60101546			5	5C3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
359	Nguyễn Lam	Ngọc	10-Nov-05	60101543			5	5C3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
360	Lâm Ngọc	Thy	11-Sep-05	60101545			5	5C3	Trần Hưng Đạo	Đặc cách
361	Nguyễn Minh	Khuê	12-Apr-03				6	6	TH, THCS và THPT Úc Châu	Đặc cách
362	Tăng Lạc Cẩm	Thi	25-Apr-03				6	6	TH, THCS và THPT Úc Châu	Đặc cách
363	Nguyễn Diên Việt	Anh	04-Sep-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
364	Lê Trần Khánh	Đoan	13-Feb-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
365	Trần Việt	Hải	17-Feb-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
366	Tô Thị Thái	Hòa	28-Dec-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
367	Lâm Dĩ	Khang	21-May-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
368	Lê duy	Khoa	13-Nov-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
369	Nguyễn Thị Hà	Linh	18-Sep-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
370	Đào Minh	Trí	05-Mar-03				6	6	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
371	Hoàng Ngọc Thuy	Trâm	06-Aug-03				6	6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
372	Trần Gia	Bảo	14-Jan-04				6	6	Úc Châu	Đặc cách
373	Nguyễn Đỗ Gia	Huy	01-Jan-04				6	6	Úc Châu	Đặc cách
374	Đỗ Ngọc Trung	Nguyên	06-Aug-04				6	6	Úc Châu	Đặc cách
375	Lê Hoàng	Thông	01-Aug-04				6	'6.1	Minh Đức	Đặc cách
376	Đình Trần Hoàng	Minh	02-Nov-04				6	'6.1	VAS	Đặc cách
377	Bùi Nguyên Phương	Parice	23-Oct-04				6	'6.1	VAS	Đặc cách
378	Tổng Bá	Quân	30-Jun-04				6	'6.1	VAS	Đặc cách
379	Nguyễn Đức	Tuấn	26-Nov-04				6	'6.1	VAS	Đặc cách
380	Nguyễn Phạm Uyên	Thi	02-Feb-04				6	'6.11	Minh Đức	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
381	Lê Thanh	Vân	25-Apr-04				6	'6.11	Minh Đức	Đặc cách
382	Trần Tuấn	Hào	30-Mar-04				6	'6.12	Minh Đức	Đặc cách
383	Phạm Nguyễn Minh	Khánh	02-Sep-04				6	'6.12	Minh Đức	Đặc cách
384	Lê Lâm Phương	Như	27-Nov-04				6	'6.12	Minh Đức	Đặc cách
385	Đỗ Lê Minh	Thư	22-May-04				6	'6.12	Minh Đức	Đặc cách
386	Phạm Hùng	Justin	21-Nov-04				6	'6.2	VAS	Đặc cách
387	Lê Mỹ	Uyên	24-Apr-04				6	'6.2	VAS	Đặc cách
388	Trần Vi	Vi	11-Jun-04				6	'6.2	VAS	Đặc cách
389	Nguyễn Đỗ Phương	Vy	01-Jan-04				6	'6.2	VAS	Đặc cách
390	Hà Trần Bảo	Châu	19-May-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
391	Nguyễn Hữu Minh	Hoàng	03-Feb-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
392	Nguyễn Ngọc Phương	Lan	30-Apr-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
393	Nguyễn Khánh	Như	15-Sep-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
394	Phạm Thị Nam	Phương	20-Nov-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
395	Huỳnh Chí	Thành	12-May-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
396	Hà Minh	Triết	09-Jan-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
397	Lê Nguyễn Anh	Tú	04-Nov-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
398	Nguyễn Bảo Nhật	Vy	21-Jan-04				6	'6.3	VAS	Đặc cách
399	Lê Võ Xuân	Phong	18-Aug-04				6	'6.6	Minh Đức	Đặc cách
400	Nguyễn Vũ Hà	Vy	06-May-04				6	'6.6	Minh Đức	Đặc cách
401	Nguyễn Chí	Thành	20-May-04				6	'6.8	Minh Đức	Đặc cách
402	Nguyễn Phi	Phụng	27-Oct-04				6	'6.9	Minh Đức	Đặc cách
403	Nguyễn Tăng	Hiếu	18-Mar-04				6	6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
404	Phạm Gia	Phát	14-Oct-04				6	6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
405	Nguyễn Quốc Anh	Thư	31-May-04				6	6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
406	Nguyễn Tuấn	Anh	09-Aug-04				6	'6/1	Nguyễn Du	Đặc cách
407	Tăng Thiều	Anh	15-Nov-04				6	'6/1	Nguyễn Du	Đặc cách
408	Bùi Phạm Minh	Tuyền	16-Jul-04				6	'6/1	Nguyễn Du	Đặc cách
409	Nguyễn Khánh	Yên	16-Oct-04				6	'6/1	Nguyễn Du	Đặc cách
410	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	06-Apr-04				6	6/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
411	Vũ Lê Thục	Anh	24-Jan-04				6	6/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
412	Phạm Sơn Thủy	Nguyên	23-Aug-04				6	6/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
413	Đinh Anh	Vũ	22-Aug-04				6	6/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
414	Võ Nguyễn Thái	Dương	30-Jul-04				6	6/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
415	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	22-Apr-04				6	6/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
416	Lê Tuấn	Anh	18-Sep-04				6	6/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
417	Cadungo Buenaventura	Kathlene	23-Sep-04				6	6/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
418	Hoàng Trung	Kiên	06-Mar-04				6	6/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
419	Hoàng	Ngân	06-Apr-04				6	6/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
420	La Phương	Nghi	23-Mar-04				6	6/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
421	Đào Trịnh	Thịnh	09-Nov-04				6	6/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
422	Trần Thu	Hà	22-May-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
423	Trần Nguyên Gia	Hân	06-Jun-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
424	Từ Phương	Khanh	07-Jan-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
425	Mai Uyên	My	04-Sep-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
426	Tôn Đức	Nhân	26-Sep-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
427	Nguyễn Kim Tường	Phụng	19-Nov-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
428	Trần Lê Hữu	Phước	24-Dec-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
429	Nguyễn Xuân Uyên	Trâm	27-Jan-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
430	Đặng Đức	Trí	05-Jun-03				6	6/2	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
431	Tô Chi	Lam	24-Dec-03				6	6/2	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
432	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	08-Apr-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
433	Trần Thị Hiếu	Hậu	01-Feb-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
434	Trần Minh	Hiếu	02-Dec-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
435	Nguyễn Thị Mai	Hoa	24-May-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
436	Thạch Khiết	Minh	24-Nov-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
437	Phạm Võ Minh	Thư	12-Apr-04				6	'6/2	Nguyễn Du	Đặc cách
438	Vũ Chí	Cường	14-Aug-04				6	6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
439	La Quốc	Huy	13-Jan-04				6	6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
440	Nguyễn Đức Minh	Quân	25-Jan-04				6	6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
441	Lưu Thanh	Thảo	19-Sep-04				6	6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
442	Trần Tổ	Hiền	28-Oct-03				6	6/3	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
443	Trương Nhật Phương	Thanh	01-Nov-03				6	6/3	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
444	Vũ Thùy	Trang	22-Feb-03				6	6/3	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
445	Lê Hồng	Anh	15-Aug-03				6	6/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
446	Lý Gia	Hân	02-Oct-03				6	6/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
447	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	05-Jan-03				6	6/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
448	Phạm Đỗ Công	Tiến	24-Nov-03				6	6/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
449	Nguyễn Trúc	Anh	07-Jun-04				6	'6/3	Nguyễn Du	Đặc cách
450	Nguyễn Mỹ	Vân	08-Feb-04				6	'6/3	Nguyễn Du	Đặc cách
451	Trương Anh	Huy	25-Nov-04				6	6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
452	Phạm Kim	Ngân	05-May-04				6	6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
453	Nguyễn Trần Đông	Nghi	26-Sep-04				6	6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
454	Ngô Nguyễn Bảo	Ngọc	10-May-04				6	6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
455	Nguyễn Song Hoàng	Như	08-Feb-03				6	6/4	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
456	Lê Vi	Trang	13-Dec-03				6	6/4	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
457	Trần Ngọc Minh	Uyên	08-Apr-04				6	6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
458	Nghiêm Gia	Khang	30-Oct-03				6	6/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
459	Nguyễn Thanh	Khôi	27-Jan-03				6	6/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
460	Nguyễn Lê Khánh	Phương	26-Mar-03				6	6/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
461	Nguyễn Tấn	Đại	28-Jul-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
462	Nguyễn Hồng	Đạt	08-Jan-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
463	Nguyễn Ngọc	Dung	01-Feb-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
464	Đỗ Phước	Nguyên	07-Apr-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
465	Phạm Bích	Phương	05-Apr-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
466	Nguyễn Đăng Anh	Quân	04-Jun-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
467	Trần Anh	Quân	15-Dec-04				6	'6/5	Nguyễn Du	Đặc cách
468	Trần Gia	Vinh	15-Apr-04				6	'6/5	Võ Trường Toản	Đặc cách
469	Nguyễn Lê Hạ	Vân	21-May-04				6	6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
470	Phạm Minh Gia	Bảo	11-May-03				6	6/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
471	Nguyễn Lâm Phúc	Khánh	04-Jan-04				6	6/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
472	Nguyễn Ngô Ngọc	Như	18-Feb-03				6	6/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
473	Lê Ngọc Thiên	Phước	25-Aug-03				6	6/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
474	Trương Tấn	Vinh	02-Sep-03				6	6/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
475	Nguyễn Khánh	Phương	06-Feb-04				6	'6/6	Nguyễn Du	Đặc cách
476	Nguyễn Châu Phương	Anh	15-Jan-04				6	'6/6	Võ Trường Toàn	Đặc cách
477	Vũ	Hà	13-Feb-04				6	'6/6	Võ Trường Toàn	Đặc cách
478	Nguyễn Quang	Ngọc	10-Oct-04				6	'6/6	Võ Trường Toàn	Đặc cách
479	Lê Đình Hoàng	Quân	17-Apr-04				6	'6/6	Võ Trường Toàn	Đặc cách
480	Nguyễn Gia	Bảo	18-May-03				6	6/7	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
481	Nguyễn Lâm Đăng	Khoa	08-Oct-03				6	6/7	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
482	Hồ Quang	Long	09-Oct-03				6	6/7	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
483	Trần Hoàng	Khang	17-Dec-04				6	'6/7	Nguyễn Du	Đặc cách
484	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	19-Jul-04				6	'6/7	Nguyễn Du	Đặc cách
485	Trần Nguyễn Minh	Thư	27-Mar-03				6	6/8	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
486	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23-Jul-03				6	6/8	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
487	Văn Cẩm	Tú	30-Jul-03				6	6/8	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
488	Nguyễn Trương Linh	Nguyên	13-May-04				6	'6/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
489	Trần Tiến	Phong	14-Feb-04				6	'6/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
490	Phạm Minh	Thư	04-Dec-04				6	'6/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
491	Phí Trung	Việt	18-Jan-04				6	'6/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
492	Nguyễn Trọng	Hùng	07-Aug-04				6	6A1	Chu Van An	Đặc cách
493	On Gia	Bảo	23-Feb-04				6	6A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
494	Lê Trần Khánh	Linh	08-Mar-04				6	6A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
495	Nguyễn Minh	Mẫn	06-Mar-04				6	6A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
496	Lê Khương Vân	Thụy	22-Jan-04				6	6A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
497	Nguyễn Thị Thùy	Dương	29-Jun-03				6	6a1	THCS Đức Trí	Đặc cách
498	Đặng Nguyên	Lộc	29-Sep-03				6	6A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
499	Thái Khánh	An	02-Aug-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
500	Bùi Hoàng	Anh	27-Apr-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
501	Trần Khánh	Đăng	29-Jan-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
502	Đỗ Vũ Đình	Khiêm	09-May-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
503	Dương Đăng Nhật	Minh	02-Oct-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
504	Nguyễn Phúc Nhật	Minh	26-Sep-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
505	Trần Thế	Minh	08-Mar-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
506	Phan Hoàng	Quân	29-May-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
507	Phạm Trần Cát	Tường	10-Apr-03				6	6A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
508	Đinh Nhã Thùy	Khanh	20-Jan-04				6	6A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
509	Nguyễn Duy	Tân	20-Aug-04				6	6A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
510	Nguyễn Hà Phương	Trâm	21-Feb-04				6	6A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
511	Nguyễn Minh Bảo	Huy	10-Apr-04				6	6A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
512	Phạm Vũ	Long	21-Nov-04				6	6A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
513	Phạm Đức	Hiếu	05-Oct-04				6	6A10	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
514	Trần Thái Hoàng	Nhi	28-May-04				6	6A10	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
515	Tôn Thất Minh	Khôi	06-Sep-04				6	6A11	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
516	Đỗ Khoa	Nguyên	01-Jan-04				6	6A11	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
517	Tào Đoàn Quang	Nguyên	15-Jun-04				6	6A11	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
518	Nguyễn Phan Kỳ	Anh	25-Oct-04				6	6A12	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
519	Lê Hải	Long	17-Sep-04				6	6A12	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
520	Phạm Hoàng An	Khanh	18-Apr-04				6	6A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
521	Dương Bảo	Long	26-Feb-04				6	6A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
522	Trần Mai	Ly	09-Jun-04				6	6A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
523	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	21-Oct-04				6	6A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
524	Huỳnh Ngọc Kim	Thư	07-Apr-04				6	6A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
525	Lê Đoàn Khương	Duy	04-Feb-04				6	6A13	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
526	Đặng Trần Nhật	Minh	13-Aug-04				6	6A13	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
527	Đinh Nguyễn Khánh	Trình	22-Feb-04				6	6A13	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
528	Lê Mai Việt	Hoàn	30-Sep-04				6	6A14	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
529	Trần Lê Công	Anh	26-Apr-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
530	Nguyễn Trần Bảo	Duy	02-Nov-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
531	Nguyễn Ý	My	14-Mar-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
532	Phan Minh Hiếu	Nhân	07-Mar-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
533	Tiết Lê Duy	Phong	15-Sep-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
534	Phạm Nhật	Quang	20-Sep-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
535	Nguyễn Ngọc Tháo	Vy	12-Jan-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
536	Nguyễn Khang	Vỹ	06-Nov-04				6	6A15	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
537	Phạm Văn	Hà	26-Aug-03				6	6A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
538	Huỳnh Minh	Khương	02-Apr-03				6	6A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
539	Đậu Thị Thiệu	Minh	27-Nov-03				6	6A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
540	Phạm Hồng	Ân	05-Apr-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
541	Dương Ngọc Phương	Anh	18-Jul-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
542	Ngô Minh	Anh	10-Apr-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
543	Nguyễn Lê Hồng	Anh	21-Nov-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
544	Phan Ngọc Quỳnh	Anh	18-Sep-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
545	Trần Song Hà	Anh	16-Apr-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
546	Hoàng Hy	Khang	10-Mar-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
547	Đặng Trần Hồng	Minh	17-Feb-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
548	Nguyễn Ngọc	Minh	18-Mar-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
549	Vương Tiến	Minh	02-Aug-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
550	Huỳnh Minh	Quân	07-Jul-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
551	Lưu Trần Phương	Quỳnh	03-May-03				6	6A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
552	Huỳnh Trần Tâm	Anh	08-Sep-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
553	Lê Thạch Phước	Hưng	26-May-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
554	Nguyễn Phạm Gia	Huy	29-Jan-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
555	Lê Đăng	Khoa	18-Dec-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
556	Đỗ Nguyên	Khôi	26-Mar-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
557	Phan Ngọc	Minh	12-Feb-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
558	Nguyễn Phạm Minh	Quân	20-Apr-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
559	Trần Thanh	Sơn	12-Feb-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
560	Đinh Đức	Thịnh	23-Mar-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
561	Nguyễn Võ Toàn	Thịnh	03-Feb-04				6	6A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
562	Hồ Khả Thiện	Ân	18-Sep-04				6	6A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
563	Nguyễn Quỳnh	Anh	29-Oct-04				6	6A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
564	Trần Quang	Huy	07-Oct-04				6	6A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
565	Phạm Tấn	Lộc	26-Oct-04				6	6A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
566	Nguyễn Thanh Minh	Thiện	13-Feb-04				6	6A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
567	Nguyễn Thảo	Anh	09-Mar-04				6	6A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
568	Bùi Diễm	Ngọc	21-Jan-04				6	6A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
569	Phạm Nguyễn Thảo	Quỳnh	18-Apr-04				6	6A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
570	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	01-Jul-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
571	Vũ Hải	Đăng	01-Jul-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
572	Lê Trung	Hải	19-Dec-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
573	Phạm Khắc Việt	Khôi	26-Oct-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
574	Tô Bảo	Nghi	04-Oct-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
575	Nguyễn Minh Hải	Vân	01-Nov-03				6	6A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
576	Trương Khánh	Đường	08-Feb-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
577	Nguyễn Nam Chí	Hiếu	31-Aug-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
578	Nguyễn Đức Thảo	Ngân	06-Feb-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
579	Võ Xuân	Nghi	02-Aug-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
580	Võ Hữu	Thọ	06-May-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
581	Lương Đức	Trí	19-Dec-04				6	6A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
582	Trà Ngọc Diễm	Quỳnh	29-Jan-04				6	'6a3	Đức Trí	Đặc cách
583	Trần Hương	Anh	28-Sep-04				6	6A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
584	Phùng Quang	Hòa	26-Oct-04				6	6A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
585	Lê Quang	Nghĩa	24-Dec-04				6	6A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
586	Trần Ngọc Quỳnh	Thư	28-Sep-03				6	6A4	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
587	Lã Nguyễn Gia	Hy	16-Jul-03				6	6A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
588	Đặng Nguyên	Khang	27-Jul-03				6	6A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
589	Trần Duy	Minh	29-Jul-03				6	6A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
590	Trần Lê	Minh	26-Feb-03				6	6A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
591	Đỗ Việt	Phuong	02-Jul-03				6	6A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
592	Dương Quỳnh	Anh	18-Jan-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
593	Dương Tấn	Đạt	07-Jul-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
594	Hoàng Ngọc Lan	Huong	13-Jan-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
595	Trần Vinh	Nghi	14-Dec-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
596	Trương Quang Anh	Nguyên	24-May-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
597	Lê Nguyễn Khánh	Nhi	06-Oct-04				6	6A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
598	Nguyễn Hùng	Vũ	14-Jul-04				6	6A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
599	Đỗ Quỳnh	Chi	31-Jan-04				6	6A5	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
600	Nguyễn Lê Ngọc	Tuyền	17-Apr-03				6	6A5	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
601	Võ Phạm Anh	Khoa	27-Jun-03				6	6A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
602	Trần Minh	Khôi	22-Jan-03				6	6A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
603	Lê Phương	Nam	14-Feb-03				6	6A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
604	Quách Quỳnh Bảo	Ngọc	11-Dec-03				6	6A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
605	Nguyễn Khoa	Nguyên	29-Oct-03				6	6A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
606	Nguyễn Trần Vy	Ân	13-Apr-04				6	6A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
607	Nguyễn Tuấn	Minh	03-Nov-04				6	6A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
608	Dương Mai	Phuong	19-Aug-04				6	6A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
609	Nguyễn Minh	Quân	24-Oct-04				6	6A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
610	Trần Cẩm	Yến	15-Oct-04				6	6A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
611	Trần Lê Hải	Long	02-Jan-04				6	6A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
612	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	13-Dec-04				6	6A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
613	Nguyễn Đức Bảo	Trân	16-Nov-04				6	6A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
614	Đỗ Hoàng Phương	Vy	13-Oct-04				6	6A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
615	Nguyễn Phan Trí	Đức	13-Nov-03				6	6A6	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
616	Châu Thiên	Đạt	03-Apr-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
617	Nguyễn Phúc Minh	Khánh	23-Apr-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
618	Nguyễn Hoàng Nhật	Khoa	30-Mar-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
619	Phạm Trần Lan	Khuê	12-Jan-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
620	Phạm Thái Hoàng	Oanh	06-Jul-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
621	Nguyễn Ngọc Uyên	Phuong	21-Jan-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
622	Nguyễn Minh	Thur	22-Feb-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
623	Vương Quang Việt	Tùng	08-Jan-03				6	6A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
624	Đoàn Ngọc Yến	Phuong	09-Apr-04				6	6A6	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
625	Nguyễn Lâm	Uyên	29-Sep-04				6	6A6	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
626	Trần Khánh	Ngân	22-Feb-04				6	6A7	Lương Thế Vinh	Đặc cách
627	Lê Hiếu	Nhi	20-Feb-04				6	6A7	Lương Thế Vinh	Đặc cách
628	Lê	Tân	10-Nov-04				6	6A7	Lương Thế Vinh	Đặc cách
629	Nguyễn Minh Gia	Thy	06-Mar-04				6	6A7	Lương Thế Vinh	Đặc cách
630	Trần Thanh Bảo	Hân	14-Jan-04				6	6A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
631	Huỳnh Hoàng	Nhân	01-Jan-04				6	6A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
632	Trần Lê Thoại	Nhiên	04-Feb-04				6	6A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
633	Phạm Nguyễn Minh	Thur	08-May-04				6	6A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
634	Trần Tuấn	Thông	01-Nov-03				6	6a7	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
635	Lê Tuấn	Huy	27-Jun-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
636	Trương Minh	Khải	08-Jun-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
637	Nguyễn Phạm Vĩnh	Nghi	20-Mar-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
638	Võ Ngọc Minh	Phuong	08-Jan-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
639	Huỳnh Nguyễn Huyền	Trân	15-Feb-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
640	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	24-Sep-03				6	6A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
641	Nguyễn Thanh	Bình	13-Mar-04				6	6A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
642	Tổng Duy	Khang	15-Aug-04				6	6A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
643	Trần Lâm Bảo	Ngọc	19-Nov-04				6	6A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
644	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	06-Apr-04				6	6A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
645	Nguyễn Quốc Đông	Duy	26-Aug-04				6	6A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
646	Nguyễn Thị Thanh	Hân	01-Sep-04				6	6A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
647	Võ Huỳnh Hoàng	Lộc	20-Aug-04				6	6A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
648	Thang Huỳnh Phương	Nghi	13-Sep-04				6	6A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
649	Nguyễn	Khoa	26-Feb-04				6	6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
650	Trần Nhật Đông	Nghi	24-May-04				6	6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
651	Huỳnh Ngọc	Nhon	13-Jun-04				6	6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
652	Văn Cảnh Yên	Vy	23-Aug-04				6	6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
653	Nguyễn Minh	Phúc	18-Nov-03				6	6a8	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
654	Vũ Quỳnh	Anh	25-Dec-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
655	Nguyễn Hữu	Đạt	24-Feb-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
656	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	18-Oct-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
657	Phạm Đoàn Nguyên	Hưng	26-Feb-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
658	Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	04-Jun-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
659	Du Chí	Kiên	06-Sep-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
660	Nguyễn Khắc	Nguyên	29-Dec-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
661	Lê Thị Trang	Nhung	25-Mar-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
662	Đỗ Nguyễn Huy	Phát	23-May-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
663	Đỗ Thiên	Phúc	11-Apr-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
664	Nguyễn Đắc Nguyên	Phúc	06-Jun-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
665	Đặng Thành	Thông	30-Apr-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
666	Nguyễn Minh	Trí	17-Sep-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
667	Nguyễn Lê Minh	Tuấn	15-Oct-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
668	Hoàng	Tùng	09-Nov-03				6	6A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
669	Dương Ngọc Phương	Anh	25-Sep-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
670	Thái Quỳnh	Anh	28-Mar-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
671	Phạm Nguyễn Ngọc	Hân	08-Apr-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
672	Trương Quỳnh	Lan	04-Aug-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
673	Nguyễn Hồng	Liên	17-Jan-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
674	Nguyễn Thái Quỳnh	Như	12-Mar-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
675	Nguyễn Mậu	Sơn	28-Jan-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
676	Võ Minh	Thắng	02-May-04				6	6A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
677	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	05-Mar-04				6	6A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
678	Phạm Lê	Minh	01-Nov-04				6	6A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
679	Nguyễn Quốc Phương	Nghi	16-Jun-04				6	6A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
680	Nguyễn Phước	Ân	11-Dec-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
681	Lê Minh	Khôi	13-Aug-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
682	Đỗ Lê Ngọc	Minh	27-Oct-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
683	Đoàn Lâm Tâm	Nhi	11-Jun-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
684	Trần Lê Minh	Quân	25-Apr-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
685	Phạm Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	01-Jan-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
686	Huỳnh Ngọc	Tâm	28-Jun-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
687	Lê Huỳnh Minh	Tâm	24-May-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
688	Nguyễn Phúc	Thịnh	01-Jun-03				6	6A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
689	Đỗ Trần Bảo	Hân	31-May-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
690	Bùi Quốc	Khải	06-Aug-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
691	Nguyễn Thùy	Khanh	13-Dec-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
692	Nguyễn Thanh	Ngân	14-Sep-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
693	Nguyễn Trọng	Phát	18-Dec-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
694	Phạm Hoàng	Sơn	01-Jan-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
695	Trì Nguyên	Thành	10-Apr-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
696	Huỳnh Dương Phương	Vy	12-Feb-04				6	6A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
697	Ngô Minh	Anh	10-Apr-04				6		Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
698	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	17-Jun-04				6		Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
699	Low Swee Heng	Jeremy	29-Jul-02				7	7	TH, THCS và THPT Úc Châu	Đặc cách
700	Mai Công	Minh	23-Apr-02				7	7	TH, THCS và THPT Úc Châu	Đặc cách
701	Đỗ Ngọc Oanh	Thư	19-Oct-02				7	7	TH, THCS và THPT Úc Châu	Đặc cách
702	Cát Quang	Anh	03-Jun-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
703	Nguyễn Hà Vân	Anh	23-Mar-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
704	Khúc Thụy	Linh	23-Oct-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
705	Hoàng Minh	Nguyệt	22-Dec-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
706	Đoàn Ngọc Bảo	Phương	09-Mar-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
707	Nguyễn Văn Tuấn	Thành	20-Apr-02				7	7	THCS Trần Văn Ôn	Đặc cách
708	Phan Hà Thục	Anh	29-Nov-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
709	Trương Nhật	Huy	14-Aug-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
710	Lương Gia	Khanh	16-May-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
711	Lương Quế	Khanh	16-May-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
712	Bradley Quỳnh	Liên	29-Sep-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
713	Trần Quý Kim	Ngân	17-Apr-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
714	Trần Thy	Thư	27-Feb-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
715	Lại Ca	Thy	18-Jun-03				7	'7.1	VAS	Đặc cách
716	Tào Vĩnh	Thành	11-Sep-03				7	'7.11	Minh Đức	Đặc cách
717	Nguyễn Phan Hồng	Ngọc	17-Oct-03				7	'7.12	Minh Đức	Đặc cách
718	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	14-May-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
719	Nguyễn Xuân Quang	Anh	01-Jan-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
720	Phạm Lê Hoàng	Anh	04-Jan-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
721	Nguyễn Quốc	Dũng	09-Nov-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
722	Trịnh Xuân Tuấn	Kiệt	30-Aug-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
723	Trần Thiên	Kim	10-Sep-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
724	Ivan Gabriel Dandan	Meneses	25-Oct-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
725	Nguyễn Minh Vân	My	19-Nov-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
726	Bùi Thị Bích	Ngà	15-Oct-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
727	Trần Nam	Phương	19-Sep-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
728	Võ Lê	Quý	25-Oct-03				7	'7.2	VAS	Đặc cách
729	Bùi Công	Duy	19-Mar-03				7	'7.3	VAS	Đặc cách
730	Võ Lê	Khương	14-Sep-03				7	'7.3	VAS	Đặc cách
731	Nguyễn Hoàng Thiên	Lam	28-Jul-03				7	'7.3	VAS	Đặc cách
732	Nguyễn Văn Nhật	Minh	22-Sep-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
733	Phan Thị Nguyệt	Minh	13-Aug-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
734	Nguyễn Trọng	Nghĩa	18-Apr-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
735	Lê Hồng	Ngọc	28-Mar-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
736	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	04-Jul-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
737	Nguyễn Đức	Thiện	02-Feb-03				7	'7.4	VAS	Đặc cách
738	Trần Trọng Uyên	Phương	17-Jan-03				7	7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
739	Dư Đào Anh	Thư	27-Apr-03				7	7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
740	Võ Minh	Thư	26-Mar-03				7	7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
741	Đào Nguyễn Thiên	Trí	24-Sep-03				7	7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
742	Nguyễn Huy	Đức	15-Feb-02				7	7/1	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
743	Trần Hồ Đức	Nguyên	27-Jan-02				7	7/1	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
744	Phạm Thùy	Trang	11-Oct-02				7	7/1	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
745	Phan Thanh	Hương	02-Nov-02				7	7/1	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
746	Lê Ngọc Đăng	Khoa	03-Oct-02				7	7/1	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
747	Nguyễn Trường	Long	14-Nov-02				7	7/1	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
748	Nguyễn Hữu Trọng	Tân	05-Feb-02				7	7/1	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
749	Trần Anh	Tuyết	10-May-02				7	7/1	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
750	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	15-May-03				7	'7/1	Nguyễn Du	Đặc cách
751	Dương Ngọc Diễm	Hân	08-Sep-03				7	'7/1	Nguyễn Du	Đặc cách
752	Nguyễn Vân	Anh	14-Jun-03				7	7/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
753	Đỗ Nhân	Minh	16-Jul-03				7	7/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
754	Phạm Thùy	Trang	28-Jun-03				7	7/10	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
755	Nuyễn Lê Minh	Hiền	12-Feb-03				7	'7/10	Võ Trường Toản	Đặc cách
756	Vũ Thị Minh	Ngọc	30-Jan-03				7	'7/10	Võ Trường Toản	Đặc cách
757	Phạm Phương	Oanh	12-Jun-03				7	'7/10	Võ Trường Toản	Đặc cách
758	Lưu Thị Vân	Quynh	11-Nov-03				7	'7/10	Võ Trường Toản	Đặc cách
759	Lê Trầnn Diệu	Tú	15-Dec-03				7	'7/10	Võ Trường Toản	Đặc cách
760	Hoàng Võ Thùy	Dương	23-Nov-03				7	7/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
761	Huỳnh Phương Thảo	Nhi	21-Aug-03				7	7/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
762	Phạm Quốc	Thịnh	06-Nov-02				7	7/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
763	Phạm Thiên	Đan	27-Mar-03				7	'7/11	Võ Trường Toản	Đặc cách
764	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	11-Nov-03				7	'7/11	Võ Trường Toản	Đặc cách
765	Nguyễn Đình Thiên	Phúc	26-Jun-03				7	'7/11	Võ Trường Toản	Đặc cách
766	Nguyễn Phú	Thịnh	13-Dec-03				7	'7/11	Võ Trường Toản	Đặc cách
767	Nguyễn Bảo	Trân	05-Feb-03				7	'7/11	Võ Trường Toản	Đặc cách
768	Lê Hoàng Bảo	Khang	30-Oct-03				7	7/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
769	Phan	Long	13-Apr-03				7	7/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
770	Lê Minh	Phát	13-Sep-03				7	7/12	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
771	Nguyễn Thế	Hy	05-Aug-03				7	7/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
772	Mai Hoàng Đăng	Khoa	10-Feb-03				7	7/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
773	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	25-Oct-02				7	7/2	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
774	Lưu Khánh	Châu	23-Jan-02				7	7/2	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
775	Đào Vũ Thùy	Linh	27-Sep-02				7	7/2	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
776	Võ Hồ Phúc	An	01-Oct-03				7	'7/2	Nguyễn Du	Đặc cách
777	Nguyễn Linh	Chi	13-Nov-03				7	'7/2	Nguyễn Du	Đặc cách
778	Trần Ngọc Hiền	Chi	26-Feb-02				7	7/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
779	Vũ Hà Minh	Hạnh	25-Jul-02				7	7/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
780	Nguyễn Thiện	Nhân	01-May-02				7	7/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
781	Phạm Ngọc Minh	Trang	01-Apr-02				7	7/3	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
782	Võ Việt	Hưng	18-May-03				7	'7/3	Nguyễn Du	Đặc cách
783	Nguyễn Trần Minh	Quân	05-Sep-03				7	'7/3	Nguyễn Du	Đặc cách
784	Ngô Yến	Ngọc	07-May-02				7	7/4	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
785	Nguyễn Hoàng	Nam	02-Jun-02				7	7/4	THCS Võ Trường Toản	Đặc cách
786	Nguyễn Hà Tùng	Chi	03-Jan-03				7	'7/4	Nguyễn Du	Đặc cách
787	Trương Ngọc Lam	Hồng	26-Mar-03				7	'7/4	Nguyễn Du	Đặc cách
788	Nguyễn Hồng Uyên	Vy	18-Oct-03				7	'7/4	Nguyễn Du	Đặc cách
789	Lê Thế	Dân	27-Sep-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
790	Nguyễn Đăng Gia	Hòa	07-Jun-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
791	Trương Nguyễn Duy	Khang	25-Jun-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
792	Đỗ Hoàng Ngọc	Minh	20-Jun-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
793	Thành Thảo	Nguyên	16-Apr-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
794	Lê Minh Việt	Thư	06-Aug-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
795	Trương Hoàng Quốc	Việt	01-Mar-02				7	7/5	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
796	Lê Quốc	Cường	27-Jun-03				7	'7/5	Nguyễn Du	Đặc cách
797	Nguyễn Trần Thùy	Khanh	10-Jul-03				7	'7/5	Nguyễn Du	Đặc cách
798	Nguyễn Kinh	Luân	11-Oct-03				7	'7/5	Võ Trường Toản	Đặc cách
799	Phùng Hữu	Trí	07-Nov-03				7	'7/5	Võ Trường Toản	Đặc cách
800	Nguyễn Hồng Phương	Uyên	11-May-03				7	'7/5	Võ Trường Toản	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
801	Trịnh Gia	Huy	29-Sep-02				7	7/6	THCS Minh Đức	Đặc cách
802	Huỳnh Kim	Hoàng	03-Mar-02				7	7/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
803	Nguyễn Đỗ Hoàng	Kim	08-Sep-02				7	7/6	THCS Nguyễn Du	Đặc cách
804	Nguyễn Lê Bảo	Khanh	11-Feb-03				7	'7/6	Nguyễn Du	Đặc cách
805	Lê Phương	Vy	13-Mar-03				7	'7/7	Nguyễn Du	Đặc cách
806	Ngô Thanh	Tuấn	25-Apr-03				7	'7/7	Võ Trường Toàn	Đặc cách
807	Lê Phương	Anh	19-Nov-03				7	7/8	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
808	Lại Hà Anh	Thu	22-Apr-03				7	7/8	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
809	Đặng Vinh	Khôi	23-Mar-02				7	7/8	THCS Võ Trường Toàn	Đặc cách
810	Dương Bảo	Ngọc	18-Dec-02				7	7/8	THCS Võ Trường Toàn	Đặc cách
811	Trần Quỳnh	Anh	31-Jan-03				7	'7/8	Nguyễn Du	Đặc cách
812	Ngô Gia	Khiêm	25-Nov-03				7	'7/8	Nguyễn Du	Đặc cách
813	Vuũ Thùy	Trang	22-Feb-03				7	'7/8	Nguyễn Du	Đặc cách
814	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	08-Feb-03				7	'7/8	Nguyễn Du	Đặc cách
815	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	08-May-03				7	7/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
816	Nguyễn Phước Thiên	Phú	02-Mar-03				7	7/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
817	Trần Thành	Thái	30-Apr-03				7	7/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
818	Phạm Hoàng	Việt	13-Nov-03				7	7/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
819	Lê Thị Ngọc	Anh	06-Jan-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
820	Phan Vũ Tuấn	Anh	24-Dec-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
821	Võ Thị Thùy	Dung	01-Jan-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
822	Nguyễn Minh	Hiếu	02-May-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
823	Lê Nguyễn Khải	Hoàn	06-Dec-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
824	Nguyễn Xuân	Hoàng	11-Nov-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
825	Phạm Minh	Hưng	11-Apr-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
826	Đặng Hàng Quốc	Khang	01-Nov-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
827	Trương Ng. Gia	Khang	30-May-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
828	Bùi Đào Duy	Khánh	02-Apr-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
829	Nguyễn Minh	Khoa	13-Apr-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
830	Ng. Phúc Hoàng	Long	11-Dec-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
831	Dương Thảo	Nguyên	04-Apr-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
832	Trần Ng. Thảo	Nguyên	05-Jan-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
833	Kiều Ng. Vân	Nhi	01-Oct-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
834	Ng. Ngọc Quang	Phúc	22-Mar-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
835	Trần Danh	Sơn	29-Sep-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
836	Phạm Minh	Thịnh	11-Apr-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
837	Tạ Nguyễn Minh	Thư	22-May-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
838	Ng. Hồng Minh	Tú	12-Jul-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
839	Lê Huỳnh Khánh	Vân	01-Jun-03				7	'7/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
840	Nguyễn Tiến	Dũng	26-Feb-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
841	Nguyễn Hương	Giang	04-Jul-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
842	Nguyễn Lê Nhật	Hạ	01-May-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
843	Nguyễn Hoàng	Hoa	20-Mar-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
844	Huỳnh Minh	Khương	02-Feb-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
845	Hồ Trọng Kinh	Luân	18-Jul-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
846	Trần Ngọc Như	Phương	01-Aug-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
847	Huỳnh Ngọc Thủy	Tiên	23-Apr-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
848	Phạm Ngọc Thảo	Vy	30-Mar-03				7	7A1	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
849	Lương Đặng Thiên	Cơ	05-Jul-02				7	7a1	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
850	Phạm Đình	Long	12-Dec-01				7	7A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
851	Hoàng Ngọc Xuân	Mai	06-Mar-02				7	7A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
852	Nguyễn Khắc Ngọc	Quỳnh	14-Mar-02				7	7A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
853	Nguyễn Khánh Thủy	Dương	03-Oct-03				7	7A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
854	Lê Hồ Khánh	An	27-Jun-03				7	7A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
855	Nguyễn Trần Minh	Hiền	19-Jul-03				7	7A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
856	Nguyễn Trung	Kiên	02-Oct-03				7	7A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
857	Hồ Ngọc Minh	Uyên	24-Mar-03				7	7A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
858	Trần Nguyễn Minh	Duy	26-Jan-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách
859	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	10-Jun-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách
860	Nguyễn Thế	Khương	14-Jun-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
861	Phan Tâm	Như	15-Aug-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách
862	Lê Việt	Thành	12-Jun-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách
863	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	27-Jul-03				7	'7a1	Đức Trí	Đặc cách
864	Đỗ Ngọc Đăng	Giao	28-Oct-03				7	7A12	Trần Văn Ôn	Đặc cách
865	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	13-Sep-03				7	7A2	Chu Van An	Đặc cách
866	Nguyễn Đan	Anh	16-Jun-03				7	7A2	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
867	Lưu Hà	My	02-Nov-03				7	7A2	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
868	Hà Mai	Thơ	27-Dec-02				7	7a2	THCS Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
869	Cao Xuân	An	12-Jul-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
870	Võ Linh	Đan	06-May-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
871	Bùi Đình Song	Huy	30-Nov-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
872	Nguyễn Nhật	Huy	16-Mar-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
873	Nguyễn Bá	Hy	01-May-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
874	Trần Phước Huy	Khang	13-Jun-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
875	Võ Văn Minh	Quí	24-Jan-02				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
876	Trần Hoàng Như	Ý	23-Dec-01				7	7A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
877	Ngô Bảo	Đại	15-Oct-03				7	7A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
878	Nguyễn Minh Quỳnh	Đan	24-Jan-03				7	7A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
879	Lê Vinh	Hiển	25-Jul-03				7	7A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
880	Nguyễn Quỳnh	Nhi	19-Feb-03				7	7A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
881	Nguyễn Tiến	Phong	30-Sep-03				7	7A2	Trần Văn Ôn	Đặc cách
882	Nguyễn Tiến	Khánh	17-Feb-03				7	'7a2	Đức Trí	Đặc cách
883	Nguyễn Đặng Minh	Đức	18-Jul-03				7	7A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
884	Trần Đình	Dũng	15-Jan-03				7	7A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
885	Phạm Tuấn	Kiệt	29-Jan-03				7	7A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
886	Nguyễn Minh	Nam	04-Jan-03				7	7A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
887	Đình Lê Anh	Vũ	28-Aug-03				7	7A3	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
888	Kim Vân	Khánh	17-Sep-03				7	7A3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
889	Đoàn Nguyễn Hải	Thanh	06-May-03				7	7A3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
890	Vương Hữu	Nam	06-Jan-02				7	7A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
891	Đoàn Việt	Thành	20-Apr-02				7	7A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
892	Đào Nguyễn Minh	Thông	20-Sep-02				7	7A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
893	Lim Hoa My	Huy	26-Jan-03				7	7A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
894	Võ Quang	Khải	27-Mar-03				7	7A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
895	Nguyễn Kim Huế	Nam	10-Aug-03				7	7A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
896	Trần Khánh	Hoàng	03-May-03				7	7A3	Trần Văn Ôn	Đặc cách
897	Trần Thanh	Vy	05-Apr-03				7	7A3	Trần Văn Ôn	Đặc cách
898	Huỳnh Mai	Anh	12-May-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
899	Lê Ngọc	Hà	19-Nov-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
900	Phan Lan	Phuong	12-Sep-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
901	Phan Tấn	Phuong	12-Sep-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
902	Huỳnh Phan Phú	Vinh	13-Nov-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
903	Lê Đăng Hoàng	Xinh	20-Jan-03				7	7A4	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
904	Trương Lê Hoài	An	19-Oct-03				7	7A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
905	Đào Quang Nam	Anh	29-Aug-03				7	7A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
906	Đỗ Toàn	Thắng	06-Oct-03				7	7A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
907	Lâm Đào Trúc	Anh	07-Nov-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
908	Ngự Cát	Bình	18-Oct-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
909	Lê Minh Khánh	Châu	10-Oct-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
910	Nguyễn Hoàng Thùy	Dương	13-Aug-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
911	Hồ Lê Anh	Khoa	15-Oct-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
912	Võ Tá Đình	Nguyên	30-Sep-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
913	Nguyễn Hoàng	Phúc	30-May-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
914	Phạm Điền Văn	Thư	26-Aug-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
915	Phan Lê Thành	Tín	27-Mar-02				7	7A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
916	Phạm Gia	Hân	26-Jun-03				7	7A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
917	Cao Võ Bảo	Nguyên	06-Nov-03				7	7A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
918	Bùi Đình	Sáng	01-Jan-03				7	7A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
919	Tổng Phương Minh	Anh	05-Apr-03				7	7A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
920	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	15-Dec-03				7	7A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
921	Nguyễn Hùng Minh	Ân	20-Mar-03				7	'7a4	Đức Trí	Đặc cách
922	Lê Nam	Quốc	12-Oct-03				7	7A5	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
923	Nghiêm Minh	Anh	18-Sep-03				7	7A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
924	Trần Thiên	Ý	26-Feb-03				7	7A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
925	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	01-Jun-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
926	Vũ Minh	Đức	17-Nov-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
927	Đặng Lưu Bảo	Khánh	27-Jan-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
928	Ho Gia	Kiệt	14-May-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
929	Nguyễn Phương	Nghi	12-Jul-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
930	Đào Thị Ngọc	Phú	06-Jan-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
931	Nguyễn Đăng	Triều	12-Dec-02				7	7A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
932	Nguyễn Hoài Vân	Giang	19-Nov-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
933	Lê Nhật	Minh	10-Mar-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
934	Lê Hồng	Ngọc	26-Feb-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
935	Trần Ngọc	Nhi	16-Apr-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
936	Phan Trần Vy	Thảo	26-Sep-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
937	Phan Hoàng	Thịnh	29-Aug-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
938	Đỗ Thành	Tín	09-Apr-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
939	Trần Thúc Minh	Trí	17-Jun-03				7	7A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
940	Đoàn Nguyễn Thảo	Trang	14-Apr-03				7	7A5	Trần Văn Ôn	Đặc cách
941	Nguyễn Tiến	Dũng	09-Jul-03				7	7A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
942	Nguyễn Lê Hữu	Phát	04-Mar-03				7	7A6	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
943	Đỗ Nguyễn Linh	Đan	14-Aug-03				7	7A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
944	Phạm Tâm	Khanh	28-Jul-03				7	7A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
945	Nguyễn Võ Thảo	My	23-Feb-03				7	7A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
946	Nguyễn Song Uyên	Nhi	14-Jul-03				7	7A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
947	Hồ Tâm	Như	27-May-03				7	7A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
948	Nguyễn Đỗ Thiên	Phước	08-Dec-02				7	7a6	THCS Đức Trí	Đặc cách
949	Nguyễn Mai	Phương	24-Jan-02				7	7A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
950	Trần Trí	Thạnh	03-Aug-02				7	7A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
951	Lê Huỳnh Mỹ	Tâm	02-Jun-03				7	7A6	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
952	Phạm Ngọc Khánh	Đăng	04-Aug-03				7	7A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
953	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	05-Oct-03				7	7A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
954	Lý Tuyết	Naomi	29-Sep-01				7	7A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
955	Nguyễn Anh	Khoa	04-Oct-02				7	7a7	THCS Đức Trí	Đặc cách
956	Thân Ngọc Ánh	Hoa	29-Mar-02				7	7A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
957	Đỗ Đức	Hùng	05-Dec-02				7	7A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
958	Võ Anh	Quân	14-Jan-02				7	7A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
959	Nguyễn Đức	Tiến	20-Jan-02				7	7A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
960	Lê Nguyễn Lan	Chi	10-Jul-03				7	7A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
961	Nguyễn Hoàng	Khánh	14-Jun-03				7	7A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
962	Trương Hoàng Sơ	Dương	03-Jan-03				7	7A8	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
963	Nguyễn Dương	Minh	16-Mar-03				7	7A8	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
964	Huỳnh Minh	Trị	09-Jul-03				7	7A8	Huỳnh Khương Ninh	Đặc cách
965	Yang Tú	Anh	31-Jan-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
966	Lý Minh	Hân	29-Aug-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
967	Võ Trương Nhật	Lam	13-Jul-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
968	Phạm Phi	Long	01-Nov-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
969	Phạm Thảo	Nguyên	10-Jan-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
970	Đinh Kiều	Nhi	15-Dec-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
971	Phạm Bình Phương	Nhi	20-Dec-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
972	Ngô Văn Hồng	Phương	24-Mar-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
973	Võ Hoàng	Quân	12-Feb-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
974	Huỳnh Phạm Anh	Tuấn	09-Apr-03				7	7A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
975	Phạm Trần Thụy	Anh	05-May-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
976	Lê Phát Anh	Duy	05-Mar-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
977	Ngụy Tuấn	Khải	03-Aug-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
978	Đặng Ngọc Vỹ	Khang	27-Sep-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
979	Trần Thụy	Khuê	15-Mar-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
980	Cao Trần Phong	Luân	03-Aug-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
981	Dư Đức	Mạnh	28-Oct-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
982	Nguyễn Lương Nhật	Quang	19-Jun-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
983	Nguyễn Xuân	Thịnh	09-Mar-02				7	7A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
984	Ngô Thái Tuệ	Anh	07-Mar-02				7	7A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
985	Mã Lệ	Hoa	27-Mar-03				7	7A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
986	Trần Gia	Quý	25-Nov-03				7	7A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
987	Đoàn Nguyễn Khánh	Thư	10-Jan-03				7	7A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
988	Huỳnh Lý	Minh	06-Oct-03				7	7A8	Trần Văn Ôn	Đặc cách
989	Đặng Đoàn	Nguyên	06-Dec-03				7	7A8	Trần Văn Ôn	Đặc cách
990	Trần Long	Huy	02-Nov-03				7	7A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
991	Ngô Gia	Bảo	21-Aug-03				7	7A9	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
992	Nguyễn Thanh	Tùng	31-Oct-02				7	lop 7	THCS Đức Trí	Đặc cách
993	Trần Đăng	Khôi	15-Sep-03				7		Minh Đức	Đặc cách
994	Bùi Thị Thiên	Kim	20-Apr-03				7		Minh Đức	Đặc cách
995	Phạm Vũ	Quang	09-Nov-03				7		Minh Đức	Đặc cách
996	Đỗ Minh	Triết	16-Mar-03				7		Minh Đức	Đặc cách
997	Võ Minh	Khôi	11-Feb-02				8	8	Úc Châu	Đặc cách
998	Nguyễn Duy Thiên	Trân	26-Jul-02				8	8	Úc Châu	Đặc cách
999	Lê Nguyễn Kim	Trang	24-Jan-02				8	8	Úc Châu	Đặc cách
1000	Nguyễn Hà Hoàng	Yên	06-Jun-02				8	8	Úc Châu	Đặc cách
1001	Trương Thị Bình	Anh	29-May-02				8	'8	Minh Đức	Đặc cách
1002	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05-Feb-02				8	'8.1	VAS	Đặc cách
1003	Lê Anh	Minh	29-Jul-02				8	'8.1	VAS	Đặc cách
1004	Trần Hoàng	Minh	28-Dec-02				8	'8.1	VAS	Đặc cách
1005	Nguyễn Hồng	Trình	23-Oct-02				8	'8.1	VAS	Đặc cách
1006	Nguyễn Ánh	Bình	25-Oct-02				8	'8.10	Minh Đức	Đặc cách
1007	Đào Ngọc Liên	Hương	28-Jan-02				8	'8.10	Minh Đức	Đặc cách
1008	Võ Thuỳ	Trang	17-Sep-02				8	'8.10	Minh Đức	Đặc cách
1009	Lê Thuỳ Bảo	Châu	27-Mar-02				8	'8.12	Minh Đức	Đặc cách
1010	Nguyễn Cao Minh	Thư	26-Mar-02				8	'8.12	Minh Đức	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1011	Đỗ Hồng Bảo	Trân	18-Jul-02				8	'8.12	Minh Đức	Đặc cách
1012	Lê Vĩnh	Trọng	09-Sep-02				8	'8.12	Minh Đức	Đặc cách
1013	Nguyễn Gia	Quỳnh	24-Sep-02				8	'8.2	VAS	Đặc cách
1014	Nguyễn Tổ	Uyên	27-Jul-02				8	'8.2	VAS	Đặc cách
1015	Nguyễn Đoan	Thư	19-Aug-02				8	'8.6	Minh Đức	Đặc cách
1016	Phan Minh	Châu	10-Dec-02				8	'8.7	Minh Đức	Đặc cách
1017	Lê Minh	Trung	26-Feb-02				8	'8.7	Minh Đức	Đặc cách
1018	Nguyễn Minh	Châu	08-Dec-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1019	Nguyễn Phước Toàn	Đức	28-May-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1020	Cù Vũ Thúy	Hà	23-Apr-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1021	Trần Minh	Hải	08-Dec-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1022	Phạm Thị Phú	Hiền	14-Oct-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1023	Trịnh Quốc	Hung	12-Sep-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1024	Võ Uyên	Phương	05-Jan-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1025	Nguyễn Hữu Minh	Quang	11-Jun-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1026	Nguyễn Minh	Thư	14-May-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1027	Lê Thụy Tú	Trân	30-Apr-02				8	'8.9	Minh Đức	Đặc cách
1028	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	13-Sep-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1029	Trịnh Bảo Khuê	Đài	05-Jul-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1030	Đoàn Mai	Khanh	28-Aug-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1031	Phạm Ngọc	Thịnh	14-Jul-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1032	Lê Hải	Thu	12-Jun-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1033	Hồ Vũ Khánh	Vy	18-Mar-02				8	8/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1034	Nguyễn Minh	Anh	23-Feb-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1035	Nguyễn Kiến Phương	Chi	19-Apr-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1036	Phạm Lê Linh	Đan	04-Sep-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1037	Đoàn Nguyễn Khánh	Đăng	23-Nov-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1038	Nguyễn Minh Xuân	Hải	12-Feb-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1039	Trần Ngọc Bảo	Hân	08-Sep-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1040	Trần Trí	Khang	05-Sep-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1041	Nguyễn Lê Văn	Khanh	17-Dec-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1042	Nguyễn Khánh	Linh	10-Oct-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1043	Nguyễn Hoàng	Long	07-Jun-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1044	Nguyễn Nhật	Quang	18-Jan-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1045	Phạm Minh	Thư	23-Jun-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1046	Huỳnh Hoàng	Yến	02-Nov-02				8	'8/1	Nguyễn Du	Đặc cách
1047	Huỳnh Gia	Huy	07-May-02				8	8/11	Minh Đức	Đặc cách
1048	Bae Kyung	Eun	10-Feb-02				8	8/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
1049	Đỗ Ngọc	Lam	14-Mar-02				8	8/11	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
1050	Bùi Minh	Đăng	06-Mar-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1051	Đỗ Huỳnh Kim Vự Khánh	Doan	30-Jan-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1052	Nguyễn Tấn	Đức	02-Feb-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1053	Nguyễn Lâm Ngọc	Hân	09-Aug-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1054	Trần Thiện Minh	Nghĩa	28-Oct-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1055	Nguyễn Thụy Yến	Nhi	14-Feb-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1056	Ngô Quỳnh	Phuong	14-Feb-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1057	Đỗ Thanh	Trúc	30-Apr-02				8	8/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1058	Nguyễn Quỳnh	Anh	06-Feb-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1059	Phạm Thanh	Chi	23-Apr-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1060	Phạm	Duy	22-Jun-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1061	Bùi Minh	Khải	23-Dec-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1062	Lại Thiện	Nhân	09-Sep-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1063	Bùi Ngọc Bảo	Nhi	04-Apr-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1064	Nguyễn Việt	Phuong	06-Oct-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1065	Nguyễn Thành	Quang	07-Mar-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1066	Lê Hồng	Thịnh	19-Sep-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1067	Vũ Nguyễn Hoàng	Thịnh	12-May-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1068	Nguyễn Bảo	Trâm	07-May-02				8	'8/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1069	Hoàng Thị Hồng	Ánh	30-Jan-02				8	'8/3	Nguyễn Du	Đặc cách
1070	Bùi Trương Uyên	Khanh	17-Jun-02				8	'8/3	Nguyễn Du	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1071	Đỗ Thùy	Vân	15-Feb-02				8	'8/3	Nguyễn Du	Đặc cách
1072	Huỳnh Vĩnh	Khang	15-Sep-02				8	'8/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1073	Trần Công	Minh	02-Mar-02				8	'8/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1074	Trần Nhật Phương	Nghi	16-Jun-02				8	'8/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1075	Nguyễn Hồ Uyên	Thu	22-Jun-02				8	'8/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1076	Nguyễn Cửu Hoài	An	15-Aug-02				8	'8/5	Nguyễn Du	Đặc cách
1077	Từ Thanh	Liêm	30-May-02				8	'8/5	Nguyễn Du	Đặc cách
1078	Nguyễn Ngọc Minh	Tuyết	08-Mar-02				8	'8/5	Nguyễn Du	Đặc cách
1079	Lê Nguyễn Khoa	Điềm	19-Nov-02				8	'8/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1080	Đỗ Minh	Quân	07-Sep-02				8	'8/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1081	Đinh Hoàng	Hiệp	07-Oct-02				8	'8/7	Nguyễn Du	Đặc cách
1082	Nguyễn Gia	Huy	04-Jul-02				8	'8/7	Nguyễn Du	Đặc cách
1083	Trương Đại	Đường	11-Mar-02				8	8/8	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
1084	Đặng Duy	Anh	08-Aug-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1085	Hồ Kỳ	Anh	20-Jun-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1086	Trần Đông	Anh	05-Feb-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1087	Trần Hữu	Đạt	14-Jun-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1088	Lê Hoàng	Hạc	06-Apr-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1089	Nguyễn Thanh	Hiền	24-Jun-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1090	Lê Quang	Huy	29-Sep-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1091	Nguyễn Trần Quang	Minh	09-Oct-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1092	Võ Thanh Thụy	My	23-Oct-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1093	Chu Khánh	Ngân	28-May-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1094	Hoàng Trần Quỳnh	Như	06-Mar-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1095	Trần Phương	Quỳnh	03-Jun-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1096	Dương Hoàng Phương	Thảo	14-Aug-02				8	'8/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1097	Huỳnh Vũ Phương	Khánh	10-Aug-02				8	8/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
1098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	17-May-02				8	8/9	Quốc Tế Á Châu	Đặc cách
1099	Lê Khang	Anh	12-Jan-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1100	Ngô Quỳnh	Anh	28-Sep-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1101	Trần Ngọc Hồng	Anh	26-Nov-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1102	Nguyễn Đình Quốc	Đại	05-May-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1103	Nguyễn Trí	Đức	23-May-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1104	Trần Đức	Duy	08-Feb-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1105	Nguyễn Thu	Hà	10-Aug-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1106	Nguyễn Minh	Hạnh	09-Dec-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1107	Phan Thanh	Hương	02-Nov-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1108	Lương Gia	Huy	01-Nov-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1109	Lê Nguyễn Gia	Khánh	01-Jun-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1110	Vương Trần Linh	Linh	15-May-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1111	Tạ Nguyễn Thảo	Nguyên	23-Dec-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1112	Trần Lâm Thảo	Nguyên	27-Sep-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1113	Trần Nguyễn Bảo	Như	27-Jun-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1114	Nguyễn Ngọc Việt	Phi	12-Feb-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1115	Nguyễn Trần Thanh	Tâm	24-Feb-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1116	Trần Bảo	Thạch	31-Jul-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1117	Phạm Minh	Thu	13-Apr-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1118	Nguyễn Minh	Thư	07-Feb-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1119	Nguyễn Phương	Thúy	19-Aug-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1120	Lâm Hiền	Xương	07-Aug-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1121	Nguyễn	Xường	27-Apr-02				8	'8/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1122	Dương Bảo	Minh	09-Nov-02				8	8A1	Chu Van An	Đặc cách
1123	Trần Hồng	Anh	06-Oct-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1124	Trần Vân	Ánh	27-Jul-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1125	Chang Nhã	Bình	15-Oct-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1126	Khau Liên	Kiệt	05-Jan-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1127	Kiều Gia	Minh	02-Jul-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1128	Lê Hoàng Minh	Thư	03-Mar-02				8	8A1	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1129	Nguyễn Giang Minh	Khôi	27-Oct-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1130	Phạm Hoàng Minh	Khôi	15-Apr-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1131	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	15-Dec-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1132	Nguyễn Đức Anh	Phúc	12-Sep-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1133	Lê Nguyễn Huyền	Thanh	22-Jul-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1134	Nguyễn Hữu Túc	Trí	23-May-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1135	Lê Bình Phương	Uyên	27-Feb-02				8	8A1	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1136	Nguyễn Quốc Đăng	Quang	10-Feb-02				8	'8a1	Đức Trí	Đặc cách
1137	Trần Lâm Linh	An	09-Dec-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1138	Vũ Công	Khang	12-Nov-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1139	Nguyễn Hoàng Yến	Linh	12-Nov-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1140	Ngô Xuân	Mai	09-Apr-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1141	Phạm Hồng	Phúc	08-Oct-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1142	Trần Nguyễn Mai	Phương	10-Apr-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1143	Phan Thanh	Thùy	02-Jan-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1144	Phạm Phùng Thủy	Trúc	28-Jul-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1145	Lai Hoàng Cát	Tường	04-Sep-02				8	'8A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1146	Vũ Nguyễn Thanh	Trúc	28-Mar-02				8	8A2	Chu Van An	Đặc cách
1147	Trần Hoàng	Yến	12-Nov-02				8	8A2	Chu Van An	Đặc cách
1148	Nguyễn Minh Bảo	Ân	08-Mar-02				8	8A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1149	Lê Nguyễn Thùy	Nhung	12-Dec-02				8	8A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1150	Võ Minh	Thắng	11-Dec-02				8	8A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1151	Trương Minh	Hạnh	17-Dec-02				8	8A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1152	Nguyễn Quốc Minh	Khôi	21-Feb-02				8	8A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1153	Bùi Khải	Linh	01-Dec-02				8	8A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1154	Trương Nguyễn Hoàng	Long	20-Oct-02				8	8A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1155	Nguyễn Hoàng	Thịnh	08-Apr-02				8	8A2	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1156	Nguyễn Phương	Anh	27-Dec-02				8	'8A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1157	Bùi Ngọc Minh	Thy	26-Oct-02				8	'8A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1158	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	04-Dec-02				8	8A3	Chu Van An	Đặc cách
1159	Huỳnh Lê Hồng	Ánh	16-May-02				8	8A3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1160	Chang Chin	Wen	23-Jun-02				8	8A3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1161	Phạm Ngọc	Diệp	18-Apr-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1162	Võ Thảo	Dung	17-Mar-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1163	Võ Minh	Khoa	18-Apr-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1164	Lê Phan Tuấn	Kiệt	21-Sep-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1165	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	23-Nov-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1166	Nguyễn Duy	Quân	25-Oct-02				8	8A3	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1167	Nguyễn Tiến	Long	29-May-02				8	8A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1168	Đặng Hoàng	Nguyên	20-Nov-02				8	8A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1169	Cao Xuân	Quỳnh	03-Apr-02				8	8A4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1170	Nguyễn Khánh	Hà	16-Jul-02				8	8A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1171	Nguyễn Minh	Hiên	28-Jan-02				8	8A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1172	Đỗ Trần Bảo	Ngọc	31-Dec-02				8	8A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1173	Lâm Xuân	Vy	06-May-02				8	8A4	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1174	Nguyễn Đào Quỳnh	Chi	20-Jun-02				8	8A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1175	Ngô Hoàng Đức	Hải	16-May-02				8	8A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1176	Nguyễn Trâm Uyên	Nhi	07-Feb-02				8	8A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1177	Phạm Quỳnh	Như	08-Jun-02				8	8A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1178	Nguyễn Minh	Luân	29-Apr-02				8	8A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1179	Lê Kim	Ngân	18-Aug-02				8	8A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1180	Hồ Phương	Nghi	07-Jul-02				8	8A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1181	Nguyễn Ngọc	Hân	15-Aug-02				8	8A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1182	Huỳnh Minh	Nhật	30-Jun-02				8	8A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1183	Nguyễn Đăng	Nhật	30-Jan-02				8	8A5	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1184	Trần Vũ	Duy	23-Mar-02				8	8A6	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1185	Quách Thanh	Tùng	28-Apr-02				8	8A6	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1186	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	05-Dec-02				8	'8a6	Đức Trí	Đặc cách
1187	Nguyễn Phi	Long	22-Feb-02				8	'8a6	Đức Trí	Đặc cách
1188	Nguyễn Phương	Nghi	14-Feb-02				8	'8a6	Đức Trí	Đặc cách
1189	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc	17-Aug-02				8	8A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1190	Huỳnh Thái Bảo	Trân	15-Mar-02				8	8A7	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1191	Võ Vương Quỳnh	Giao	30-Mar-02				8	8A7	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1192	Trương Trí	Đức	17-Dec-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1193	Trần Hà Đức	Huy	15-Aug-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1194	Phạm Duy	Khiêm	23-Jun-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1195	Trần Đăng	Khoa	26-Feb-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1196	Đình Nguyễn Bảo	Uyên	11-Feb-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1197	Nguyễn Phan Hoàng	Vy	27-Mar-02				8	'8a7	Đức Trí	Đặc cách
1198	Trần Viết Tùng	Đông	09-Nov-02				8	8A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1199	Bùi Nhật	Vy	22-Aug-02				8	8A8	Trần Đại Nghĩa	Đặc cách
1200	Chu Cát	Chân	31-Jul-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1201	Lâm Hoàng	Dung	14-Oct-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1202	Võ Vân	Khanh	11-Jul-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1203	Lâm Vĩnh	Khánh	02-Feb-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1204	Nguyễn Vũ Doanh	Khoa	15-Oct-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1205	Thiều Vĩnh	Nghi	06-Apr-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1206	Nguyễn Quang	Ngọc	11-May-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1207	Hồ Ngọc	Như	30-May-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1208	Trần Ngọc	Oanh	23-Nov-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1209	Lê Anh	Quân	09-Aug-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1210	Đặng Ngọc Phương	Uyên	05-Jul-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1211	Nguyễn Mỹ	Uyên	22-Jan-02				8	'8A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1212	Đặng Nguyễn Quế	Hương	28-Aug-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1213	Nguyễn Gia	Huy	10-Apr-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1214	Trần Khánh	Huy	01-Aug-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1215	Trần Đăng	Khoa	06-Feb-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1216	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	02-Jan-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1217	Phạm Hoàng Anh	Khôi	21-Aug-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1218	Tiêu Nhật	Lam	12-Oct-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1219	Trần Phong	Lâm	17-Mar-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1220	Nguyễn Khánh	Linh	03-Apr-02				8		Minh Đức	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1221	Nguyễn Huyền Khánh	Minh	13-Sep-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1222	Hô Bá	Nam	31-Jul-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1223	Trần Thu	Nga	30-Dec-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1224	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02-Jan-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1225	Phan Lê Thảo	Nguyên	26-Oct-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1226	Tiền Đức Khôi	Nguyên	07-Sep-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1227	Huỳnh Thanh	Vinh	01-Jan-02				8		Minh Đức	Đặc cách
1228	Nguyễn Bảo	Duy	13-Feb-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1229	Trần Kim Vy	Phượng	28-Sep-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1230	Lương Trường	Sinh	19-Jan-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1231	Phạm Huỳnh Anh	Thư	27-Feb-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1232	Đỗ Minh	Trí	27-Sep-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1233	Võ Thanh	Tuyền	21-Jul-01				9	' 9/5	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1234	Trần	Thức	14-Oct-01				9	9	Úc Châu	Đặc cách
1235	Võ Trần Văn	Anh	22-Jul-02				9	'9	Minh Đức	Đặc cách
1236	Triệu Hoàng Thảo	Vy	17-May-01				9	'9	Minh Đức	Đặc cách
1237	Lê Trần Xuân	Hà	25-Sep-01				9	'9.1	VAS	Đặc cách
1238	Hồ Khánh	Ngọc	20-Dec-01				9	'9.1	VAS	Đặc cách
1239	Tiêu Kim	Hiếu	22-Feb-01				9	'9.7	Minh Đức	Đặc cách
1240	Nguyễn Lê Khánh	Duy	17-Dec-01				9	9/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1241	Huỳnh Phúc Ái	Như	28-Jul-01				9	9/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1242	Huỳnh Yển	Nhung	13-Jan-01				9	9/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1243	Đỗ Lê Thanh	Thùy	27-Oct-01				9	9/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1244	Phạm Nguyên	Vũ	24-Feb-01				9	9/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1245	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	10-Feb-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1246	Nguyễn Thái	Dương	19-Sep-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1247	Trần Mai	Loan	11-Dec-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1248	Lương Minh	Nhật	23-Dec-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1249	Lại Phúc Khánh	Như	19-Jul-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1250	Cao Nguyễn Minh	Tân	10-Nov-01				9	'9/10	Võ Trường Toàn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1251	Trương Thanh	Bảo	19-Jun-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1252	Lê Ngọc Bảo	Châu	22-Oct-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1253	Châu Dương Quỳnh	Duyên	21-Feb-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1254	Nguyễn Hoàng Phúc	Huy	09-Jun-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1255	Phạm Thiên	Kim	04-Oct-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1256	Lê Triều Hạnh	Nhi	17-Apr-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1257	Bùi Hồng	Phúc	03-Jul-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1258	Nguyễn Lâm Minh	Quân	17-Mar-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1259	Trịnh Minh	Quân	06-Nov-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1260	Đình Viêt	Quang	05-Feb-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1261	Lê Thái	Sơn	16-Jun-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1262	Nguyễn Nhật	Thanh	08-Oct-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1263	Trần Minh	Trung	13-Aug-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1264	Tăng Thanh	Truúc	16-Sep-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1265	Hoàng Khánh	Vân	31-Jan-01				9	'9/11	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1266	Phan Thu	Ngân	15-Jan-01				9	'9/12	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1267	Đỗ Ngọc Xuân	Anh	07-Nov-01				9	'9/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1268	Lê Ngô Thúy	Cúc	06-May-01				9	'9/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1269	Dương Linh	Đan	19-Dec-01				9	'9/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1270	Nguyễn Hiếu	Ngân	01-Aug-01				9	'9/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1271	Tiêu Khánh	Phương	17-Oct-01				9	'9/2	Nguyễn Du	Đặc cách
1272	Nguyễn Tú	Anh	25-Jan-01				9	9/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1273	Nguyễn Gia	Hòa	03-Oct-00				9	9/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1274	Nguyễn Ngọc Phương	Hà	08-Jun-01				9	'9/3	Nguyễn Du	Đặc cách
1275	Phan Lưu Thiên	Kim	10-Nov-01				9	'9/3	Nguyễn Du	Đặc cách
1276	Phạm Lê	Quý	10-Apr-01				9	'9/3	Nguyễn Du	Đặc cách
1277	Cao Hoàng	Anh	28-Aug-01				9	'9/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1278	Đình Xuân An	Khang	05-Dec-01				9	'9/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1279	Hồ Công Khánh	Mỹ	12-Oct-01				9	'9/4	Nguyễn Du	Đặc cách
1280	Nguyễn Bích	Trâm	05-Mar-01				9	'9/4	Nguyễn Du	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1281	Hồ Nhật	Hạ	17-Apr-01				9	'9/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1282	Nguyễn Hoàng	Khang	25-Sep-01				9	'9/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1283	Đàm Lê Kha	Linh	17-Jul-01				9	'9/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1284	Dương Nữ Quý	Nghi	24-Feb-01				9	'9/6	Nguyễn Du	Đặc cách
1285	Phạm Phú Trường	An	06-Dec-01				9	'9/7	Nguyễn Du	Đặc cách
1286	Trần Phạm Hoài	Bảo	11-Jul-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1287	Nguyễn Công	Đạt	31-Oct-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1288	Nguyễn Ngọc	Hân	26-Aug-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1289	Nguyễn Hồ Quốc	Hung	10-Jul-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1290	Mã Lê Ngọc	Minh	21-May-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1291	Đinh Như	Ngọc	03-Oct-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1292	Trịnh Mỹ	Thuận	21-Dec-01				9	'9/8	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1293	Nguyễn Thiên	Ân	16-Jan-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1294	Hồ Mai	Anh	24-Feb-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1295	Nguyễn Minh	Châu	27-Jan-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1296	Nguyễn Phương	Nam	23-Feb-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1297	Nguyễn Thành	Nhân	07-Jul-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1298	Phạm Phú Minh	Quang	13-Jun-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1299	Trần Nguyễn Hương	Thủy	11-Jan-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1300	Trương Thế	Tiến	18-Sep-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1301	Phan Thị Thùy	Trâm	17-Jun-01				9	'9/9	Võ Trường Toàn	Đặc cách
1302	Phan Hoàng	Long	07-Jun-01				9	9A1	Chu Van An	Đặc cách
1303	Đặng Thiên	Minh	30-Jan-01				9	9A1	Chu Van An	Đặc cách
1304	Đặng Thị Hiếu	Ngân	25-Jan-01				9	9A1	Chu Van An	Đặc cách
1305	Nguyễn Hà	Anh	01-Oct-01				9	'9A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1306	Trần Tuấn	Đạt	06-Sep-01				9	'9A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1307	Đoàn Minh	Mẫn	18-Oct-01				9	'9A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1308	Nguyễn Lan	Vy	11-Jul-01				9	'9A10	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1309	Tai Quế	Anh	02-Aug-01				9	9A2	Chu Van An	Đặc cách
1310	Võ Đức	Duy	17-Sep-01				9	'9A2	Chu Van An	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1311	Lý Nguyễn Vũ	Hà	28-Jun-01				9	'9A2	Chu Van An	Đặc cách
1312	Nguyễn Trần Thảo	Vy	04-Jul-01				9	'9A2	Chu Van An	Đặc cách
1313	Nguyễn Trí	Quân	18-Oct-01				9	9A3	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1314	Nguyễn Minh	Hoàng	18-Aug-01				9	'9A3	Chu Van An	Đặc cách
1315	Lê Ngọc Vy	Khánh	18-Aug-01				9	9A4	Trần Văn Ôn	Đặc cách
1316	Nguyễn Thanh Trọng	Nghĩa	20-Oct-01				9	9A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1317	Lê Nguyễn Khánh	Quỳnh	23-Jun-01				9	9A5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1318	Nguyễn Minh	Quân	10-May-01				9	'9a5	Đức Trí	Đặc cách
1319	Châu Huỳnh Tú	Anh	26-May-01				9	9A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1320	Nguyễn Huỳnh	Nhi	13-May-01				9	9A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1321	Nguyễn Minh	Thức	07-Nov-01				9	9A6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1322	Nguyễn Ngọc	Khánh	03-Sep-01				9	'9a6	Đức Trí	Đặc cách
1323	Nguyễn Như	Quỳnh	25-Mar-01				9	'9a6	Đức Trí	Đặc cách
1324	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	14-Jun-01				9	'9a6	Đức Trí	Đặc cách
1325	Mạc văn	Hưng	29-Jul-01				9	'9A6	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1326	Lê Trần Minh	Nhật	05-Jun-01				9	'9A6	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1327	Trần Mai	Nhung	22-Nov-01				9	'9A6	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1328	Nguyễn Văn	Phước	21-May-01				9	'9A6	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1329	Trần Hồng	Tân	15-Oct-01				9	'9A6	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1330	Sư Tùng	Lộc	20-Sep-01				9	9A7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1331	Phạm Ngọc Trâm	Anh	18-Mar-01				9	9A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1332	Trần Duy	Khôi	08-Jul-01				9	9A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1333	Tạ Cao	Lâm	18-Jan-01				9	9A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1334	Trần Gia	Khánh	22-Sep-01				9	'9A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1335	Nguyễn Phúc	Long	26-Nov-01				9	'9A8	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1336	Ngô Huyền	My	19-Apr-01				9	9A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1337	Nguyễn Thị Thụy	Nhi	01-May-01				9	9A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
1338	Hồ Hữu	Nghĩa	10-Feb-01				9	'9A9	Lương Thế Vinh	Đặc cách
1339	NGUYỄN TRƯỞNG GIA	HUY	27-Dec-05	60142155	6	6			LƯƠNG THẾ VINH	
1340	LÂM QUỐC	ANH	05-Jul-05	60142177	6	6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1341	PHẠM MINH	KHOA	31-Jan-05	60142161	6	6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1342	ĐỖ VIỆT	KHÔI	23-Jan-05	60142160	6	6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1343	NGUYỄN PHẠM LAN	HƯƠNG	15-Sep-05	60142164	6	6			ÚC CHÂU	
1344	NGUYỄN CHÍ KHẢI	NGUYỄN	06-Oct-05	60112068	6	6			ÚC CHÂU	
1345	ĐÀO NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	05-Aug-05	60112067	6	6			ÚC CHÂU	
1346	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	30-Jul-05	60142125	6	6.1			VIỆT ÚC	
1347	ĐỖ NGUYỄN NHẬT	BÌNH	15-Dec-05	60142133	6	6.1			VIỆT ÚC	
1348	NGUYỄN TIẾN	ĐỨC	06-Nov-05	60142132	6	6.1			VIỆT ÚC	
1349	KIM SEOL	HEE	17-May-04	60142124	6	6.1			VIỆT ÚC	
1350	ĐỖ GIA	HY	31-Jan-05	60142127	6	6.1			VIỆT ÚC	
1351	LÊ GIA	KHANH	14-Apr-05	60142129	6	6.1			VIỆT ÚC	
1352	LÊ HÀ	NGUYỄN	23-Feb-05	60142134	6	6.1			VIỆT ÚC	
1353	ĐÀO NGUYỄN HỒNG	PHÚC	19-Apr-05	60142131	6	6.1			VIỆT ÚC	
1354	NGUYỄN ĐÌNH ANH	QUÂN	09-Mar-05	60142126	6	6.1			VIỆT ÚC	
1355	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	18-Nov-05	60142128	6	6.1			VIỆT ÚC	
1356	TRẦN LÊ HẢI	TRIỀU	24-Mar-05	60142136	6	6.1			VIỆT ÚC	
1357	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYỄN	05-Feb-05	60142141	6	6.2			VIỆT ÚC	
1358	TRẦN LẬP KHÔI	NGUYỄN	14-Aug-05	60142140	6	6.2			VIỆT ÚC	
1359	ĐỖ THIÊN	PHÚ	06-May-05	60142138	6	6.2			VIỆT ÚC	
1360	ĐỖ LÂM	QUÂN	03-Oct-05	60142137	6	6.2			VIỆT ÚC	
1361	TRẦN VŨ KHÁNH	TRÂN	22-Jan-05	60142139	6	6.2			VIỆT ÚC	
1362	NGUYỄN QUỲNH VÂN	ANH	23-Jun-05	60110583	6	6/1			MINH ĐỨC	
1363	VÕ MINH	DUY	23-Apr-05	60110586	6	6/1			MINH ĐỨC	
1364	BÁ THỊ SARI	FAH	07-Sep-05	60110582	6	6/1			MINH ĐỨC	
1365	PHẠM QUỐC	KHÁNH	02-Sep-05	60110584	6	6/1			MINH ĐỨC	
1366	QUÁCH CHÂU HẠO	KIỆT	10-Aug-05	60110585	6	6/1			MINH ĐỨC	
1367	NGUYỄN KHẮC CHIÊU	ANH	24-Jun-05	60110699	6	6/1			NGUYỄN DU	
1368	CHU PHẠM TÂM	MÃN	20-Mar-05	60110695	6	6/1			NGUYỄN DU	
1369	LUYỆN ĐỨC	NGUYỄN	25-Apr-05	60110697	6	6/1			NGUYỄN DU	
1370	TRẦN HOÀNG	NHÂN	13-Sep-05	60110703	6	6/1			NGUYỄN DU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1371	TRẦN	THỊNH	02-Jul-05	60110701	6	6/1			NGUYỄN DU	
1372	NGUYỄN NGỌC THANH	VÂN	30-Jun-05	60110700	6	6/1			NGUYỄN DU	
1373	TRẦN BẢO	YẾN	02-Jun-05	60110702	6	6/1			NGUYỄN DU	
1374	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	02-Jan-05	60112154	6	6/1			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1375	ĐỖ HOÀNG MAI	PHƯƠNG	27-Oct-05	60112152	6	6/1			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1376	HOÀNG THỊ HẢI	BĂNG	22-Dec-05	60116478	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1377	PHẠM QUẾ	CHI	16-Oct-05	60116489	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1378	NGUYỄN QUANG	ĐÌNH	14-Jun-05	60116484	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1379	PHẠM ĐỨC	HẢI	12-Jun-05	60116486	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1380	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	26-Aug-05	60116481	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1381	PHẠM MINH	KHUÊ	19-May-05	60116488	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1382	NGUYỄN KHÁNH	MINH	04-Mar-05	60116483	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1383	VŨ THẢO	NHI	26-Sep-05	60116490	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1384	PHẠM ĐOÀN THIÊN	PHÚ	15-May-05	60116485	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1385	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	12-May-05	60116480	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1386	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	VY	15-Feb-05	60116482	6	6/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1387	LÊ NGỌC HỒNG	ÂN	20-Mar-05	60112162	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1388	PHẠM PHÚC NAM	ANH	14-Mar-05	60112172	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1389	PHẠM PHÚC PHƯƠNG	ANH	14-Mar-05	60112173	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1390	TRỊNH VÂN	ANH	01-Jan-05	60112178	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1391	VƯƠNG ANH	CÔNG	17-Oct-05	60112179	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1392	MAI HOÀNG THANH	GIANG	24-Mar-05	60112164	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1393	NGUYỄN HUỲNH GIA	HÂN	07-Feb-05	60112167	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1394	NGUYỄN HẢI	HOÀNG	18-Jan-05	60112165	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1395	HỒ NGUYỄN NGUYỄN	HY	26-Jan-05	60112158	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1396	TRẦN VĨNH NGUYỄN	KHOA	27-Sep-05	60112176	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1397	ĐOÀN KHÁNH	LINH	30-Mar-05	60112156	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1398	PHẠM LÊ PHI	LONG	12-Dec-05	60112171	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1399	NGUYỄN TRỌNG	MINH	22-Dec-05	60112168	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1400	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	NAM	11-Nov-05	60112166	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1401	LÊ ĐỖ KHUÊ	NGHI	01-Jul-05	60112160	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1402	DƯƠNG HOÀNG UYÊN	PHƯƠNG	29-Aug-05	60112157	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1403	NGUYỄN TRUNG	SƠN	07-Jan-05	60112169	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1404	LƯƠNG NGỌC ANH	THƯ	09-Aug-05	60112163	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1405	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRÂN	27-Sep-05	60112175	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1406	HỒ TRỌNG	TÚ	15-Apr-05	60112159	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1407	LÊ LÊ	VINH	04-Nov-05	60112161	6	6/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1408	HUỲNH LÊ NHƯ	AN	22-Jul-05	60110589	6	6/11			MINH ĐỨC	
1409	NGUYỄN TUẤN	ĐỨC	20-Jan-05	60110596	6	6/11			MINH ĐỨC	
1410	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	GIANG	15-Dec-05	60110593	6	6/11			MINH ĐỨC	
1411	LIÊU MINH	KHÔI	03-Dec-05	60110592	6	6/11			MINH ĐỨC	
1412	LÊ THANH	NGHI	31-Oct-05	60110591	6	6/11			MINH ĐỨC	
1413	ĐẶNG LÊ THÙY	TRANG	28-Jan-05	60110588	6	6/11			MINH ĐỨC	
1414	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	UYÊN	24-Jul-05	60110595	6	6/11			MINH ĐỨC	
1415	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	26-Dec-05	60110597	6	6/11			MINH ĐỨC	
1416	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	31-Mar-05	60116499	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1417	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	20-Jun-05	60116496	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1418	NGUYỄN NGÔ TRIỂN	KỶ	30-Sep-05	60116498	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1419	BÙI TRÚC NHẬT	MINH	06-Nov-05	60116492	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1420	NGUYỄN CHÁN	PHONG	08-Jun-05	60116495	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1421	LÊ TRẦN	THUẬN	28-Oct-05	60116493	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1422	TRẦN LÊ TRỌNG	TIẾN	14-Aug-05	60116500	6	6/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1423	HUỲNH MỸ	ANH	14-Nov-05	60110601	6	6/13			MINH ĐỨC	
1424	PHẠM NGỌC	ÁNH	22-Dec-05	60110611	6	6/13			MINH ĐỨC	
1425	TẶNG HẠNH	CHI	26-Jun-05	60110613	6	6/13			MINH ĐỨC	
1426	NGUYỄN NGỌC HỒNG	ĐÀO	16-May-05	60110609	6	6/13			MINH ĐỨC	
1427	NGUYỄN BẢO	NGỌC	11-May-05	60110605	6	6/13			MINH ĐỨC	
1428	NGUYỄN ĐỨC	NGUYỄN	12-Jan-05	60110606	6	6/13			MINH ĐỨC	
1429	MAI HUỲNH THANH	TÂM	26-Jun-05	60110604	6	6/13			MINH ĐỨC	
1430	ĐINH HOÀN MỸ	TIÊN	22-Feb-05	60110600	6	6/13			MINH ĐỨC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1431	VÕ HOÀNG MINH	TRIẾT	09-Aug-05	60110616	6	6/13			MINH ĐỨC	
1432	VĂN LÊ CẨM	TÚ	27-Jun-05	60110615	6	6/13			MINH ĐỨC	
1433	TRẦN NGỌC KHÁNH	VY	31-May-05	60110614	6	6/13			MINH ĐỨC	
1434	CAO NGỌC HOÀNG	YẾN	30-Sep-05	60110599	6	6/13			MINH ĐỨC	
1435	BIỆN XUÂN	AN	22-May-05	60110617	6	6/2			MINH ĐỨC	
1436	VÕ MINH	CHIẾN	20-Jan-05	60110714	6	6/2			NGUYỄN DU	
1437	ĐỖ NGUYỄN HỒNG	DIỆP	14-Sep-05	60110705	6	6/2			NGUYỄN DU	
1438	HUỲNH KHÁNH	HÙNG	14-Feb-05	60110706	6	6/2			NGUYỄN DU	
1439	TRẦN GIA	LINH	19-Oct-05	60110713	6	6/2			NGUYỄN DU	
1440	LÊ ĐÌNH THIÊN	NGỌC	24-Nov-05	60110708	6	6/2			NGUYỄN DU	
1441	NGUYỄN NGỌC TÚ	QUYÊN	19-Aug-05	60110710	6	6/2			NGUYỄN DU	
1442	TRẦN PHAN PHƯƠNG	NGUYỄN	01-Jan-05	60110719	6	6/3			NGUYỄN DU	
1443	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	NHI	03-Jul-05	60110718	6	6/3			NGUYỄN DU	
1444	LÊ NGỌC MINH	TÚ	02-Sep-05	60110716	6	6/3			NGUYỄN DU	
1445	LÊ ĐỨC	HUY	02-Nov-05	60112182	6	6/3			VÕ TRƯỜNG TOẢN	
1446	ĐOÀN HOÀNG GIA	LINH	25-Jun-05	60112180	6	6/3			VÕ TRƯỜNG TOẢN	
1447	NGUYỄN HỮU MINH	THU'	31-Mar-05	60112185	6	6/3			VÕ TRƯỜNG TOẢN	
1448	PHAN CHÍ	VĂN	08-Jun-05	60112189	6	6/3			VÕ TRƯỜNG TOẢN	
1449	HUỲNH THỰC MINH	VY	02-Oct-05	60112181	6	6/3			VÕ TRƯỜNG TOẢN	
1450	NGUYỄN PHI GIA	KHÁNH	27-Jun-05	60110620	6	6/4			MINH ĐỨC	
1451	ĐÀO HỮU HOÀNG	MINH	15-Mar-05	60110721	6	6/4			NGUYỄN DU	
1452	LÝ ĐÌNH NGỌC	MINH	30-Oct-05	60110724	6	6/4			NGUYỄN DU	
1453	PHẠM ĐÔNG	NGHI	09-Nov-05	60110726	6	6/4			NGUYỄN DU	
1454	LAN HIẾU	QUÂN	28-Jul-05	60110723	6	6/4			NGUYỄN DU	
1455	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	1-Jun-05	60110728	6	6/4			NGUYỄN DU	
1456	NGUYỄN NGỌC THIÊN	AN	22-Sep-05	60112085	6	6/4			VĂN LANG	
1457	NGUYỄN TRỌNG	BÌNH	08-Jul-05	60112088	6	6/4			VĂN LANG	
1458	TRẦN NGỌC	HÂN	11-May-05	60112091	6	6/4			VĂN LANG	
1459	HÀ VŨ HUY	HOÀNG	05-Nov-05	60112080	6	6/4			VĂN LANG	
1460	NGUYỄN ĐỨC MINH	KHANG	17-Feb-05	60112082	6	6/4			VĂN LANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1461	TRẦN NGUYỄN	KHANG	22-Mar-05	60112092	6	6/4			VĂN LANG	
1462	PHẠM VŨ MINH	KHOA	08-Dec-05	60112089	6	6/4			VĂN LANG	
1463	NGUYỄN MINH	KHUÊ	25-Dec-05	60112084	6	6/4			VĂN LANG	
1464	VÕ DUNG	NGHI	11-May-05	60112094	6	6/4			VĂN LANG	
1465	TRẦN LÊ	QUANG	17-Jan-05	60112090	6	6/4			VĂN LANG	
1466	NGUYỄN NHẬT	TÂN	20-Aug-05	60112086	6	6/4			VĂN LANG	
1467	TRỊNH NGỌC GIÁNG	TIÊN	15-Jan-05	60112093	6	6/4			VĂN LANG	
1468	ĐẶNG VŨ BẢO	TRÂN	16-May-05	60112079	6	6/4			VĂN LANG	
1469	NGUYỄN HỒ TRÚC	VY	21-Dec-05	60112083	6	6/4			VĂN LANG	
1470	VŨ TIẾN	ĐẠT	18-Oct-05	60112198	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1471	LÊ PHAN GIA	HÂN	29-May-05	60112190	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1472	LÝ QUỐC	HÀO	13-Jun-05	60112191	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1473	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	15-Aug-05	60112194	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1474	NGÔ NGỌC NHƯ	QUỲNH	26-Sep-05	60112192	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1475	NGUYỄN VŨ DIÊM	QUỲNH	12-Sep-05	60112197	6	6/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1476	NGUYỄN TUẤN	ANH	15-Sep-05	60110732	6	6/5			NGUYỄN DU	
1477	TRẦN LÊ HOÀI	ANH	26-Oct-05	60110736	6	6/5			NGUYỄN DU	
1478	PHẠM DƯƠNG KHÁNH	LINH	26-Oct-05	60110733	6	6/5			NGUYỄN DU	
1479	NGUYỄN LAN	NGỌC	10-Nov-05	60110731	6	6/5			NGUYỄN DU	
1480	NGUYỄN CHƯƠNG KHẢI	NGUYỄN	13-Nov-05	60110730	6	6/5			NGUYỄN DU	
1481	ĐỒNG MINH	QUANG	07-Aug-05	60110729	6	6/5			NGUYỄN DU	
1482	TRẦN QUỐC MINH	THIỆN	16-Aug-05	60110737	6	6/5			NGUYỄN DU	
1483	PHẠM LÝ CÁT	TIÊN	11-Mar-05	60110735	6	6/5			NGUYỄN DU	
1484	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	26-Jul-05	60112226	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1485	LÊ NGỌC MINH	CHÂU	31-Aug-05	60112210	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1486	LÊ THANH	DANH	14-Nov-05	60112211	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1487	NGUYỄN VIỆT	HÀ	25-Apr-05	60112218	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1488	HỒ ĐỨC	HUY	31-Aug-05	60112202	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1489	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LONG	08-Apr-05	60112227	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1490	ĐẶNG TRẦN ANH	MINH	06-Sep-05	60112200	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1491	LÊ NGỌC KIM	NGÂN	02-Mar-05	60112209	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1492	NGUYỄN HOÀNG HẢI	NGÂN	31-Jan-05	60112213	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1493	HỒ THỊ MINH	NGỌC	24-Jan-05	60112205	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1494	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO	NGỌC	23-Sep-05	60112215	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1495	PHẠM HỒNG	NGỌC	28-Jan-05	60112219	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1496	PHẠM MINH	NGỌC	28-Jan-05	60112221	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1497	PHẠM THỊ YẾN	NGỌC	30-Sep-05	60112222	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1498	PHẠM KHÔI	NGUYỄN	07-Apr-05	60112220	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1499	NGUYỄN TRÍ	NHÂN	04-Jul-05	60112217	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1500	HUỲNH KIM	PHÚC	26-Jul-05	60112207	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1501	LÊ MINH	TÂM	03-Apr-05	60112208	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1502	HOÀNG THÙY	TRÂM	28-May-05	60112206	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1503	NGUYỄN THẢO	TRÚC	22-May-05	60112216	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1504	HỒ ĐỨC	TUẤN	31-Aug-05	60112203	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1505	VŨ HOA	VIỆT	25-Oct-05	60112230	6	6/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1506	TÂN HOÀNG	AN	15-Aug-05	60116518	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1507	HUỲNH HỮU THIÊN	ÂN	18-Jan-05	60116505	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1508	NGUYỄN HỒNG MINH	CHÂU	23-Oct-05	60116512	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1509	ĐÌNH GIA	HÂN	25-Mar-05	60116504	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1510	PHAN BẢO VĨNH	HUY	27-May-05	60116517	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1511	TRẦN THIẾT	KHẢI	01-Jul-05	60116521	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1512	ĐÀO MINH	KHÔI	10-Apr-05	60116503	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1513	ĐẶNG NGỌC BÍCH	LOAN	06-May-05	60116502	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1514	LÊ TRẦN TẤN	PHÁT	01-Jun-05	60116507	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1515	NGUYỄN HỮU HƯNG	QUỐC	03-Oct-05	60116513	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1516	THIỆU QUANG	VINH	01-Jun-05	60116520	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1517	BÙI HÀ	VY	05-Nov-05	60116501	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1518	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	VY	23-Apr-05	60116516	6	6/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1519	NGUYỄN ĐỨC	AN	27-Jan-05	60112236	6	6/6			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1520	LÊ NGUYỄN TRÂM	ANH	21-Jul-05	60112233	6	6/6			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1521	LÊ THỊ THÁI	ANH	18-Mar-05	60112234	6	6/6			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1522	NGUYỄN ĐẮC	MINH	20-Apr-05	60112235	6	6/6			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1523	VŨ HOÀNG	MINH	20-Nov-05	60112241	6	6/6			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1524	NGUYỄN MỸ	NGỌC	06-May-05	60110622	6	6/7			MINH ĐỨC	
1525	NGUYỄN KHẮC	HUY	24-Jun-05	60110738	6	6/7			NGUYỄN DU	
1526	TRỊNH LÝ	KHANH	05-Mar-05	60110740	6	6/7			NGUYỄN DU	
1527	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	12-Oct-05	60116534	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1528	NGUYỄN	ANNE	07-Jun-05	60116530	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1529	CAO THÚY	BĂNG	03-Nov-05	60116522	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1530	NGUYỄN THÀNH HUY	CUỜNG	30-Oct-05	60116533	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1531	HUỲNH BẢO	DUY	24-Jul-05	60116525	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1532	LÊ HOÀNG KIỆU	GIANG	25-Jan-05	60116526	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1533	TRẦN ĐÌNH	HÙNG	02-Dec-05	60116537	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1534	NGÔ ĐỨC	HUY	27-Jul-05	60116529	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1535	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	26-Feb-05	60116535	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1536	LÊ PHƯƠNG	NGHI	30-Jun-05	60116528	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1537	PHAN THY NGÂN	QUỲNH	27-Jul-05	60116536	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1538	LÊ NGỌC ANH	THU'	24-May-05	60116527	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1539	NGUYỄN QUANG	TÙNG	26-Oct-05	60116532	6	6/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1540	ĐÀO TUẤN	ANH	09-Sep-05	60112243	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1541	TRỊNH HỒ GIA	BẢO	18-Feb-05	60112275	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1542	PHẠM CHÍ	ĐĂNG	23-Apr-05	60112264	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1543	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	GIANG	02-Dec-05	60112260	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1544	TRẦN VIỆT	HÀ	23-Apr-05	60112272	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1545	NGUYỄN ĐỨC	HUY	14-Feb-05	60112254	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1546	TRƯƠNG TUẤN	KHẢI	24-Mar-05	60112278	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1547	QUÁCH VĨNH	KHANG	07-Sep-05	60112268	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1548	TRẦN TRỌNG	KHOA	09-Mar-05	60112271	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1549	LÊ CHU KHÁNH	LINH	22-Sep-05	60112247	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1550	TRƯƠNG HUỲNH BẢO	LONG	04-Sep-05	60112277	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1551	TRẦN PHƯƠNG	NAM	23-Oct-05	60112269	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1552	MAI NGỌC VƯƠNG	NGHI	24-Jul-05	60112250	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1553	ĐÌNH BẢO	NGỌC	10-Aug-05	60112244	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1554	LÊ ĐÌNH KHÁNH	NHƯ	03-Nov-05	60112248	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1555	TRẦN THIÊN	QUỐC	02-Mar-05	60112270	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1556	NGUYỄN HỌC NHƯ	TÂM	10-Jun-05	60112257	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1557	NGUYỄN HOÀNG	THẠCH	10-Oct-05	60112256	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1558	NGUYỄN TRANG	THI	12-Jul-05	60112263	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1559	ĐỖ NGỌC ANH	THƯ	23-Oct-05	60112245	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1560	NGUYỄN ANH	THƯ	28-Feb-05	60112252	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1561	NGUYỄN LÊ CÁT	TUÔNG	21-Dec-05	60112258	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1562	TRIỆU QUỐC	VINH	28-Oct-05	60112274	6	6/7			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1563	PHẠM NGỌC QUỲNH	ANH	15-Oct-05	60110743	6	6/8			NGUYỄN DU	
1564	LIÊU GIA	DINH	26-Jan-05	60110742	6	6/8			NGUYỄN DU	
1565	VỖ TÁ MINH	PHƯỚC	10-Jun-05	60110744	6	6/8			NGUYỄN DU	
1566	BÙI HOÀNG	ANH	25-Aug-05	60116538	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1567	HỒ LÊ GIA	HÂN	27-Feb-05	60116540	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1568	ĐẶNG NHẬT	HOÀNG	09-Mar-05	60116539	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1569	PHÙNG NGỌC	HUY	05-Oct-05	60116550	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1570	HOÀNG QUANG	MINH	11-Apr-05	60116541	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1571	PHAN GIA	PHÚ	18-May-05	60116549	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1572	LÊ	QUANG	20-Jun-05	60116542	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1573	LÊ MINH	TÂM	20-Mar-05	60116543	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1574	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20-May-05	60116548	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1575	NGÔ NHẬT	THIÊN	04-Jan-05	60116545	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1576	THÁI VÕ THÙY	TRÂM	12-May-05	60116551	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1577	MAI XUÂN	TÙNG	17-May-05	60116544	6	6/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1578	LÊ MINH	KHÔI	06-Mar-05	60112281	6	6/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1579	TRƯƠNG HỮU MINH	TRÍ	02-Jan-05	60112285	6	6/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
1580	NGUYỄN HỮU HỒNG	ANH	17-Nov-05	60116560	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1581	LÊ GIA	HÂN	23-Sep-05	60116556	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1582	HOÀNG DUY	KHANG	17-Oct-05	60116554	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1583	ĐỖ BẢNG	LĂNG	16-Oct-05	60116553	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1584	TRƯƠNG GIA	LỢI	01-Nov-05	60116566	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1585	WONG SI HON	MACRO	15-Jul-05	60116569	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1586	NGUYỄN TRANG BÍCH	NGỌC	02-Mar-05	60116562	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1587	PHẠM MINH	QUỐC	28-Mar-05	60116565	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1588	PHẠM KHOA	QUYỀN	21-Oct-05	60116564	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1589	NGUYỄN LƯU MINH	TÂM	25-Mar-05	60116561	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1590	LÊ BẢO	THẠCH	21-May-05	60116555	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1591	CHÂU NGẠN	THÂN	20-Oct-05	60116552	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1592	LƯƠNG PHẠM ANH	THU'	23-Sep-05	60116559	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1593	NGUYỄN VŨ MINH	THU'	13-Feb-05	60116563	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1594	TUỠNG THANH	VÂN	07-Jun-05	60116567	6	6/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1595	BÙI QUỲNH	ANH	30-Dec-05	60110001	6	6A1			CHU VĂN AN	
1596	NGÔ VƯƠNG THIÊN	BẢO	02-May-05	60110005	6	6A1			CHU VĂN AN	
1597	LÊ TRẦN NGỌC	GIAO	19-Aug-05	60110004	6	6A1			CHU VĂN AN	
1598	NGUYỄN MINH	KHẢI	30-Jan-05	60110009	6	6A1			CHU VĂN AN	
1599	HUỲNH MAI	LINH	04-Dec-05	60110002	6	6A1			CHU VĂN AN	
1600	NGUYỄN CAO	MINH	20-Sep-05	60110006	6	6A1			CHU VĂN AN	
1601	TẠ LÝ ĐIỂM	MY	26-Aug-05	60110011	6	6A1			CHU VĂN AN	
1602	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	16-Oct-05	60110012	6	6A1			CHU VĂN AN	
1603	NGUYỄN THIỆN NHÂN	QUÂN	17-Oct-05	60110010	6	6A1			CHU VĂN AN	
1604	NGUYỄN LÊ NHƯ'	QUỲNH	26-Sep-05	60110008	6	6A1			CHU VĂN AN	
1605	TRẦN NGỌC THANH	TRANG	25-Mar-05	60110015	6	6A1			CHU VĂN AN	
1606	NGUYỄN TUẤN	HẢI	01-Mar-05	60110298	6	6A1			ĐỨC TRÍ	
1607	NGUYỄN VIỆT	NAM	20-Jul-05	60110299	6	6A1			ĐỨC TRÍ	
1608	NGUYỄN MINH	THIỆN	18-Jan-05	60110297	6	6A1			ĐỨC TRÍ	
1609	TRẦN TRIẾT	VĨ	11-Dec-05	60110300	6	6A1			ĐỨC TRÍ	
1610	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	22-Nov-05	60120814	6	6A1			HUỲNH KHUƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1611	TRẦN VŨ MINH	ANH	27-Mar-05	60120828	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1612	NGUYỄN ĐĂNG	BẢO	06-Jan-05	60120803	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1613	NGUYỄN QUÝ NGỌC	BÍCH	07-May-05	60120810	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1614	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	15-Aug-05	60120827	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1615	NGUYỄN ĐÀO NGỌC THANH	CÚC	22-Jan-05	60120804	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1616	NGUYỄN TAM	ĐẠT	22-Jan-05	60120811	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1617	PHẠM NGỌC THIÊN	DI	28-Sep-05	60120818	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1618	NGÔ HÀ QUỲNH	GIANG	18-Feb-05	60120802	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1619	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	KHANH	02-Sep-05	60120816	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1620	LÊ ĐĂNG	KHOA	25-Mar-05	60120798	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1621	NGUYỄN LÊ	KHÔI	11-Jul-05	60120807	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1622	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	NGHI	26-Jun-05	60120794	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1623	TRẦN NGUYỄN HIỆU	NGHI	27-Dec-05	60120824	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1624	NGUYỄN THANH	NGỌC	22-Jun-05	60120813	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1625	VÕ THÁI THẢO	NGỌC	14-Oct-05	60120831	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1626	QUÁCH BẠCH YẾN	NHI	12-Oct-05	60120822	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1627	NGUYỄN TÂN	PHÁT	14-Mar-05	60120812	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1628	TRƯƠNG ANH NAM	PHONG	19-Nov-05	60120829	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1629	TRẦN NGUYỄN VÂN	THẢO	19-Nov-05	60120825	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1630	NGUYỄN LÂM UYÊN	THY	29-Oct-05	60120806	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1631	PHẠM MINH	TIẾN	03-Dec-05	60120817	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1632	LÊ NGỌC KHÁNH	TRÂM	15-Feb-05	60120799	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1633	LIU NGUYỄN THẢO	TRÂM	18-Nov-05	60120801	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1634	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	05-May-05	60120808	6	6A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
1635	NGUYỄN LÊ PHƯỚC	AN	19-Feb-05	60110934	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1636	PHẠM QUỲNH	ANH	06-Mar-05	60110936	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1637	PHẠM CAO	CƯỜNG	22-Jun-05	60110935	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1638	TRẦN HƯNG TUẤN	ĐẠT	08-Apr-05	60110939	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1639	TRẦN MỘNG THÙY	DƯƠNG	07-Aug-05	60110940	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1640	PHẠM VIỆT	HÙNG	18-Dec-05	60110938	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1641	PHẠM TỪ KHÁNH	HÙNG	01-Jun-05	60110937	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1642	TRỊNH MINH	HUY	15-Oct-05	60110943	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1643	ĐỖ THÀNH	NAM	14-Aug-05	60110928	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1644	LÊ TÚY AN	NHIÊN	22-Sep-05	60110931	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1645	NGÔ NGỌC ANH	QUÂN	15-Dec-05	60110932	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1646	TRẦN QUỐC	THÀNH	03-Feb-05	60110941	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1647	NGUYỄN HÀ	VÂN	04-Nov-05	60110933	6	6A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1648	NGUYỄN HUỲNH TRÂM	ANH	05-Apr-05	60111767	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1649	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	ANH	30-Jul-05	60111771	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1650	VŨ BẢO	CHÂU	25-Apr-05	60111772	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1651	LAI HẠ THỦY	DUNG	13-Oct-05	60111765	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1652	NGUYỄN ĐỨC	HIỆP	20-Jul-05	60111766	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1653	CAO NGỌC MAI	KHANH	07-Oct-05	60111761	6	6A1			TRẦN VĂN ƠN	
1654	TRƯƠNG GIA	BẢO	22-Jun-05	60110955	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1655	LÊ QUỐC	DUY	25-Apr-05	60110948	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1656	PHẠM TRUNG	HIẾU	22-Apr-05	60110952	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1657	ĐỖ MINH	HOÀNG	23-Jul-05	60110945	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1658	HOÀNG THIÊN	LONG	01-Jan-05	60110946	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1659	NGUYỄN NGỌC VIỆT	MI	26-Aug-05	60110950	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1660	LÊ NGUYỄN NGỌC	MINH	12-May-05	60110947	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1661	TRANG MINH	NHẬT	12-Aug-05	60110954	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1662	ĐẶNG QUANG	THIÊN	24-Mar-05	60110944	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1663	VŨ ANH	THU	14-Dec-05	60110957	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1664	TRƯƠNG MỸ CÁT	TUÔNG	03-Aug-05	60110956	6	6A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1665	NGUYỄN HỮU ANH	CƠ	05-Apr-05	60111782	6	6A10			TRẦN VĂN ƠN	
1666	LÊ NỮ CHÂU	MINH	18-Jul-05	60111779	6	6A10			TRẦN VĂN ƠN	
1667	MAI NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	07-Apr-05	60111780	6	6A10			TRẦN VĂN ƠN	
1668	HUỲNH NGUYỄN NHƯ	Ý	28-Oct-05	60111775	6	6A10			TRẦN VĂN ƠN	
1669	NGUYỄN TÂN	AN	29-Jun-05	60110980	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1670	NGUYỄN ĐỨC	ANH	01-Feb-05	60110970	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1671	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	17-May-05	60110977	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1672	NGUYỄN GIA	BÁCH	25-Oct-05	60110972	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1673	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	20-Oct-05	60110976	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1674	MAI NGUYỄN PHƯƠNG	CHI	24-Jul-05	60110966	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1675	CAO KHÁNH	DUNG	28-Nov-05	60110959	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1676	BÁ XUÂN TÙNG	DƯƠNG	04-May-05	60110958	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1677	TRẦN THÁI	DƯƠNG	10-Jan-05	60110990	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1678	NGUYỄN QUỐC BẢO	DUY	01-Apr-05	60110978	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1679	NGUYỄN HỮU MINH	KHÔI	05-Oct-05	60110973	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1680	LÊ NGUYỄN ANH	KHUÊ	26-Apr-05	60110962	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1681	PHAN NGUYỄN KHÁNH	LINH	18-Feb-05	60110986	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1682	VŨ TIẾN	LỰC	24-Apr-05	60110991	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1683	NGUYỄN ĐỖ KHẢI	MINH	07-Apr-05	60110969	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1684	NGUYỄN LÊ HỒNG	MINH	28-Jul-05	60110975	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1685	PHẠM HẢI	NAM	19-Oct-05	60110984	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1686	MA TRẦN MỸ	NGỌC	13-Apr-05	60110965	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1687	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	23-May-05	60110983	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1688	LÝ THỊ HỒNG	NHUNG	26-Feb-05	60110964	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1689	NGUYỄN SĨ MINH	PHÚ	21-May-05	60110979	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1690	LÊ NGỌC LINH	SAN	19-Apr-05	60110961	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1691	HOÀNG ĐÌNH	TÂN	22-Jul-05	60110960	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1692	NGUYỄN	THÀNH	09-Dec-05	60110967	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1693	NGUYỄN THU	THẢO	24-Mar-05	60110982	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1694	NGUYỄN ANH	THƯ	01-Jan-05	60110968	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1695	NGUYỄN THÁI MINH	THƯ	08-Dec-05	60110981	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1696	PHẠM NGỌC TRÂN	TRÂN	02-Aug-05	60110985	6	6A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1697	NGÔ TÂM	AN	13-Dec-05	60111004	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1698	NGUYỄN NHẬT	ANH	08-Jan-05	60111012	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1699	PHẠM HẢI	ANH	07-Jan-05	60111018	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1700	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	10-Mar-05	60111016	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1701	HỒ HẢI	ĐỊNH	25-Feb-05	60110997	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1702	ĐẶNG ĐỨC	DŨNG	04-Oct-05	60110995	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1703	NGUYỄN HỒNG	DƯƠNG	16-Nov-05	60111008	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1704	TRẦN QUỲNH	GIANG	13-Mar-05	60111024	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1705	BÙI HUY	GIÁP	12-Jan-05	60110992	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1706	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	HÀ	18-Aug-05	60111007	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1707	TRẦN VÕ ĐỨC	HIẾU	29-Apr-05	60111025	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1708	NGUYỄN PHÚC	HUY	21-Dec-05	60111014	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1709	TRẦN QUANG	HUY	19-Oct-05	60111023	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1710	TRẦN LÊ NGUYỄN	KHANG	19-Aug-05	60111022	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1711	LÊ NGỌC	KHUÊ	02-Aug-05	60111001	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1712	TRỊNH ÁI LAN	KHUÊ	28-Jan-05	60111026	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1713	NGUYỄN MINH	KỶ	15-May-05	60111010	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1714	PHÙNG ĐÌNH KHÁNH	LINH	17-Nov-05	60111019	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1715	NGUYỄN NHẬT	MINH	22-Oct-05	60111013	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1716	TRỊNH THỰC THẢO	NGHI	23-Jul-05	60111027	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1717	HOÀNG LÊ MINH	NHẬT	08-Feb-05	60110998	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1718	QUANG UYÊN	NHI	21-Mar-05	60111020	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1719	BÙI THIÊN	PHÚ	28-Mar-05	60110993	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1720	LÊ MINH	PHƯƠNG	15-Nov-05	60111000	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1721	NGUYỄN PHƯƠNG	QUÂN	27-Sep-05	60111015	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1722	VÕ NHƯ	QUỲNH	08-Jan-05	60111028	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1723	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	20-Dec-05	60111011	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1724	NGUYỄN DƯƠNG	TÙNG	18-Apr-05	60111006	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1725	VŨ	UY	30-Oct-05	60111030	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1726	CHẾ THỊ THẢO	VÂN	16-Jul-05	60110994	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1727	ĐẶNG LÊ LONG	VŨ	18-Mar-05	60110996	6	6A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1728	HUỲNH LÊ MAI	ANH	01-Jun-05	60111787	6	6A12			TRẦN VĂN ƠN	
1729	PHẠM HUỲNH GIA	PHÚC	18-Mar-05	60111788	6	6A12			TRẦN VĂN ƠN	
1730	VÕ NGUYỄN TƯỜNG	VY	14-Jul-05	60111793	6	6A12			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1731	ĐÌNH NGỌC GIA	BẢO	11-Aug-05	60111034	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1732	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	05-Apr-05	60111045	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1733	BÙI ANH	ĐỨC	21-Jul-05	60111032	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1734	TRẦN THÁI	DƯƠNG	13-Jun-05	60111049	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1735	PHẠM ĐĂNG	HIỀN	13-Mar-05	60111047	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1736	NGÔ HUY	HOÀNG	28-Aug-05	60111038	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1737	HÀ THU	HUYỀN	30-Aug-05	60111036	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1738	LÃ ĐĂNG	KHOA	29-Mar-05	60111037	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1739	BẠCH CẢNH	KỶ	01-Jan-05	60111031	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1740	TRẦN NGUYỄN MAI	LINH	07-Jul-05	60111048	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1741	NGUYỄN HOÀNG	MINH	21-Mar-05	60111041	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1742	NGUYỄN ĐOÀN THANH	NGỌC	08-Jul-05	60111040	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1743	NGUYỄN MINH BẢO	NHI	02-Feb-05	60111042	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1744	NGUYỄN TRƯỞNG HOÀNG	PHƯỚC	26-May-05	60111044	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1745	TRỊNH MINH	QUÂN	13-Apr-05	60111050	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1746	NGUYỄN TRẦN VĨNH	TÂM	20-Feb-05	60111043	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1747	ĐÀO ANH	THU'	16-Aug-05	60111033	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1748	NGUYỄN VẠN	TƯỜNG	11-Jul-05	60111046	6	6A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1749	ĐẶNG LAN	ANH	07-Jul-05	60111053	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1750	HUỲNH KỶ	ANH	04-Mar-05	60111058	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1751	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	22-May-05	60111065	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1752	TRƯƠNG QUỐC	ANH	25-Sep-05	60111083	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1753	NGUYỄN TRẦN MINH	ĐỨC	03-Nov-05	60111074	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1754	HỒ TRÍ	HIẾU	25-Feb-05	60111056	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1755	LÊ VIẾT SONG	HUY	22-Jun-05	60111063	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1756	TRẦN CẨM	HUY	28-Feb-05	60111079	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1757	LÊ NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	01-Oct-05	60111061	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1758	NGUYỄN TUẤN	KHOA	21-Dec-05	60111075	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1759	ĐÀO NGUYỄN MINH	KHUÊ	01-Jan-05	60111055	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1760	KIỀU THIÊN	LAM	20-May-05	60111059	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1761	TRẦN PHƯƠNG NGỌC	LINH	29-Aug-05	60111081	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1762	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	MAI	18-Nov-05	60111072	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1763	NGUYỄN HỒNG THẢO	MINH	04-Oct-05	60111066	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1764	NGUYỄN NHẬT	MINH	06-Mar-05	60111071	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1765	LÊ HOÀNG NHẬT	NAM	17-Jan-05	60111060	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1766	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	19-Aug-05	60111069	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1767	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	15-Apr-05	60111064	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1768	LÊ TÂM	NGUYỆT	05-Nov-05	60111062	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1769	VÕ LÊ TỊNH	NHI	15-Mar-05	60111084	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1770	ĐÀO DUY	PHƯƠNG	31-Jul-05	60111054	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1771	BÙI ĐĂNG	QUÂN	04-Feb-05	60111051	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1772	TRẦN NHẬT	QUANG	29-Sep-05	60111080	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1773	PHAN TẤN	TÀI	27-Jul-05	60111076	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1774	NGUYỄN NGỌC THANH	THẢO	20-Jun-05	60111070	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1775	HOÀNG ANH	THƯ	27-May-05	60111057	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1776	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	14-Jun-05	60111073	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1777	THÁI CẢNH	THUẬN	22-Jun-05	60111077	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1778	NGUYỄN MINH	TÚ	25-Sep-05	60111068	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1779	TRẦN ANH	TUẤN	28-Mar-05	60111078	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1780	NGUYỄN HUY	TÙNG	02-Mar-05	60111067	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1781	CAO NGUYỄN PHƯƠNG	VY	11-May-05	60111052	6	6A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1782	ĐÌNH NHO	AN	10-Jul-05	60111087	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1783	NGUYỄN HẰNG DIỆU	ÂN	17-Feb-05	60111092	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1784	TRẦN THÁI	ANH	05-Feb-05	60111104	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1785	NGUYỄN TẮT	BÁCH	03-Nov-05	60111097	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1786	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	11-Jan-05	60111098	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1787	CỔ THÀNH	ĐOÀN	12-Mar-05	60111086	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1788	TRẦN ĐÔNG	ĐÔNG	29-Jan-05	60111103	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1789	VÕ HÀ	DUY	01-Jul-05	60111106	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1790	NGUYỄN LÂM KHÁNH	HÀ	25-Jul-05	60111094	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1791	TRẦN VÕ GIA	HÂN	06-Jan-05	60111105	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1792	NGUYỄN LÊ MINH	HẰNG	11-Jan-05	60111095	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1793	THÂN TRỌNG	HIẾU	17-Mar-05	60111102	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1794	LÊ GIA	HY	14-Jan-05	60111089	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1795	VÕ MINH	KHÔI	19-Sep-05	60111107	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1796	BÙI KHÁNH	LINH	08-Nov-05	60111085	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1797	NGUYỄN HOÀNG	LONG	28-Feb-05	60111093	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1798	LÊ	NA	19-May-05	60111088	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1799	VŨ ĐÌNH THÁI	PHÚC	23-Sep-05	60111108	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1800	PHAN NGHI	QUÂN	27-Mar-05	60111100	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1801	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	28-Feb-05	60111096	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1802	LÊ NGUYỄN ANH	THƯ	21-Jul-05	60111091	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1803	LÊ NGỌC BẢO	TRÂN	30-Oct-05	60111090	6	6A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1804	NGUYỄN THIÊN	ÂN	31-Mar-05	60110024	6	6A2			CHU VĂN AN	
1805	ĐẶNG THÁI	HÒA	07-Jul-05	60110018	6	6A2			CHU VĂN AN	
1806	CHU TRẦN TÚ	NHI	15-Aug-05	60110017	6	6A2			CHU VĂN AN	
1807	NGUYỄN HỒNG	ANH	11-Jun-05	60110307	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1808	NGUYỄN ĐÀO GIA	KIỆT	10-Jan-05	60110305	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1809	TRẦN HỒNG	NGỌC	02-Dec-05	60110311	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1810	PHẠM NGUYỄN NGỌC	QUANG	20-Apr-05	60110309	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1811	LÊ NGUYỄN PHÚ	TOÀN	15-Feb-05	60110301	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1812	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	05-Sep-05	60110306	6	6A2			ĐỨC TRÍ	
1813	NGUYỄN HOÀNG NAM	ANH	03-Aug-05	60120842	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1814	PHAN MINH	ANH	15-Jan-05	60120854	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1815	TRẦN LÂM TRÍ	ĐỨC	06-Jul-05	60120858	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1816	MAI NGỌC	HOA	29-Jul-05	60120839	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1817	NGUYỄN VÕ GIA	HUY	25-Sep-05	60120849	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1818	BÙI ĐỨC	KHẢI	04-Dec-05	60120832	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1819	NGUYỄN HOÀNG THỤY	KHANH	27-Sep-05	60120843	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1820	HÀ NGỌC	KHÁNH	03-Mar-05	60120835	6	6A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1821	TRẦN DUY	KHÔI	07-Sep-05	60120857	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1822	HỒ THẢO	NGỌC	11-Jan-05	60120837	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1823	NGUYỄN HUỶNH NAM	PHƯƠNG	02-Feb-05	60120844	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1824	NGUYỄN VINH ANH	QUÂN	22-Feb-05	60120848	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1825	TRIỆU HÙNG	QUÂN	08-Jul-05	60120859	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1826	NGUYỄN NGỌC THANH	THANH	16-Feb-05	60120845	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1827	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	20-Feb-05	60120840	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1828	NGUYỄN XUÂN	THẢO	20-Feb-05	60120850	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1829	PHẠM THUY MINH	THƯ	29-Mar-05	60120853	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1830	TẠ MAI	TRANG	30-Jun-05	60120856	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1831	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	28-Feb-05	60120846	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1832	NGUYỄN THÀNH	VĨNH	07-Aug-05	60120847	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1833	PHẠM HOÀNG	YẾN	02-May-05	60120852	6	6A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1834	PHAN NGỌC	AN	28-Mar-05	60111125	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1835	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	01-Jan-05	60111118	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1836	NGUYỄN THIÊN	HÀ	21-Mar-05	60111120	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1837	NGUYỄN TRƯỞNG ĐĂNG	KHOA	01-Nov-05	60111121	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1838	ĐẶNG HỮU MINH	KHÔI	22-May-05	60111109	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1839	TRẦN BẢO PHÚC	LONG	02-Nov-05	60111127	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1840	LÊ NGUYỄN CHI	LYNH	29-Aug-05	60111115	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1841	LÊ HỒNG	MINH	23-Sep-05	60111114	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1842	LÊ THỊ TRÀ	MY	27-Oct-05	60111116	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1843	NGÔ NGUYỄN THÀNH	NHÂN	17-Jan-05	60111117	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1844	HOÀNG HỒNG	NHIÊN	31-May-05	60111113	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1845	HỒ TẤN	PHÁT	10-Feb-05	60111112	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1846	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN	PHÚC	30-Mar-05	60111128	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1847	NGUYỄN QUỲNH KHÁNH	PHƯƠNG	15-Feb-05	60111119	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1848	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	14-Jun-05	60111123	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1849	TẶNG TRẦN ĐĂNG	QUANG	17-Sep-05	60111126	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1850	PHẠM NGUYỄN	TRANG	24-Nov-05	60111122	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1851	DƯƠNG MINH	TRIẾT	02-Nov-05	60111111	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1852	PHẠM NGUYỄN PHÚ	VINH	11-Feb-05	60111124	6	6A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1853	HUỲNH MINH	ANH	16-Dec-05	60111795	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1854	NGUYỄN LÊ VĂN	ĐỨC	11-Jun-05	60111798	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1855	NGUYỄN THỊ HẠNH	DUNG	26-Nov-05	60111804	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1856	TẠ THÙY	DƯƠNG	14-May-05	60111808	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1857	BÙI PHẠM GIA	HÂN	17-Jan-05	60111794	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1858	NGUYỄN MAI	HÂN	08-Jul-05	60111799	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1859	LƯƠNG ĐỨC	HÙNG	04-Apr-05	60111797	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1860	PHẠM NGUYỄN ÁI	LINH	03-Nov-05	60111805	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1861	QUAN NGUYỄN VÂN	NHI	06-Jan-05	60111807	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1862	NGUYỄN MINH	QUYỀN	28-Apr-05	60111800	6	6A2			TRẦN VĂN ƠN	
1863	TRẦN HÀ	CHÂU	14-Jun-05	60110034	6	6A3			CHU VĂN AN	
1864	TRẦN QUANG	DUY	28-Jul-05	60110036	6	6A3			CHU VĂN AN	
1865	TRẦN HỮU	LUÂN	12-Jan-05	60110035	6	6A3			CHU VĂN AN	
1866	THÁI HOÀNG	MINH	03-Jun-05	60110033	6	6A3			CHU VĂN AN	
1867	NGUYỄN HỒ TÍN	NGHĨA	01-Nov-05	60110031	6	6A3			CHU VĂN AN	
1868	LÊ HỮU	TRÁC	01-May-05	60110030	6	6A3			CHU VĂN AN	
1869	PHẠM PHƯƠNG	ANH	08-Jul-05	60110328	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1870	TRỊNH ĐỖ MINH	ĐAN	09-Feb-05	60110333	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1871	TRẦN MINH	HIẾU	27-Dec-05	60110330	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1872	HUỲNH ĐĂNG	KHOA	29-Oct-05	60110318	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1873	NGUYỄN ĐÌNH	KHÔI	04-Oct-05	60110320	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1874	DIỆP THẾ	KIỆT	02-Dec-05	60110317	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1875	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	15-Apr-05	60110326	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1876	NGUYỄN HÀ	MY	25-Sep-05	60110322	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1877	TÔ THỊ BẢO	NGỌC	11-Feb-05	60110329	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1878	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	17-Oct-05	60110331	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1879	NGUYỄN ĐỖ MINH	TRÍ	30-Jan-05	60110321	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1880	CHÂU ANH	TUẤN	20-Feb-05	60110314	6	6A3			ĐỨC TRÍ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1881	TRẦN QUỐC PHƯƠNG	VY	10-Jul-05	60110332	6	6A3			ĐỨC TRÍ	
1882	TRẦN THUỶ	ANH	20-Feb-05	60120869	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1883	DU TIÊU	HÂN	11-Oct-05	60120863	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1884	NGUYỄN ĐỨC	HUY	12-Oct-05	60120865	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1885	PHẠM TRƯỜNG	KHẢI	24-Sep-05	60120867	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1886	NGUYỄN NGỌC THÙY	TRÂM	02-Sep-05	60120866	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1887	ĐẶNG QUỐC	TRUNG	09-Apr-05	60120861	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1888	HOÀNG NGUYỄN THẢO	VY	13-May-05	60120864	6	6A3			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
1889	MAI NGUYỄN THÁI	BÌNH	28-May-05	60111132	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1890	PHẠM VŨ TRƯỜNG	CA	27-Apr-05	60111141	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1891	TRẦN HOÀI LAN	CHI	18-Aug-05	60111145	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1892	TRẦN NGỌC KHÁNH	DU	20-May-05	60111147	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1893	NGUYỄN LIÊN	HẢO	14-Sep-05	60111137	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1894	NGUYỄN GIA	KHANG	15-Jun-05	60111134	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1895	TRẦN MINH	KHANG	23-May-05	60111146	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1896	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHOA	15-Sep-05	60111133	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1897	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	07-Jan-05	60111135	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1898	NGUYỄN QUANG	MINH	06-Jun-05	60111139	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1899	TÔ NGỌC	MỸ	28-Aug-05	60111144	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1900	HUỶNH NGỌC	QUỐC	24-Apr-05	60111129	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1901	PHAN NGỌC	TRÂN	03-Nov-05	60111142	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1902	TRẦN VÕ MINH	TRIẾT	07-Nov-05	60111148	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1903	TẶNG GIA	TÙNG	23-May-05	60111143	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1904	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VÂN	19-Apr-05	60111138	6	6A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1905	BÙI TRẦN HỒNG	CHÂU	04-Sep-05	60111809	6	6A3			TRẦN VĂN ƠN	
1906	NGUYỄN NGỌC	HÂN	22-Mar-05	60111813	6	6A3			TRẦN VĂN ƠN	
1907	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	30-Oct-05	60111814	6	6A3			TRẦN VĂN ƠN	
1908	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02-Sep-05	60111812	6	6A3			TRẦN VĂN ƠN	
1909	NGUYỄN GIA	PHÚC	24-Nov-05	60111810	6	6A3			TRẦN VĂN ƠN	
1910	NGUYỄN LÊ HỒNG	ANH	29-Aug-05	60110056	6	6A4			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1911	NGUYỄN THIÊN	ANH	07-Oct-05	60110059	6	6A4			CHU VĂN AN	
1912	ĐẶNG ANH	HÀO	26-Sep-05	60110037	6	6A4			CHU VĂN AN	
1913	LƯƠNG THẾ	HOÀNG	18-Mar-05	60110050	6	6A4			CHU VĂN AN	
1914	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	20-Feb-05	60110057	6	6A4			CHU VĂN AN	
1915	TẠ QUAN	HÙNG	14-May-05	60110062	6	6A4			CHU VĂN AN	
1916	LÊ NGÔ MINH	HUY	06-Apr-05	60110045	6	6A4			CHU VĂN AN	
1917	NGUYỄN MINH	KIỀU	02-Aug-05	60110058	6	6A4			CHU VĂN AN	
1918	LÊ MẬU UYÊN	LÂM	04-May-05	60110044	6	6A4			CHU VĂN AN	
1919	HUỲNH THÁI	LIÊM	08-Jul-05	60110043	6	6A4			CHU VĂN AN	
1920	NGUYỄN KIỀU KHÁNH	LINH	15-Sep-05	60110055	6	6A4			CHU VĂN AN	
1921	VÕ PHI THÀNH	LỘC	21-May-05	60110066	6	6A4			CHU VĂN AN	
1922	TRẦN PHI	LONG	01-Sep-05	60110063	6	6A4			CHU VĂN AN	
1923	HUỲNH PHƯƠNG	MINH	04-Jun-05	60110042	6	6A4			CHU VĂN AN	
1924	PHẠM NGUYỄN NHẬT	MINH	29-Apr-05	60110060	6	6A4			CHU VĂN AN	
1925	LÊ NGUYỄN GIA	NGHI	18-Jul-05	60110047	6	6A4			CHU VĂN AN	
1926	TRƯƠNG MINH	NGỌC	02-Mar-05	60110065	6	6A4			CHU VĂN AN	
1927	LÊ NGỌC THẢO	NGUYỄN	14-May-05	60110046	6	6A4			CHU VĂN AN	
1928	NGUYỄN GIA	NHI	23-Sep-05	60110054	6	6A4			CHU VĂN AN	
1929	LƯƠNG THỊ QUỲNH	NHU	27-Jan-05	60110051	6	6A4			CHU VĂN AN	
1930	LÊ QUANG THANH	QUỐC	25-Jul-05	60110048	6	6A4			CHU VĂN AN	
1931	HANIFA	RUBI YAN	13-Jan-05	60110039	6	6A4			CHU VĂN AN	
1932	TSẦN THANH	THẢO	24-Jun-05	60110064	6	6A4			CHU VĂN AN	
1933	MAI THỊ PHƯƠNG	THÙY	30-Nov-05	60110052	6	6A4			CHU VĂN AN	
1934	HOÀNG NHƯ	Ý	27-Nov-05	60110041	6	6A4			CHU VĂN AN	
1935	LÊ VÕ TRỌNG	NGHĨA	19-Oct-05	60120871	6	6A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1936	VŨ MINH	ĐỨC	22-Sep-05	60111167	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1937	VÕ TRẦN THUỶ	KHA	19-Nov-05	60111166	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1938	NGUYỄN TUẤN	KHANG	16-Dec-05	60111159	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1939	PHẠM MAI	KHANH	31-Mar-05	60111161	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1940	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	08-Apr-05	60111156	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1941	ĐẶNG KHẮC NGUYỄN	KHÔI	20-Nov-05	60111153	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1942	NGUYỄN THIÊN	LAM	03-May-05	60111158	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1943	BÙI THÀNH	LONG	22-Aug-05	60111151	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1944	PHẠM PHƯƠNG	THUY	07-Oct-05	60111163	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1945	ĐẶNG ĐỨC	TRÍ	26-Jan-05	60111152	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1946	ĐỖ MINH	TRÍ	05-Sep-05	60111154	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1947	LÊ CÔNG HẢI	VĂN	01-Dec-05	60111155	6	6A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1948	NGÔ HOÀNG QUỐC	ANH	26-Jan-05	60111825	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1949	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	14-Dec-05	60111835	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1950	LÊ TRƯỜNG	GIANG	31-Jan-05	60111824	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1951	NGUYỄN THANH LAM	HÀ	21-Apr-05	60111833	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1952	LÂM DUY	KHANG	02-Oct-05	60111821	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1953	TRẦN NAM	KHANG	12-Jun-05	60111841	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1954	LÊ NGUYỄN NGỌC	KHUÊ	09-Jan-05	60111823	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1955	NGUYỄN ĐÌNH	NGUYỄN	10-Jul-05	60111827	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1956	ĐÀO QUANG	NHẬT	04-Feb-05	60111817	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1957	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	14-Dec-05	60111834	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1958	NGUYỄN PHẠM VƯƠNG	QUANG	02-Jun-05	60111832	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1959	TRINH HOÀNG KIỀU	VÂN	21-Sep-05	60111843	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1960	HÀ MINH	VỸ	02-May-05	60111820	6	6A4			TRẦN VĂN ƠN	
1961	ĐỖ KHẢI	ANH	21-Oct-05	60110070	6	6A5			CHU VĂN AN	
1962	TRẦN ĐẶNG MINH	ANH	31-Mar-05	60110097	6	6A5			CHU VĂN AN	
1963	NGUYỄN GIA	BẢO	30-Dec-05	60110080	6	6A5			CHU VĂN AN	
1964	NGUYỄN GIA	BẢO	29-Mar-05	60110081	6	6A5			CHU VĂN AN	
1965	NGUYỄN HUỲNH THANH	DANH	02-Jan-05	60110086	6	6A5			CHU VĂN AN	
1966	LÝ KIẾN	HÙNG	15-Jan-05	60110077	6	6A5			CHU VĂN AN	
1967	LA PHẠM BẢO	KHÁNH	29-Jun-05	60110074	6	6A5			CHU VĂN AN	
1968	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	12-Jun-05	60110089	6	6A5			CHU VĂN AN	
1969	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	NGỌC	07-Sep-05	60110083	6	6A5			CHU VĂN AN	
1970	TRẦN BẢO	NGUYỄN	08-Feb-05	60110096	6	6A5			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1971	ĐINH TRỌNG	NHÂN	12-Nov-05	60110069	6	6A5			CHU VĂN AN	
1972	PHẠM NGUYỄN HẠNH	NHI	09-Nov-05	60110094	6	6A5			CHU VĂN AN	
1973	BÙI TÍN	PHÁT	19-Dec-05	60110068	6	6A5			CHU VĂN AN	
1974	NGUYỄN HUỲNH	QUÂN	19-Oct-05	60110085	6	6A5			CHU VĂN AN	
1975	PHAN KHẢ	QUÂN	23-Apr-05	60110095	6	6A5			CHU VĂN AN	
1976	PHẠM MINH	THƯ	21-Aug-05	60110093	6	6A5			CHU VĂN AN	
1977	VÕ THUY ANH	THƯ	14-Jun-05	60110100	6	6A5			CHU VĂN AN	
1978	ĐỖ THANH	THÚY	06-Mar-05	60110071	6	6A5			CHU VĂN AN	
1979	TRẦN HẠNH	TIÊN	15-Jul-05	60110098	6	6A5			CHU VĂN AN	
1980	BÙI NGUYỄN ÁNH	TRANG	28-Jun-05	60110067	6	6A5			CHU VĂN AN	
1981	HỒ HUỲNH THANH	TRÚC	19-Oct-05	60110072	6	6A5			CHU VĂN AN	
1982	NGUYỄN PHAN MINH	VĨ	28-Mar-05	60110088	6	6A5			CHU VĂN AN	
1983	NGUYỄN HOÀNG LAN	VY	31-Jan-05	60110082	6	6A5			CHU VĂN AN	
1984	NGUYỄN THANH	AN	01-Jun-05	60120883	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1985	HUỲNH MAI VIỆT	ANH	27-Dec-05	60120878	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1986	TRẦN XUÂN	BÁCH	14-Apr-05	60120889	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1987	TRẦN LÂM GIA	BẢO	05-Apr-05	60120887	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1988	NGUYỄN PHỤNG	CÀM	10-Mar-05	60120882	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1989	PHẠM VẠN	ĐẠT	06-Oct-05	60120885	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1990	LÂM TRỊNH HẢO	MY	28-Jul-05	60120879	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1991	NGUYỄN TRÍ	NHÂN	03-Oct-05	60120884	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1992	NGUYỄN NGỌC THIÊN	PHÚC	28-Jun-05	60120881	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1993	TRẦN HIỀN	THẢO	11-Jun-05	60120886	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1994	ĐÀO KHANG	THỊNH	26-Apr-05	60120876	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1995	TRỊNH BẢO	TRÂN	06-Jul-05	60120890	6	6A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
1996	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	AN	04-Jun-05	60111183	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1997	HỒ PHAN GIA	BẢO	27-Mar-05	60111172	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1998	TRẦN QUÝ TRỌNG	ĐỨC	02-Mar-05	60111188	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
1999	BÙI PHAN ANH	KHÔI	27-Nov-05	60111168	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2000	HUỲNH GIA	LẠC	14-Jun-05	60111176	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2001	TRỊNH BẢO	LÂM	15-Feb-05	60111189	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2002	VŨ QUỐC	LÂM	02-Apr-05	60111192	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2003	HỒ TRỌNG	MINH	26-Aug-05	60111173	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2004	LÊ TRẦN HOÀNG	NGÂN	19-Jul-05	60111179	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2005	NGUYỄN TRẦN MINH	QUANG	03-Jun-05	60111184	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2006	NGUYỄN GIANG	THANH	18-Sep-05	60111181	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2007	TRẦN PHÚC UYÊN	THI	12-Dec-05	60111187	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2008	VÕ NGỌC ANH	THU'	17-Aug-05	60111191	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2009	LÊ ĐOÀN ĐAN	VI	19-Feb-05	60111177	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2010	LÊ DUY	VINH	25-Oct-05	60111178	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2011	TRƯƠNG	VINH	23-Nov-05	60111190	6	6A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2012	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	17-Oct-05	60111854	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2013	PHÙNG NHỰT	ANH	19-Jul-05	60111856	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2014	NGUYỄN LÂM QUANG	DŨNG	20-Sep-05	60111853	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2015	ĐÀO THỊ HỒNG	NGỌC	24-Oct-05	60111845	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2016	HOÀNG MINH	QUÂN	26-Sep-05	60111848	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2017	LÊ HUỲNH BÍCH	TRÂM	24-Apr-05	60111852	6	6A5			TRẦN VĂN ƠN	
2018	HÀNG KIỀU	ANH	26-Dec-05	60110102	6	6A6			CHU VĂN AN	
2019	NGUYỄN HUỲNH VÂN	KHANH	14-Mar-05	60110103	6	6A6			CHU VĂN AN	
2020	TRẦN QUANG	LẬP	06-Apr-05	60110399	6	6A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2021	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	MAI	27-Sep-05	60110390	6	6A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2022	PHẠM HỒNG	NGỌC	15-Jun-05	60110396	6	6A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2023	VÕ VĨNH	AN	18-Jan-05	60111214	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2024	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG	ANH	26-Mar-05	60111193	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2025	PHẠM TOÀN ANH	DŨNG	01-Feb-05	60111204	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2026	NGUYỄN HOÀNG ANH	DUY	03-Nov-05	60111199	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2027	PHẠM BÙI DƯƠNG	HUY	30-Jul-05	60111203	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2028	TRẦN QUANG	KHẢI	05-May-05	60111211	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2029	VĂN VĨ	KHANG	13-Aug-05	60111212	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2030	HOÀNG ĐỨC NHẬT	MINH	07-Jan-05	60111195	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2031	PHAN HOÀNG	MINH	09-Apr-05	60111205	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2032	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	11-Mar-05	60111200	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2033	TRẦN HOÀNG	NAM	18-Dec-05	60111208	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2034	VÕ TRỌNG	NGUYỄN	28-Jan-05	60111213	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2035	TRẦN NGUYỄN TUỜNG	NHI	17-Aug-05	60111209	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2036	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	14-Feb-05	60111198	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2037	TẠ NGỌC TRÚC	PHƯƠNG	03-Oct-05	60111206	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2038	TRẦN PHÚC	QUỲNH	24-Feb-05	60111210	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2039	DƯƠNG HÀ ANH	THƯ	31-Oct-05	60111194	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2040	NGUYỄN THÚY	VY	22-Feb-05	60111202	6	6A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2041	ĐINH DƯƠNG	AN	28-Jul-05	60111857	6	6A6			TRẦN VĂN ƠN	
2042	NGUYỄN CÔNG	HIẾU	07-Aug-05	60111861	6	6A6			TRẦN VĂN ƠN	
2043	ĐỖ NGỌC UYÊN	LY	08-Dec-05	60111858	6	6A6			TRẦN VĂN ƠN	
2044	NGÔ GIA	HÂN	22-Sep-05	60110108	6	6A7			CHU VĂN AN	
2045	TRƯƠNG NHẬT THANH	MINH	15-Jul-05	60110109	6	6A7			CHU VĂN AN	
2046	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	MINH	08-Mar-05	60110407	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2047	TRẦN NGỌC SONG	NGÂN	14-Sep-05	60110410	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2048	NGUYỄN PHƯỚC ĐÔNG	NGHI	12-Feb-05	60110408	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2049	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	NGHI	18-Mar-05	60110409	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2050	LÊ NGUYỄN THIÊN	THANH	22-Mar-05	60110406	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2051	HOÀNG KHÁNH	VY	08-Nov-05	60110404	6	6A7			LƯƠNG THẾ VINH	
2052	NGUYỄN HOÀNG BẢO	ÂN	28-Feb-05	60111229	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2053	TRẦN ĐẶNG GIA	BẢO	02-Mar-05	60111240	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2054	HỨA BẢO	CHÂU	30-Jul-05	60111222	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2055	ĐẶNG GIA	CHÍ	18-Nov-05	60111215	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2056	PHẠM NGUYỄN MINH	ĐĂNG	14-Jun-05	60111235	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2057	THÁI CHÁNH	ĐẠT	27-Dec-05	60111239	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2058	NGUYỄN GIA	HÂN	01-Sep-05	60111228	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2059	DƯƠNG DUY	HIỆP	14-Sep-05	60111219	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2060	NGUYỄN PHI	HÙNG	26-Apr-05	60111232	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2061	ĐỖ HOÀNG DUY	HÙNG	08-Feb-05	60111217	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2062	LÊ PHAN MINH	KHOA	09-Aug-05	60111225	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2063	ĐẶNG LƯU BẢO	KHÔI	27-Nov-05	60111216	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2064	TRƯƠNG TRUNG	KIÊN	09-Mar-05	60111242	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2065	NGUYỄN KHÁNH	LINH	12-May-05	60111230	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2066	PHÙNG NGỌC KHÔI	MINH	06-Mar-05	60111238	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2067	LÊ NGỌC THANH	NGÂN	16-Jul-05	60111224	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2068	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	26-Aug-05	60111231	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2069	LÊ THỊ TƯỜNG	NGHI	21-Oct-05	60111226	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2070	TRƯƠNG NGUYỄN	NHẬT	14-Oct-05	60111241	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2071	NGUYỄN THÙY	NHI	18-Jan-05	60111233	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2072	VÕ TRỌNG	PHÁT	03-Nov-05	60111243	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2073	HOÀNG XUÂN	PHƯỚC	21-Feb-05	60111221	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2074	ĐỖ NGỌC NAM	PHƯƠNG	21-Jan-05	60111218	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2075	HÀ ANH	TUẤN	04-Nov-05	60111220	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2076	PHẠM HUỲNH Ý	VY	02-Feb-05	60111234	6	6A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2077	NGUYỄN ĐỨC	MINH	24-Oct-04	60111867	6	6A7			TRẦN VĂN ƠN	
2078	PHAN PHÚC QUẾ	ANH	26-Apr-05	60110433	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2079	PHÙNG TRẦN GIA	BẢO	06-Sep-05	60110434	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2080	TRẦN HỮU	ĐỨC	24-Jan-05	60110435	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2081	PHAN GIA	HÂN	06-Jun-05	60110431	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2082	ĐẶNG MINH	KHOA	22-Jan-05	60110412	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2083	ĐOÀN NGỌC MINH	KHÔI	22-Nov-05	60110413	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2084	LÊ NHẬT	NAM	11-May-05	60110418	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2085	PHẠM ĐẮC	NHÂN	19-Mar-05	60110429	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2086	NGUYỄN LÂM	NHU	17-Dec-05	60110425	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2087	NGÔ TRƯƠNG	PHÚ	05-Mar-05	60110421	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2088	NGUYỄN CÔNG	QUYỀN	26-Feb-05	60110424	6	6A8			LƯƠNG THỂ VINH	
2089	VÕ NGUYỄN MỸ	AN	05-Aug-05	60111282	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2090	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	27-Mar-05	60111266	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2091	LÊ QUANG	ĐĂNG	28-Feb-05	60111257	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2092	TRẦN NGUYỄN THANH	DANH	17-Feb-05	60111277	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2093	TRẦN KHẮC	ĐẠT	17-Nov-05	60111275	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2094	NGUYỄN THẾ	DUY	17-Aug-05	60111268	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2095	PHAN MINH	HẰNG	16-Nov-05	60111272	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2096	BÙI DUY	HÙNG	11-Mar-05	60111244	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2097	HUỲNH ĐỨC NGUYỄN	KHANG	04-May-05	60111251	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2098	NGUYỄN GIA	KHÁNH	02-Apr-05	60111262	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2099	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHOA	21-May-05	60111260	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2100	NGUYỄN HUỲNH MINH	KHUÊ	17-Jan-05	60111264	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2101	PHAN TRƯỜNG	LINH	09-Jul-05	60111273	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2102	LÊ PHƯƠNG	NGHI	26-Oct-05	60111256	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2103	NGUYỄN THÔNG	NGUYỄN	13-Apr-05	60111269	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2104	LÊ BẢO THIÊN	NHÂN	12-Mar-05	60111253	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2105	BÙI UYÊN	NHI	23-Nov-05	60111245	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2106	TRẦN TUỆ TÚ	NHU	05-Jan-05	60111278	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2107	HUỲNH BẢO	PHÁT	27-Feb-05	60111250	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2108	PHẠM TRẦN HỮU	PHƯỚC	23-Feb-05	60111271	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2109	NGUYỄN NGỌC NAM	PHƯƠNG	19-Apr-05	60111267	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2110	ĐÀO NGUYỄN THẢO	TÂM	18-Jan-05	60111247	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2111	TRỊNH QUỐC	THẮNG	08-May-05	60111279	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2112	ĐẶNG NGUYỄN TUẤN	THÀNH	29-Jun-05	60111246	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2113	LÊ NGỌC ANH	THU	26-Oct-05	60111254	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2114	NGUYỄN VĨNH TRÚC	THY	04-Jan-05	60111270	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2115	NGUYỄN BẢO	TRANG	05-Feb-05	60111259	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2116	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	16-Aug-05	60111263	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2117	ĐÌNH ĐẠI	VŨ	11-Sep-05	60111248	6	6A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2118	SHAFIEE	ADAM	22-Jul-05	60110450	6	6A9			LƯƠNG THẾ VINH	
2119	TRẦN GIA	BẢO	21-Jan-05	60110451	6	6A9			LƯƠNG THẾ VINH	
2120	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	03-Feb-05	60110447	6	6A9			LƯƠNG THẾ VINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2121	PHÙNG ĐÌNH	DUY	13-Oct-05	60110449	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2122	NGUYỄN THÀNH	MINH	12-Feb-05	60110448	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2123	NGUYỄN HOÀNG THANH	NGÂN	03-Aug-05	60110444	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2124	NGUYỄN NGỌC	PHỤNG	03-Apr-05	60110446	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2125	HỒ ĐẮC NHƯ	QUỲNH	31-Jul-05	60110440	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2126	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	15-Aug-05	60110445	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2127	LÊ HUỲNH YẾN	TRANG	23-Nov-05	60110442	6	6A9			LƯƠNG THỂ VINH	
2128	HOÀNG THÁI	BÌNH	6-Jun-05	60111285	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2129	VƯƠNG TRẦN	CHÍ	17-Jan-05	60111294	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2130	VŨ NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	09-Jul-05	60111293	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2131	LÊ KHÁNH	LINH	11-May-05	60111286	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2132	ĐẶNG VŨ TUYẾT	NGÂN	06-Feb-05	60111283	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2133	TRẦN PHÚC	NGUYỄN	26-Feb-05	60111292	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2134	PHẠM PHÚ HỒ	NHẬT	15-Sep-05	60111290	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2135	NGUYỄN HỮU	PHÚC	03-Oct-05	60111287	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2136	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	10-Jul-05	60111288	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2137	HOÀNG MINH	THIỆN	20-Jan-05	60111284	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2138	PHAN ANH	TUẤN	18-Aug-05	60111291	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2139	PHẠM LÊ	UYÊN	08-May-05	60111289	6	6A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2140	LÊ NGUYỄN MINH	ANH	30-Nov-04	60142159	7	7			TRẦN VĂN ƠN	
2141	TRẦN TÚ	DUY	16-Apr-04	60112069	7	7			ÚC CHÂU	
2142	LÊ QUANG	KHOA	23-Jan-04	60142142	7	7.1			VIỆT ÚC	
2143	ĐÌNH TRẦN HOÀNG	MINH	02-Nov-04	60142143	7	7.1			VIỆT ÚC	
2144	NGUYỄN QUANG	ĐIỀN	20-Mar-04	60142146	7	7.2			VIỆT ÚC	
2145	NGUYỄN NGỌC ÁNH	MAI	27-Sep-04	60142145	7	7.2			VIỆT ÚC	
2146	SUSAN PHỤNG	STEINER	05-Apr-04	60142144	7	7.2			VIỆT ÚC	
2147	LÊ TRÍ	DŨNG	16-Aug-04	60110749	7	7/1			NGUYỄN DU	
2148	BÙI QUÝ	HẢI	10-Jul-04	60110745	7	7/1			NGUYỄN DU	
2149	LƯU NGUYỄN NHẬT	KHANG	12-Jun-04	60110750	7	7/1			NGUYỄN DU	
2150	ĐẶNG ANH	KHOA	26-Oct-04	60110746	7	7/1			NGUYỄN DU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2151	TRẦN ĐÌNH ANH	KHOA	23-Feb-04	60110758	7	7/1			NGUYỄN DU	
2152	TRẦN VĨNH NGUYỄN	KHOA	12-Jul-04	60110759	7	7/1			NGUYỄN DU	
2153	ĐÀO NGỌC	MINH	21-Jan-04	60110747	7	7/1			NGUYỄN DU	
2154	NGÔ GIA	NGHI	29-Oct-04	60110751	7	7/1			NGUYỄN DU	
2155	Ô NGUYỄN ANH	PHÚC	23-Mar-04	60110756	7	7/1			NGUYỄN DU	
2156	LÊ HẢI LONG	QUÂN	25-Aug-04	60110748	7	7/1			NGUYỄN DU	
2157	NGUYỄN LƯƠNG	THẮNG	01-May-04	60110754	7	7/1			NGUYỄN DU	
2158	TẠ HOÀNG QUANG	TRUNG	15-Dec-04	60110757	7	7/1			NGUYỄN DU	
2159	TRẦN TÙNG	LÂM	27-Feb-04	60116573	7	7/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2160	VŨ KHÁNH	MINH	06-Nov-04	60116574	7	7/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2161	HUỲNH LÂM	TÍNH	27-Jun-04	60116570	7	7/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2162	TRẦN CẨM	TOÀN	16-Oct-04	60116572	7	7/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2163	NGUYỄN HỒ HỒNG	VY	08-Nov-04	60116571	7	7/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2164	CHU NGỌC PHƯƠNG	ANH	25-Aug-04	60112288	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2165	NGUYỄN MAI	ANH	27-Feb-04	60112306	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2166	KARIN NGUYỄN	BICKNELL	13-Oct-04	60112293	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2167	NGUYỄN THANH	BÌNH	01-Jan-04	60112310	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2168	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	08-Jul-04	60112318	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2169	NGUYỄN CÔNG	DANH	15-Sep-04	60112304	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2170	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	12-Apr-04	60112308	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2171	ĐOÀN KHANG	DUY	16-Sep-04	60112289	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2172	NGUYỄN NGỌC	DUY	27-Jan-04	60112307	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2173	NG ÁNH MỸ	HIỀN	11-Feb-04	60112300	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2174	LÊ NAM	HUÂN	06-Feb-04	60112298	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2175	VỖ TẤN	HUY	19-Oct-04	60112322	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2176	VŨ VÂN	KHÁNH	21-Sep-04	60112327	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2177	NGUYỄN QUẾ	LÂM	01-Jan-04	60112309	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2178	VŨ HOÀNG	LAN	19-Oct-04	60112324	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2179	NG THẢO KHÁNH	LINH	10-Jul-04	60112303	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2180	NGUYỄN VŨ	MINH	26-Mar-04	60112311	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2181	TRẦN VIỆT TÙNG	NAM	11-Apr-04	60112320	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2182	CAO ANH NGUYỄN	NGUYỄN	22-Apr-04	60112286	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2183	CAO XUÂN	PHÁT	02-Jul-04	60112287	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2184	HÀ HUY	PHÚC	26-Apr-04	60112292	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2185	LẠI MINH	QUÂN	25-Jun-04	60112294	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2186	TRẦN LÊ NGỌC	QUỲNH	17-Sep-04	60112315	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2187	VỖ THỊ TRÚC	THANH	08-Dec-04	60112323	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2188	LÊ HOÀNG	THÔNG	01-Aug-04	60112296	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2189	TRƯỜNG BẢO	TRÂN	28-Oct-04	60112321	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2190	VŨ LAI HOÀNG	VIỆT	26-Jan-04	60112325	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2191	GIANG NG NHẬT	VY	12-Nov-04	60112291	7	7/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2192	NGUYỄN THỦY	BĂNG	07-Apr-04	60116582	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2193	TÔ DƯƠNG	BẢO	23-Jan-04	60116586	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2194	LÂM TUẤN	DUY	12-Jul-04	60116577	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2195	VŨ MINH	HẠNH	12-Nov-04	60116589	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2196	ĐÀO QUANG	KHẢI	14-Oct-04	60116575	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2197	VỖ KHÁNH HOÀNG	KIM	08-Nov-04	60116587	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2198	NGUYỄN LÝ HIỀN	LONG	09-Aug-04	60116581	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2199	NGUYỄN THỦY QUỲNH	NHI	04-Feb-03	60116583	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2200	NGUYỄN THỦY QUỲNH	NHƯ	04-Feb-03	60116584	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2201	DƯƠNG NGUYỄN THỦY	TIÊN	23-Oct-04	60116576	7	7/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2202	CAO HỒ VÂN	ANH	28-Feb-04	60110760	7	7/2			NGUYỄN DU	
2203	HÀ ĐỨC	ANH	06-Jun-04	60110762	7	7/2			NGUYỄN DU	
2204	DƯƠNG LINH	CHI	02-Dec-04	60110761	7	7/2			NGUYỄN DU	
2205	TRẦN HOÀNG BẢO	HÂN	05-Nov-04	60110772	7	7/2			NGUYỄN DU	
2206	NGUYỄN PHAN BẢO	HUÂN	21-Oct-04	60110767	7	7/2			NGUYỄN DU	
2207	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	HUY	08-Apr-04	60110769	7	7/2			NGUYỄN DU	
2208	PHÓ TRÍ	KHẢI	12-Oct-04	60110771	7	7/2			NGUYỄN DU	
2209	NGUYỄN VÕ BẢO	NGỌC	10-Feb-04	60110770	7	7/2			NGUYỄN DU	
2210	LÝ QUỐC	THẮNG	15-Sep-04	60110764	7	7/2			NGUYỄN DU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2211	NGUYỄN HẠNH ĐOAN	THẢO	29-Jul-04	60110766	7	7/2			NGUYỄN DU	
2212	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG	THY	19-May-04	60110773	7	7/2			NGUYỄN DU	
2213	NGÔ HOÀNG NHẬT	MINH	19-Mar-04	60110774	7	7/3			NGUYỄN DU	
2214	BÙI NGỌC	LINH	19-Nov-04	60112096	7	7/3			VĂN LANG	
2215	TRẦN THỊ NGỌC	LOAN	09-Jun-04	60112100	7	7/3			VĂN LANG	
2216	ĐỖ HOÀNG	PHƯỚC	29-Oct-04	60112097	7	7/3			VĂN LANG	
2217	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	QUỲNH	09-Sep-04	60112099	7	7/3			VĂN LANG	
2218	LÃ HÙNG	THỊNH	21-Dec-04	60112098	7	7/3			VĂN LANG	
2219	NGUYỄN THIÊN VÂN	ANH	17-Mar-04	60112102	7	7/4			VĂN LANG	
2220	GIANG NGỌC YẾN	LINH	12-Jan-04	60112101	7	7/4			VĂN LANG	
2221	ĐOÀN VŨ THANH	AN	19-Oct-04	60112105	7	7/5			VĂN LANG	
2222	DƯƠNG HOÀNG MINH	ANH	29-Apr-04	60112106	7	7/5			VĂN LANG	
2223	NGUYỄN TRIỆU NGÂN	HÀ	29-Mar-04	60112112	7	7/5			VĂN LANG	
2224	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	17-Sep-04	60112108	7	7/5			VĂN LANG	
2225	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	NGUYỄN	30-Jan-04	60112110	7	7/5			VĂN LANG	
2226	BÙI ĐỨC	PHÁT	16-Dec-04	60112104	7	7/5			VĂN LANG	
2227	TRẦN MINH	QUÂN	31-May-04	60112115	7	7/5			VĂN LANG	
2228	NGUYỄN VÕ ĐĂNG	QUANG	07-May-04	60112113	7	7/5			VĂN LANG	
2229	VƯƠNG ĐÌNH	QUẢNG	07-Jan-04	60112117	7	7/5			VĂN LANG	
2230	NGÔ LÊ NGUYỄN GIA	QUỐC	21-Aug-02	60112107	7	7/5			VĂN LANG	
2231	NHÂM NHẬT	TÂN	27-May-04	60112114	7	7/5			VĂN LANG	
2232	NGUYỄN THANH	THÚY	01-Dec-04	60112111	7	7/5			VĂN LANG	
2233	NGUYỄN LA BẢO	TRÂN	25-Dec-04	60112109	7	7/5			VĂN LANG	
2234	ĐẶNG VÕ HOÀI	ANH	28-Nov-04	60112329	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2235	ĐỖ ĐÔNG	ANH	06-Jan-04	60112332	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2236	NGUYỄN GIA	BẢO	01-Apr-04	60112338	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2237	VÕ NGỌC	BẢO	23-Feb-04	60112351	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2238	NGUYỄN THANH	BÌNH	05-Jan-04	60112343	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2239	LÊ NGỌC BẢO	CHÂU	07-Aug-04	60112334	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2240	NGUYỄN CAO THÚY	HIỀN	04-Aug-04	60112337	7	7/5			VÕ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2241	PHẠM TUẤN	KHANH	23-Nov-04	60112346	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2242	TRẦN VIỆT GIA	KHÁNH	24-Sep-04	60112350	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2243	NGUYỄN VĂN	KHỎI	21-Oct-04	60112345	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2244	ĐÌNH NGỌC HUYỀN GIA	LINH	21-Apr-04	60112331	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2245	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	18-Jul-04	60112342	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2246	TRẦN TẤN BÌNH	NGUYỄN	14-May-04	60112348	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2247	TRẦN TẤN ĐĂNG	PHI	14-May-04	60112349	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2248	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	THIÊN	26-Dec-04	60112339	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2249	NGUYỄN TRƯỞNG LÊ	THƯ	15-Nov-04	60112344	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2250	NGUYỄN MINH	TRUNG	20-Jan-04	60112341	7	7/5			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2251	NGUYỄN HOÀNG MỸ	AN	25-Aug-04	60110779	7	7/6			NGUYỄN DU	
2252	MẠC LÊ	DUY	18-Mar-04	60110777	7	7/6			NGUYỄN DU	
2253	HUỲNH TRUNG	KIÊN	17-Feb-04	60110776	7	7/6			NGUYỄN DU	
2254	NGÔ HOÀNG NGỌC	MY	13-Jun-04	60110778	7	7/6			NGUYỄN DU	
2255	VỖ NGUYỄN QUỲNH	NHU	04-Jan-04	60110783	7	7/6			NGUYỄN DU	
2256	NGUYỄN HỮU	THẮNG	02-Sep-04	60110780	7	7/6			NGUYỄN DU	
2257	HUỲNH TRUNG	BẢO	27-Oct-04	60112364	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2258	HỨA VI	LINH	25-Mar-04	60112363	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2259	LÊ DUY	MINH	03-Jul-04	60112367	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2260	NGÔ LÊ	MINH	19-Oct-04	60112373	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2261	NGUYỄN BẢO	NGỌC	11-Jan-04	60112376	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2262	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	27-Aug-04	60112384	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2263	LÊ ĐÌNH	NGUYỄN	30-Nov-04	60112366	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2264	NGUYỄN QUANG	NHẬT	02-Jan-04	60112386	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2265	CAO NGUYỄN TỐ	NHU	12-Oct-04	60112354	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2266	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	PHI	01-Jun-04	60112391	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2267	BÙI MINH	QUÂN	16-Dec-04	60112352	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2268	ĐẶNG THANH	TÚ	28-Jun-04	60112357	7	7/6			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2269	TRẦN PHÚC PHƯƠNG	ANH	28-Apr-04	60110801	7	7/7			NGUYỄN DU	
2270	VŨ NGUYỄN TUẤN	ANH	18-Sep-04	60110802	7	7/7			NGUYỄN DU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2271	QUẢN LÊ THÙY	DUNG	23-Aug-04	60110799	7	7/7			NGUYỄN DU	
2272	NGUYỄN NGỌC	HÀO	24-Feb-04	60110792	7	7/7			NGUYỄN DU	
2273	ĐÌNH TRỌNG	HIẾU	02-Sep-04	60110784	7	7/7			NGUYỄN DU	
2274	LÊ KIM	HOÀNG	8-Jun-04	60110787	7	7/7			NGUYỄN DU	
2275	NGUYỄN QUÂN	KỶ	02-Mar-04	60110793	7	7/7			NGUYỄN DU	
2276	NGUYỄN THIỆN	MINH	31-Oct-04	60110794	7	7/7			NGUYỄN DU	
2277	NGUYỄN LÊ	NGUYỄN	11-Aug-04	60110790	7	7/7			NGUYỄN DU	
2278	LÂM UYÊN	NHI	23-Jul-04	60110786	7	7/7			NGUYỄN DU	
2279	PHẠM QUẾ	NHI	31-Jan-04	60110798	7	7/7			NGUYỄN DU	
2280	NINH ĐĂNG	QUANG	08-Jan-04	60110796	7	7/7			NGUYỄN DU	
2281	TRẦN HÀ	THU	29-Apr-04	60110800	7	7/7			NGUYỄN DU	
2282	NGUYỄN LÊ	TIẾN		60110791	7	7/7			NGUYỄN DU	
2283	LÝ HUỠNH TÚ	UYÊN	18-Jun-04	60110788	7	7/7			NGUYỄN DU	
2284	DƯƠNG HỒNG THANH	VÂN	26-Jul-04	60110785	7	7/7			NGUYỄN DU	
2285	PHẠM QUỲNH	ANH	30-Nov-04	60116597	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2286	NGUYỄN GIA	BẢO	07-Feb-04	60116592	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2287	TRẦN NGUYỄN VIỆT	HUY	30-Jun-04	60116600	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2288	PHẠM NHẬT	KHANH	27-Feb-04	60116596	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2289	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	15-Mar-04	60116591	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2290	VÕ HUỠNH XUÂN	MAI	30-Jan-04	60116602	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2291	PHAN THỊ HẢI	NGUYỄN	30-Dec-04	60116599	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2292	NGUYỄN MINH	THÚ	03-Jan-04	60116593	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2293	PHẠM UYÊN	VY	03-Nov-04	60116598	7	7/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2294	NGUYỄN VÕ MINH	ANH	12-Oct-04	60112418	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2295	VÕ HUỠNG QUỲNH	ANH	21-Oct-04	60112439	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2296	HOÀNG HỮU QUỐC	BẢO	03-Jul-04	60112404	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2297	NÔNG BỘI	BỘI	20-Sep-04	60112420	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2298	BÙI MINH	HIẾU	10-Mar-04	60112398	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2299	NGUYỄN THIÊN MINH	HOÀNG	20-Nov-04	60112416	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	
2300	PHẠM QUANG VŨ	KHANG	27-Nov-04	60112424	7	7/7			VÕ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2301	TRẦN GIA BẢO	KHANG	22-Jan-04	60112431	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2302	PHẠM LÝ PHƯƠNG	KHANH	29-Sep-04	60112422	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2303	NGUYỄN NGỌC MINH	KHÁNH	23-Jul-04	60112414	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2304	HÀ XUÂN	KHÔI	05-Dec-04	60112402	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2305	THÁI ANH	KHÔI	08-Jan-04	60112429	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2306	ĐẶNG TẤN	KIỆT	13-Mar-04	60112401	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2307	KHƯƠNG GIA	LINH	18-Jul-04	60112407	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2308	NGUYỄN NGỌC	LINH	09-May-04	60112412	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2309	TRẦN PHƯƠNG	LINH	26-Oct-04	60112434	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2310	TRƯƠNG NHẬT GIA	LINH	01-Mar-04	60112438	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2311	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LONG	31-May-04	60112427	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2312	NGUYỄN NGỌC	LUÂN	04-Aug-04	60112413	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2313	CAO HOÀNG XUÂN MAI	MAI	11-Apr-04	60112399	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2314	NGUYỄN MINH	MÃN	15-Jun-04	60112411	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2315	TRẦN HẢI	MINH	24-Jun-04	60112432	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2316	NGUYỄN VÕ THẢO	MY	09-May-04	60112419	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2317	TRỊNH NGỌC THANH	NGÂN	01-Dec-04	60112437	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2318	TRẦN HOÀNG	NHẬT	03-Jun-04	60112433	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2319	PHẠM VŨ ĐỒNG	NHU	29-Feb-04	60112426	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2320	TRẦN YẾN	PHỤNG	05-Oct-04	60112436	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2321	CAO TRỌNG	PHƯỚC	17-Mar-04	60112400	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2322	TRẦN CÔNG	TÂM	09-Oct-04	60112430	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2323	LÃ ANH	THU	25-Feb-04	60112408	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2324	PHẠM MINH	THU	12-Apr-04	60112423	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2325	TRẦN PHƯƠNG HUYỀN	TIÊN	03-Sep-04	60112435	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2326	NGUYỄN THANH	TÙNG	05-Oct-04	60112415	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2327	HUỶNH DŨNG XUYỀN	VIỆT	28-Dec-04	60112406	7	7/7			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2328	PHẠM QUỲNH TRÂM	ANH	29-Jul-04	60110626	7	7/8			MINH ĐỨC	
2329	PHAN KỶ	ĐĂNG	16-Jul-04	60110628	7	7/8			MINH ĐỨC	
2330	LÊ MINH	HY	28-Jan-04	60110624	7	7/8			MINH ĐỨC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2331	PHAN GIA	KIỆT	01-Feb-04	60110627	7	7/8			MINH ĐỨC	
2332	VÕ KIM	NGÂN	26-Jun-04	60110629	7	7/8			MINH ĐỨC	
2333	ĐÌNH HOÀNG TRÂM	ANH	22-May-04	60110803	7	7/8			NGUYỄN DU	
2334	NGUYỄN HUỲNH ĐÔNG	NGHI	18-Sep-04	60110804	7	7/8			NGUYỄN DU	
2335	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	06-Feb-04	60116612	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2336	LÊ NGỌC ANH	ĐÀO	25-May-04	60116608	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2337	HOÀNG NGUYỄN THU	GIANG	28-Apr-04	60116605	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2338	TU PHÚ	HOA	28-Jan-04	60116619	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2339	NGUYỄN VĨNH	KHANG	01-May-04	60116614	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2340	TRẦN NGUYỄN KIM	KHÁNH	05-Sep-04	60116616	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2341	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	31-Aug-04	60116615	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2342	CELENE ANIKA NGUYỄN	MATIAS	07-Aug-04	60116603	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2343	NGÔ XUÂN	NHI	17-Jul-02	60116609	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2344	LÊ MINH	QUANG	02-Nov-04	60116607	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2345	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	05-Dec-04	60116611	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2346	ĐẶNG TRẦN PHÚC	THIÊN	12-Aug-04	60116604	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2347	NGUYỄN TƯỜNG	TRI	20-Aug-04	60116613	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2348	HUỲNH QUANG	TRUNG	20-Apr-04	60116606	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2349	TRẦN NHẬT	VY	20-Jan-04	60116617	7	7/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2350	NGUYỄN NGỌC TRÍ	CUÔNG	30-Jan-04	60112445	7	7/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2351	SỬ GIA	ĐẠI	29-Dec-04	60112453	7	7/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2352	ĐỖ ĐỨC	HUY	29-Sep-04	60112442	7	7/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2353	NGUYỄN TRẦN THANH	LÂM	11-Sep-04	60112448	7	7/8			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2354	NGUYỄN HÀ QUỐC	AN	12-May-04	60110635	7	7/9			MINH ĐỨC	
2355	NGUYỄN HIẾU	KHA	26-Dec-04	60110636	7	7/9			MINH ĐỨC	
2356	PHẠM CHÂU GIA	KIỆT	02-Mar-04	60110640	7	7/9			MINH ĐỨC	
2357	NGUYỄN HỨA TRÚC	NGÂN	03-Mar-04	60110638	7	7/9			MINH ĐỨC	
2358	GIÁP XUÂN	NGHI	03-Mar-04	60110631	7	7/9			MINH ĐỨC	
2359	NGUYỄN HOÀNG TUYẾT	NHI	20-Jul-04	60110637	7	7/9			MINH ĐỨC	
2360	LÊ ANH	QUÂN	06-Nov-04	60110632	7	7/9			MINH ĐỨC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2361	NGUYỄN KHUÊ	TÚ	27-Mar-04	60110639	7	7/9			MINH ĐỨC	
2362	LƯƠNG HUỖNH KHÁNH	VÂN	10-Mar-04	60110633	7	7/9			MINH ĐỨC	
2363	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	BÁCH	20-Nov-04	60116623	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2364	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	20-Mar-04	60116624	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2365	TÔN THẮT HỮU	LUÂN	1-Oct-04	60116628	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2366	NGUYỄN HOÀI	NAM	14-May-04	60116622	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2367	LÂM DIỄM	PHÚC	09-Dec-04	60116621	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2368	PHAN HOÀNG YẾN	PHƯƠNG	22-May-04	60116627	7	7/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2369	NGUYỄN CẢNH DUY	ANH	23-Aug-04	60112471	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2370	BÙI TUẤN	ĐẠT	27-Nov-04	60112456	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2371	HOÀNG ĐÀO MỸ	DUYÊN	04-Mar-04	60112468	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2372	VŨ HƯƠNG	GIANG	02-Mar-04	60112491	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2373	CHU THỊ QUỲNH	HOA	31-Dec-04	60112458	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2374	LƯU TRẦN NGUYỄN	KHÔI	01-Jan-04	60112470	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2375	NGUYỄN MINH YẾN	LINH	10-Oct-04	60112479	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2376	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	28-May-04	60112480	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2377	ĐỖ NGÔ TRÀ	MY	08-Feb-04	60112463	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2378	TRẦN PHƯƠNG	NGHI	20-Aug-04	60112489	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2379	NGUYỄN LÊ	NGUYỄN	10-Jan-04	60112477	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2380	ĐOÀN THIÊN	PHÚ	07-Aug-04	60112465	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2381	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	11-Jun-04	60112476	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2382	GIANG NGỌC PHƯƠNG	THANH	16-Aug-04	60112467	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2383	PHẠM QUỐC	THIỆN	20-Mar-04	60112485	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2384	NGUYỄN VŨ ANH	THƯ	31-Jan-04	60112484	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2385	TRIỆU NGUYỄN THANH	THƯ	12-Oct-04	60112490	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2386	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	07-Oct-04	60112482	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2387	NGUYỄN GIA	VINH	13-Nov-04	60112473	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2388	DƯƠNG HẠ	VY	10-Apr-04	60112466	7	7/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2389	NGUYỄN TRƯỞNG BẢO	ANH	02-Mar-04	60110120	7	7A1			CHU VĂN AN	
2390	DIỆP MÃN	BÌNH	04-Mar-04	60110112	7	7A1			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2391	ĐÌNH TRẦN CÔNG	DANH	29-Apr-04	60110111	7	7A1			CHU VĂN AN	
2392	TỪ TRƯỞNG	DŨNG	28-Dec-04	60110122	7	7A1			CHU VĂN AN	
2393	NGUYỄN DANH	KHIÊM	27-May-04	60110116	7	7A1			CHU VĂN AN	
2394	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA	19-Nov-04	60110114	7	7A1			CHU VĂN AN	
2395	ĐẶNG NGỌC UYÊN	MY	19-Aug-04	60110110	7	7A1			CHU VĂN AN	
2396	TRẦN LÊ ANH	TÚ	20-May-04	60110121	7	7A1			CHU VĂN AN	
2397	VÕ HÀ	UYÊN	26-Apr-04	60110123	7	7A1			CHU VĂN AN	
2398	NGUYỄN HÀ QUỲNH	ANH	18-Jan-04	60120906	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2399	TRẦN THỊ LINH	CHI	17-Apr-04	60120924	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2400	LÊ QUỲNH	DAO	27-Feb-04	60120901	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2401	PHẠM LÊ ANH	ĐỨC	12-Nov-04	60120915	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2402	ĐÀO GIA	HÂN	16-Jun-04	60120893	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2403	VŨ ĐÌNH MAI	HÂN	25-Apr-04	60120927	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2404	TRẦN BÙI MINH	HOÀNG	28-Jan-04	60120918	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2405	NGUYỄN THẾ	HÙNG	21-Jul-04	60120911	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2406	HỒ MINH	HUY	13-Dec-04	60120895	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2407	TRẦN PHÚC NGUYỄN	KHANG	19-Dec-04	60120923	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2408	CAO NGỌC PHƯƠNG	KHANH	02-Nov-04	60120892	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2409	VŨ DUY	KHÁNH	12-Oct-04	60120928	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2410	VÕ SAO	KHUÊ	29-Oct-04	60120926	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2411	PHẠM LÊ PHƯƠNG	LAN	28-Apr-04	60120916	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2412	LÊ TRẦN KHÁNH	LINH	03-Aug-04	60120902	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2413	NGUYỄN HỮU	PHÚC	14-May-04	60120907	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2414	NGUYỄN VIỆT	THANH	23-Aug-04	60120912	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2415	TRẦN MINH	THU'	29-Dec-04	60120920	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2416	NGUYỄN ÂN	TÍN	16-Nov-04	60120905	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2417	HỒ BẢO	TRÂN	17-Oct-04	60120894	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2418	NGUYỄN VY NHẬT	TRÚC	30-Mar-04	60120913	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2419	NGUYỄN NGỌC BẢO	UYÊN	11-Mar-04	60120908	7	7A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2420	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	ANH	09-Jun-04	60111301	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2421	TRẦN PHƯƠNG	ANH	8-Jun-04	60111315	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2422	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	31-Mar-04	60111307	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2423	PHAN CÔNG	DANH	14-Dec-04	60111312	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2424	NGUYỄN QUỐC CHÍ	ĐỈNH	01-Apr-04	60111308	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2425	LÊ CAO	DƯƠNG	30-Mar-04	60111305	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2426	VŨ HOÀNG	DUY	02-Mar-04	60111317	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2427	CHU PHÚC GIA	HÂN	07-Dec-04	60111297	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2428	LÊ	HUÂN	29-Apr-04	60111304	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2429	BÙI HOÀNG BẢO	HUY	05-Aug-04	60111296	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2430	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	19-May-04	60111306	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2431	BÓC MINH	KHÔI	26-Jun-04	60111295	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2432	KHƯƠNG NHÂN	KIỆT	23-Jun-04	60111303	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2433	PHẠM NGỌC KHÁNH	LINH	24-Dec-04	60111311	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2434	ĐẶNG TRẦN THỰC	MINH	04-Apr-04	60111299	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2435	TRẦN LINH	NGỌC	2-Feb-04	60111313	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2436	TRẦN VÕ BẢO	NGỌC	12-Mar-04	60111316	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2437	TRẦN NGUYỄN	SINH	22-Mar-04	60111314	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2438	NGUYỄN THU	TRANG	21-Sep-04	60111309	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2439	KHƯƠNG MINH	TRIẾT	22-Sep-04	60111302	7	7A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2440	LÊ PHAN HOÀI	AN	24-Dec-04	60111885	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2441	TRẦN ĐẶNG THIÊN	ÂN	17-Oct-04	60111897	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2442	ĐÀO ĐỨC	CẢNH	06-Jun-04	60111880	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2443	TRẦN HOÀI BẢO	DI	07-Jan-04	60111898	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2444	NGUYỄN ANH	ĐỨC	28-May-04	60111889	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2445	LẠI THU	GIANG	03-Oct-04	60111882	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2446	NGÔ MINH	HÙNG	16-Jul-04	60111887	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2447	NGUYỄN HỮU GIA	HÙNG	02-Aug-04	60111891	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2448	PHÙNG VÕ MAI	KHANH	10-Jan-04	60111896	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2449	VŨ PHƯƠNG	LINH	23-Jul-04	60111901	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2450	LÊ HOÀNG	NAM	24-Jul-04	60111883	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2451	CAO TRUNG	NGHĨA	03-Jan-04	60111878	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2452	NGUYỄN AN	NGUYỄN	01-Jul-04	60111888	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2453	NGUYỄN VIỆT	PHAN	24-Nov-04	60111894	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2454	NGUYỄN BÁ PHƯƠNG	QUỲNH	11-Jun-04	60111890	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2455	BALBINA LÊ VY	TOIDY	08-Jan-04	60111877	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2456	NGUYỄN THANH	TÙNG	23-Aug-04	60111893	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2457	DƯƠNG LÊ MINH	UYÊN	11-Jan-04	60111881	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2458	TỪ THUẬN	VĂN	27-Apr-04	60111900	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2459	ĐẶNG MINH	VIỆT	20-Aug-04	60111879	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2460	PHẠM LAN	VY	09-Aug-04	60111895	7	7A1			TRẦN VĂN ƠN	
2461	VŨ TUẤN	ANH	26-Feb-04	60111327	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2462	PHẠM VŨ ĐẮC	GIA	17-Jun-04	60111325	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2463	ĐẶNG ĐOÀN ĐỨC	HOÀNG	15-Sep-04	60111318	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2464	NGUYỄN LAM	LINH	18-Aug-04	60111321	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2465	THÁI BẢO	LONG	22-Feb-04	60111326	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2466	NGUYỄN QUANG	MINH	11-Nov-04	60111322	7	7A10			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2467	LÊ MINH	KHUÊ	16-Jan-04	60111902	7	7A10			TRẦN VĂN ƠN	
2468	TẶNG NGỌC THẢO	NGÂN	02-May-04	60111903	7	7A10			TRẦN VĂN ƠN	
2469	LÊ ĐỖ TRI	ÂN	17-Jan-04	60111333	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2470	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ANH	7-Mar-04	60111340	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2471	NGUYỄN CÔNG	DANH	27-Jun-04	60111336	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2472	PHẠM KHẢ	HÂN	16-Jan-04	60111345	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2473	NGUYỄN TRẦN HUY	HOÀNG	03-Jul-04	60111343	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2474	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	HƯỜNG	20-Jan-04	60111338	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2475	LƯƠNG AN	KHANG	26-May-04	60111335	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2476	TRẦN MAI	KHANH	18-Jul-04	60111347	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2477	ĐỖ KHÁNH	LAM	20-Sep-04	60111330	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2478	NGUYỄN TÂN BẢO	LỄ	08-Jul-04	60111342	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2479	TRƯƠNG HOÀNG KHÁNH	LINH	03-Dec-04	60111352	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2480	TRẦN PHẠM DUY	LONG	13-Jan-04	60111351	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2481	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	15-Nov-04	60111337	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2482	LÂM TÚ	NHI	11-Sep-04	60111332	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2483	NGUYỄN TUẤN	TÀI	13-Jan-04	60111344	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2484	BÙI NGUYỄN ĐỨC	TÂN	29-Nov-04	60111328	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2485	LÊ MINH VY	THẢO	18-May-04	60111334	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2486	NGUYỄN PHƯƠNG	THU	1-Jan-04	60111341	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2487	NGUYỄN MINH	THU'	07-May-04	60111339	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2488	TRẦN NGỌC ĐĂNG	THU'	11-Jul-04	60111348	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2489	TRẦN NGỌC HOÀNG	THU'	11-Jul-04	60111349	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2490	TRẦN NGỌC KIM	THU'	11-Jul-04	60111350	7	7A11			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2491	NGUYỄN VĂN	AN	15-Jan-04	60111371	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2492	NGUYỄN CÁT TƯỜNG	ANH	25-Oct-04	60111364	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2493	NGUYỄN HỒNG	ANH	22-Jul-04	60111365	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2494	HUỲNH VŨ QUỐC	BÌNH	08-Sep-04	60111357	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2495	BÙI ĐỨC MẠNH	CƯỜNG	13-Oct-04	60111353	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2496	LƯU KHÁNH	ĐAN	14-Dec-04	60111362	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2497	PHẠM NGUYỆT	ĐÌNH	25-Jul-04	60111375	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2498	NGUYỄN TRÍ	HÂN	17-Dec-04	60111370	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2499	NGUYỄN VŨ HỒNG	HẠNH	22-Apr-04	60111373	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2500	TRẦN MINH	HIỀN	20-Jul-04	60111379	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2501	NGUYỄN LONG	HƯNG	16-Mar-04	60111367	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2502	LÊ ANH	HUY	15-Nov-04	60111358	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2503	TRƯƠNG QUANG	HY	23-Mar-04	60111383	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2504	NGÔ TRÀ TÂM	KHOA	12-Jul-04	60111363	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2505	NGUYỄN LÊ MINH	KHÔI	19-Nov-04	60111366	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2506	PHẠM AN	KHUÊ	01-Feb-04	60111374	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2507	NGUYỄN QUỲNH	LÂM	30-May-04	60111369	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2508	LÊ TRẦN NGÂN	LINH	25-Feb-04	60111360	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2509	NGUYỄN NGỌC BẢO	PHÚC	23-Jan-04	60111368	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2510	TRẦN NAM	PHƯƠNG	19-Nov-04	60111380	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2511	TRẦN PHAN MINH	PHƯƠNG	17-May-04	60111381	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2512	PHẠM PHÚ	QUANG	24-Nov-04	60111376	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2513	NGUYỄN VĂN	SƠN	05-May-04	60111372	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2514	HOÀNG KIM	THANH	23-May-04	60111356	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2515	PHAN THANH XUÂN	TRANG	02-Jan-04	60111377	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2516	HOÀNG ANH	TÚ	23-May-04	60111355	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2517	TRỊNH NGỌC MINH	TÚ	03-Nov-04	60111382	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2518	BÙI PHẠM MINH	TUẤN	5-Mar-04	60111354	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2519	TRẦN MẠNH	TUẤN	03-Jul-04	60111378	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2520	LÊ XUÂN	VĨNH	14-Nov-04	60111361	7	7A12			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2521	ĐÀM NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	12-Sep-04	60111384	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2522	TRẦN MINH	CHÂU	08-Oct-04	60111399	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2523	LÊ ĐẮC VĨNH	HÂN	07-Jan-04	60111387	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2524	PHAN ĐỖ MINH	HOÀNG	30-Mar-04	60111397	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2525	DƯƠNG THẢO	KHANH	03-Sep-04	60111386	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2526	ĐÀO MINH	KHOA	08-Jan-04	60111385	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2527	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17-Feb-04	60111389	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2528	PHAN ANH	KHÔI	24-Sep-04	60111396	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2529	NGUYỄN KHÁNH	LINH	01-Jan-04	60111391	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2530	VŨ HOÀNG	NAM	18-Jan-04	60111402	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2531	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	NGA	13-May-04	60111388	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2532	NGUYỄN NGUYỄN	PHƯƠNG	18-Nov-04	60111394	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2533	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	20-Jul-04	60111390	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2534	TRẦN MINH	QUANG	22-Oct-04	60111400	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2535	NGUYỄN NAM	THÀNH	04-Jan-04	60111393	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2536	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	27-Jul-04	60111401	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2537	TẠ TẤN	VƯƠNG	17-Aug-04	60111398	7	7A13			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2538	LÊ TUẤN	ANH	30-May-04	60111407	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2539	QUẢN PHƯƠNG	ANH	02-Mar-04	60111410	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2540	NGUYỄN QUANG	HƯNG	1-Jan-04	60111409	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2541	LÊ PHÚ ANH	KHANG	9-Oct-04	60111406	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2542	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	15-Jul-04	60111404	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2543	TẠ HÀ ANH	KHOA	02-Mar-04	60111411	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2544	TRẦN NGUYỄN ANH	MINH	16-Jan-04	60111412	7	7A14			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2545	PHẠM VĨNH	AN	10-Jan-04	60111436	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2546	NGUYỄN BÁ HOÀNG	ANH	03-Aug-04	60111421	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2547	NGUYỄN DUY	ANH	14-Oct-04	60111422	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2548	NÔNG MINH	HÀ	28-May-04	60111434	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2549	TRẦN VIỆT	HÀ	24-Mar-04	60111444	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2550	NGUYỄN HUỲNH BẢO	HÂN	24-Mar-04	60111423	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2551	NGUYỄN SINH	HOÀNG	05-May-04	60111426	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2552	HOÀNG QUỲNH	HƯƠNG	17-Jul-04	60111416	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2553	PHẠM HUY	KHANG	25-Oct-04	60111435	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2554	ĐỖ LÊ QUỐC	KHÁNH	06-Nov-04	60111414	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2555	ĐẶNG NGỌC MAI	KHÔI	16-Nov-04	60111413	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2556	LÊ HÀ	MIÊN	12-Sep-04	60111419	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2557	TRỊNH GIA	MINH	18-Sep-04	60111445	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2558	LÂM THÀNH	NHÂN	17-Feb-04	60111417	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2559	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	10-Jan-04	60111429	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2560	TRẦN NGỌC BẢO	PHƯƠNG	04-May-04	60111442	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2561	THÁI HỒNG	QUÂN	21-Feb-04	60111439	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2562	NGUYỄN TAM	THÔNG	01-Jan-04	60111427	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2563	NGUYỄN VŨ SONG	THỦY	09-Aug-04	60111432	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2564	NGUYỄN THÀNH	TÍN	04-Aug-04	60111428	7	7A15			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2565	TRẦN HOÀNG	CHÂU	02-Dec-04	60111460	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2566	ĐẶNG THẢO	HIÊN	07-Jan-04	60111446	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2567	LÊ THANH	HỒNG	27-Feb-04	60111448	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2568	PHƯƠNG PHẠM QUANG	HUY	05-Jan-04	60111457	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2569	NGUYỄN BÌNH	MINH	19-Aug-04	60111449	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2570	PHAN NGUYỄN TUẤN	MINH	14-Feb-04	60111456	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2571	TRẦN BẢO	NGÂN	30-Jun-04	60111459	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2572	THÂN BẢO	NHI	6-Feb-04	60111458	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2573	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	01-Mar-04	60111450	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2574	NGUYỄN MINH	QUÂN	12-Oct-04	60111452	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2575	NGUYỄN THÀNH	TÂN	26-Aug-04	60111454	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2576	NGUYỄN VƯƠNG QUỲNH	TRANG	18-May-04	60111455	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2577	NGUYỄN QUANG	TRỌNG	30-Jan-04	60111453	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2578	TRƯỜNG QUANG	VIỄN	12-Jun-04	60111462	7	7A16			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2579	ĐÀO VŨ	BÌNH	28-Nov-04	60110125	7	7A2			CHU VĂN AN	
2580	LÊ ĐOÀN PHƯƠNG	BÌNH	07-Dec-04	60110129	7	7A2			CHU VĂN AN	
2581	HUỲNH KIM	CAO	30-Jan-04	60110127	7	7A2			CHU VĂN AN	
2582	VÕ MINH	DUY	21-Aug-04	60110134	7	7A2			CHU VĂN AN	
2583	NGUYỄN LÊ NHẬT	KHOA	27-Oct-04	60110130	7	7A2			CHU VĂN AN	
2584	VÕ NGỌC QUỲNH	LAM	18-Dec-04	60110136	7	7A2			CHU VĂN AN	
2585	NGUYỄN THANH THIÊN	MINH	29-Jun-04	60110131	7	7A2			CHU VĂN AN	
2586	NGUYỄN TRẦN ANH	MINH	15-Aug-04	60110132	7	7A2			CHU VĂN AN	
2587	ĐẶNG MAI	PHƯƠNG	03-Sep-04	60110124	7	7A2			CHU VĂN AN	
2588	ĐOÀN MINH	TRANG	27-Nov-04	60110126	7	7A2			CHU VĂN AN	
2589	HUỲNH TRÍ	VINH	30-Apr-04	60110128	7	7A2			CHU VĂN AN	
2590	HOÀNG NGỌC KHÁNH	ÂN	01-Jan-04	60110335	7	7a2			ĐỨC TRÍ	
2591	PHẠM THUY	ANH	29-Jan-04	60110340	7	7a2			ĐỨC TRÍ	
2592	NGUYỄN PHẠM THANH	TUYỀN	05-Dec-04	60110338	7	7a2			ĐỨC TRÍ	
2593	HOÀNG KHÁNH	VY	24-Jan-04	60110334	7	7a2			ĐỨC TRÍ	
2594	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	ANH	30-Dec-04	60120954	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2595	PHẠM NGUYỄN PHAN	ANH	02-Aug-04	60120955	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2596	PHAN ĐIỂM QUỲNH	ANH	14-Oct-04	60120958	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2597	THÁI NGỌC QUỲNH	ANH	07-Aug-04	60120959	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2598	TRƯỜNG MINH	ANH	07-Jan-04	60120965	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2599	VÕ HÀ	ANH	19-Apr-04	60120966	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2600	ONG GIA	BỘI	24-Mar-04	60120953	7	7A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2601	NGUYỄN ĐẮC HẠNH	DUYÊN	09-Mar-04	60120944	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2602	HỒ ĐÌNH XUÂN	KHANH	20-Nov-04	60120935	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2603	LẠI MINH	KHANH	28-Jul-04	60120941	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2604	HOÀNG	LÂM	8-Nov-04	60120936	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2605	HOÀNG LÊ THẢO	LINH	26-Oct-04	60120938	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2606	TRẦN THÁI MỸ	LINH	22-Mar-04	60120962	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2607	TRƯỜNG	LƯƠNG	06-Jan-04	60120964	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2608	ĐẶNG TRƯỞNG PHƯƠNG	MAI	01-Dec-04	60120932	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2609	NGUYỄN MINH	MÃN	03-Jun-04	60120947	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2610	HÀNG GIA	MINH	19-Mar-04	60120934	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2611	PHẠM PHƯƠNG	MINH	06-Mar-04	60120957	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2612	BÙI TRÚC	MY	13-Jul-04	60120930	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2613	ĐẶNG QUAN	NGUYỄN	17-Aug-04	60120931	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2614	NGUYỄN VŨ TUỜNG	NGUYỄN	02-Dec-04	60120951	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2615	MA THUY QUỲNH	NHƯ	17-Nov-04	60120943	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2616	NGUYỄN HUỆ	NHƯ	17-Mar-04	60120946	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2617	VÕ HỒNG	PHÚC	28-May-04	60120967	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2618	LƯƠNG MINH	QUÂN	01-Jan-04	60120942	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2619	NGUYỄN NGỌC TÚ	QUYÊN	13-May-04	60120948	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2620	DUỜNG NGỌC KHÁNH	QUỲNH	16-Aug-04	60120933	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2621	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	14-Apr-04	60120950	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2622	TRẦN TUỜNG	VÂN	13-Dec-04	60120963	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2623	TRẦN NGỌC KHÁNH	VY	03-Jan-04	60120960	7	7A2			HUỶNH KHƯƠNG NINH	
2624	TRẦN ĐĂNG KHÁNH	AN	15-Jan-04	60111485	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2625	NGUYỄN ĐỨC	DANH	11-Oct-04	60111476	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2626	NGUYỄN PHÚC	DIỀN	03-Jan-04	60111481	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2627	NGUYỄN NGỌC CHÂU	HÂN	11-Mar-04	60111478	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2628	LÊ NGUYỄN MINH	HIẾU	30-May-04	60111469	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2629	ĐẶNG NHẬT	HUY	14-Jan-04	60111464	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2630	NGUYỄN ĐỨC	KHẢI	25-Mar-04	60111477	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2631	NGUYỄN VŨ ĐỨC	KHUÊ	29-Aug-04	60111483	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2632	LUU KIM	LỢI	20-Mar-04	60111474	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2633	HOÀNG TRÍ	NAM	03-Jun-04	60111467	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2634	VŨ VIỆT	NGÂN	23-Jun-04	60111489	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2635	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	27-Mar-04	60111479	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2636	TRẦN MINH	SƠN	19-Mar-04	60111486	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2637	LÊ VŨ QUỐC	THÁI	5-Aug-04	60111471	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2638	ĐỖ NGỌC QUÝ	THANH	04-Feb-04	60111465	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2639	MAI CHÍ	THIỆN	07-May-04	60111475	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2640	PHẠM NHƯ	THUẬN	05-Jan-04	60111484	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2641	TRƯƠNG KỶ	TÔNG	05-Jul-04	60111488	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2642	LÊ VƯƠNG HẢI	YẾN	20-Aug-04	60111472	7	7A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2643	NGUYỄN NGỌC TÚ	ANH	25-Nov-04	60111909	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2644	NGUYỄN QUỲNH	ANH	29-Oct-03	60111910	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2645	KHUU BẢO	NGÂN	17-Feb-04	60111907	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2646	LÊ NGUYỄN MINH	QUÂN	24-Jul-04	60111908	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2647	VŨ ĐOÀN MINH	THẢO	03-Dec-04	60111913	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2648	NGUYỄN THANH MINH	THIỆN	13-Dec-04	60111911	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2649	ĐINH MINH	TRÍ	01-Mar-04	60111904	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2650	HUỲNH THỊ THANH	XUÂN	12-Nov-04	60111906	7	7A2			TRẦN VĂN ƠN	
2651	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	29-Jan-04	60110150	7	7A3			CHU VĂN AN	
2652	ĐỖ LONG	HẢI	04-Sep-04	60110137	7	7A3			CHU VĂN AN	
2653	VĂN NGUYỄN CẨM	HÀNG	27-Nov-04	60110155	7	7A3			CHU VĂN AN	
2654	PHẠM MINH	HÙNG	21-Apr-03	60110149	7	7A3			CHU VĂN AN	
2655	NGUYỄN PHẠM TRUNG	KIÊN	19-May-04	60110144	7	7A3			CHU VĂN AN	
2656	TỪ NGỌC	NGHI	20-Dec-04	60110154	7	7A3			CHU VĂN AN	
2657	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	18-May-04	60110139	7	7A3			CHU VĂN AN	
2658	VŨ MINH	QUÂN	27-Nov-04	60110157	7	7A3			CHU VĂN AN	
2659	NGUYỄN VĂN LÊ BÁ	THÀNH	07-Nov-04	60110146	7	7A3			CHU VĂN AN	
2660	PHẠM ĐỨC	THÀNH	04-Apr-04	60110148	7	7A3			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2661	TRỊNH TƯỜNG	VÂN	16-Apr-04	60110153	7	7A3			CHU VĂN AN	
2662	NGUYỄN YẾN	VY	08-Dec-04	60110147	7	7A3			CHU VĂN AN	
2663	TRƯƠNG TRẦN TUYẾT	ANH	06-Feb-04	60110356	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2664	LƯƠNG MINH	ĐẠT	23-Oct-04	60110346	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2665	LÂM NHẬT	HẠ	22-May-04	60110345	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2666	NGUYỄN TRẦN NGỌC	HÂN	15-Jul-04	60110354	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2667	NGUYỄN MINH	KHANH	18-Aug-04	60110350	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2668	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	14-Dec-04	60110353	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2669	NGUYỄN ĐÌNH ANH	MINH	25-Aug-04	60110348	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2670	NGUYỄN NGỌC	MINH	31-Jan-04	60110351	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2671	ĐÀO KIM	NGÂN	21-Dec-04	60110343	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2672	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	04-Sep-04	60110342	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2673	LÝ TUYẾT	PHỤNG	11-Feb-04	60110347	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2674	BÙI LÊ	PHƯƠNG	18-Dec-04	60110341	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2675	TRƯƠNG QUANG MINH	TÂM	12-Jan-04	60110355	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2676	LẠI MINH	THANH	15-Feb-04	60110344	7	7a3			ĐỨC TRÍ	
2677	TRẦN NGUYỄN QUỐC	AN	08-Nov-04	60121004	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2678	HOÀNG VIỆT ĐỨC	ANH	14-Jan-04	60120976	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2679	LÊ QUỲNH	ANH	30-Mar-04	60120982	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2680	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	04-Dec-04	60120993	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2681	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	05-Feb-04	60121003	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2682	LÊ LAM	DIỄN	19-Dec-04	60120980	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2683	TRẦN MINH	ĐỨC	29-Jan-04	60121002	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2684	TRẦN TUẤN	ĐỨC	12-Jan-04	60121005	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2685	BÙI THANH	GIANG	09-Nov-04	60120968	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2686	BÙI TRỌNG	KHANG	25-Feb-04	60120969	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2687	TRẦN LÊ DUY	KHƯƠNG	07-Nov-04	60121001	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2688	HOÀNG QUỐC	MINH	15-Aug-04	60120975	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2689	LƯU ĐỨC	MINH	11-Oct-04	60120983	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2690	ĐẶNG THẢO	MY	22-Nov-04	60120971	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2691	NGUYỄN PHÚC	NAM	09-Aug-04	60120991	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2692	HỒNG HÙNG THIÊN	NHÂN	05-Jul-04	60120977	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2693	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	NHU	10-Dec-04	60120989	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2694	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29-Jan-04	60121000	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2695	NGUYỄN MINH	QUANG	09-Jan-04	60120987	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2696	LÊ NGỌC	QUỲNH	05-May-04	60120981	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2697	DƯƠNG ĐỨC	THỊNH	05-Jul-04	60120974	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2698	ĐẶNG PHƯỚC	THÔNG	06-Sep-04	60120970	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2699	TRƯỜNG THANH	TRÀ	14-Nov-04	60121006	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2700	NGUYỄN LÂM THANH	TRÚC	21-Mar-04	60120986	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2701	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	29-Jun-04	60120996	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2702	ĐÌNH NGỌC KHÁNH	VÂN	16-Oct-04	60120973	7	7A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2703	NGUYỄN SONG HOÀNG	AN	17-Jan-04	60111503	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2704	CHUNG BỘI	ANH	29-Mar-04	60111492	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2705	LÊ LÂM MINH	CHÂU	5-Sep-04	60111495	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2706	PHẠM HUỲNH BẢO	ĐẠI	19-Jan-04	60111509	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2707	NGUYỄN VÕ	DI	21-Dec-04	60111507	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2708	NGUYỄN VŨ THANH	HÀNG	1-Jun-04	60111508	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2709	NGUYỄN TÀI MINH	HUY	08-Mar-04	60111504	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2710	HUỲNH NGỌC BẢO	KHA	5-Oct-04	60111494	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2711	CAO QUANG NHẬT	KHOA	19-May-04	60111491	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2712	NGUYỄN MINH	KHUÊ	06-Jan-04	60111499	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2713	TRẦN TUẤN	KIỆT	11-Oct-04	60111510	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2714	HUỲNH ĐẮC	LỘC	12-Oct-04	60111493	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2715	NGUYỄN TRÍ	NHÂN	17-Mar-04	60111505	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2716	BÙI MINH	NHẬT	10-Sep-04	60111490	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2717	NGUYỄN PHÚ XUÂN	NHI	13-Jan-04	60111502	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2718	NGUYỄN TUẤN	PHONG	13-Oct-04	60111506	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2719	LỤC NGỌC	PHƯƠNG	06-Jun-04	60111496	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2720	NGUYỄN LÊ MINH	QUÂN	17-Sep-04	60111497	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2721	NGUYỄN LÊ MINH	TRANG	19-Feb-04	60111498	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2722	NGUYỄN NGỌC TRÚC	VY	18-Mar-04	60111501	7	7A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2723	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	21-May-04	60111916	7	7A3			TRẦN VĂN ƠN	
2724	NGUYỄN PHÚ MINH	KHUÊ	29-May-04	60111918	7	7A3			TRẦN VĂN ƠN	
2725	NGUYỄN NGỌC XUÂN	MAI	01-Sep-04	60111917	7	7A3			TRẦN VĂN ƠN	
2726	HOÀNG ANH	THU	08-Oct-04	60111915	7	7A3			TRẦN VĂN ƠN	
2727	NGUYỄN THANH	VÂN	31-Jul-04	60111919	7	7A3			TRẦN VĂN ƠN	
2728	LÊ MINH	ANH	14-Apr-04	60110160	7	7A4			CHU VĂN AN	
2729	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	ANH	03-Sep-04	60110168	7	7A4			CHU VĂN AN	
2730	TRƯƠNG BẢO	ANH	01-Mar-04	60110184	7	7A4			CHU VĂN AN	
2731	TÔ THANH	DUYÊN	15-Aug-04	60110177	7	7A4			CHU VĂN AN	
2732	TRẦN NGUYỄN THU	HÀNG	04-Oct-04	60110179	7	7A4			CHU VĂN AN	
2733	VƯƠNG CHÍ	HÀO	30-Aug-04	60110186	7	7A4			CHU VĂN AN	
2734	NGUYỄN	HÙNG	20-Oct-04	60110166	7	7A4			CHU VĂN AN	
2735	TRẦN TRỌNG	KIÊN	22-May-04	60110182	7	7A4			CHU VĂN AN	
2736	NGUYỄN VÕ TUẤN	KIỆT	26-Nov-04	60110173	7	7A4			CHU VĂN AN	
2737	VIÊN THẾ	KIỆT	22-Nov-04	60110185	7	7A4			CHU VĂN AN	
2738	MAI ĐOÀN QUANG	LONG	24-Sep-04	60110165	7	7A4			CHU VĂN AN	
2739	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09-Aug-04	60110187	7	7A4			CHU VĂN AN	
2740	LÂM NGỌC KIM	NGÂN	02-Oct-04	60110159	7	7A4			CHU VĂN AN	
2741	PHẠM LINH XUÂN	NGỌC	20-Apr-04	60110174	7	7A4			CHU VĂN AN	
2742	LÝ BỬU	NHI	16-Sep-04	60110163	7	7A4			CHU VĂN AN	
2743	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHI	12-Oct-04	60110170	7	7A4			CHU VĂN AN	
2744	NGUYỄN PHAN VĨNH	PHÁT	22-Nov-04	60110171	7	7A4			CHU VĂN AN	
2745	LÝ BỬU	THANH	14-Oct-04	60110164	7	7A4			CHU VĂN AN	
2746	THẠCH MINH	THẢO	07-Jun-04	60110176	7	7A4			CHU VĂN AN	
2747	TRẦN XUÂN	THY	11-Feb-04	60110183	7	7A4			CHU VĂN AN	
2748	NGUYỄN LÊ THIÊN	TRANG	12-Feb-04	60110169	7	7A4			CHU VĂN AN	
2749	TRẦN THANH	TRÚC	08-Apr-04	60110181	7	7A4			CHU VĂN AN	
2750	NGUYỄN TÂN	TRUNG	09-Feb-04	60110172	7	7A4			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2751	PHẠM THANH	TUYỀN	20-Jan-04	60110175	7	7A4			CHU VĂN AN	
2752	LÊ QUANG	VINH	14-May-04	60110162	7	7A4			CHU VĂN AN	
2753	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	08-Sep-04	60110361	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2754	NGUYỄN NHẬT	THẢO	24-Apr-04	60110360	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2755	TRƯƠNG NGỌC	THẢO	11-Aug-04	60110363	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2756	ĐẶNG ANH	THƯ	31-Mar-04	60110357	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2757	TRƯƠNG ANH	THƯ	06-Aug-04	60110362	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2758	LÊ QUỲNH	TRÂM	24-Dec-04	60110359	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2759	HỒ TIẾN	VINH	01-Sep-04	60110358	7	7a4			ĐỨC TRÍ	
2760	TRỊNH PHÚC HOÀNG	ÂN	19-Dec-04	60121015	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2761	TRƯƠNG DUY	BẢO	06-Apr-04	60121016	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2762	NGUYỄN THANH TÂM	HIỀN	09-Jun-04	60121011	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2763	LÂM YÊN	NHƯ	22-Dec-04	60121007	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2764	LÝ ANH	QUÂN	16-Feb-04	60121009	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2765	NGUYỄN TRẦN THỦY	TIÊN	30-Oct-04	60121013	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2766	TRƯƠNG HUỲNH BẢO	UYÊN	29-Mar-04	60121017	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2767	NGUYỄN THẢO	VY	09-Sep-04	60121012	7	7A4			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2768	TRẦN PHẠM THIÊN	ÂN	10-May-04	60111522	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2769	VASUDEVAN TÙNG	ANH	30-May-04	60111526	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2770	TRƯƠNG QUÂN	BẢO	23-Apr-04	60111524	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2771	LÊ NAM	KHA	16-Apr-04	60111515	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2772	LÊ NGỌC ĐAN	KHANH	21-Dec-04	60111516	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2773	CAO NGỌC DUY	KHOA	20-Jan-04	60111512	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2774	TRẦN HÀ	NGUYỄN	13-Mar-04	60111521	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2775	NGUYỄN DIỆP UYÊN	PHƯƠNG	10-Oct-04	60111518	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2776	ĐÌNH THẾ	QUÂN	1-Jan-04	60111513	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2777	NGUYỄN VINH	QUANG	27-Oct-04	60111520	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2778	LÊ MẠNH	TUẤN	10-Aug-04	60111514	7	7A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2779	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ANH	11-Mar-04	60121041	7	7A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2780	LÊ TRƯƠNG ÁI	CHÂN	03-Jul-04	60121031	7	7A5			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2781	NGUYỄN MINH	ĐỨC	30-Aug-04	60121038	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2782	TẠ NGỌC GIA	HÂN	14-Dec-04	60121056	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2783	TRẦN GIA	HÂN	30-Nov-04	60121057	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2784	TRẦN LÊ	HOÀN	09-Aug-04	60121058	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2785	TRƯỜNG QUANG	HÙNG	27-Dec-04	60121063	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2786	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	03-Jul-04	60121033	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2787	HỨA VỊNH	KỶ	12-Oct-04	60121026	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2788	NGUYỄN THỦY NGUYỆT	MINH	12-Sep-04	60121044	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2789	VƯƠNG HOÀNG NGỌC	MỸ	11-Feb-04	60121064	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2790	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	09-Nov-04	60121039	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2791	NGUYỄN NGỌC THANH	NHƯ	14-Jun-04	60121042	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2792	BÙI NHẬT	TÂN	16-Apr-04	60121019	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2793	LÊ NGỌC QUẾ	THANH	04-Nov-04	60121028	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2794	ĐỖ TRƯỜNG	THỊNH	22-Dec-04	60121022	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2795	NGUYỄN NGỌC MỸ	TIỀN	11-Nov-04	60121040	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2796	PHẠM HUỖNH THANH	TÚ	25-Sep-04	60121049	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2797	TRẦN NGUYỄN MINH	UYÊN	28-Nov-04	60121060	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2798	TRẦN TRUNG	VIỆT	02-Mar-04	60121061	7	7A5			HUỖNH KHUỜNG NINH	
2799	HOÀNG ĐÌNH THỰC	ANH	24-Apr-04	60111529	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2800	ĐÀO QUANG	ĐẠT	18-Mar-04	60111527	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2801	LÊ HOÀNG TUẤN	DƯƠNG	17-Jul-04	60111531	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2802	PHẠM MINH	HÀ	30-Jun-04	60111535	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2803	TRƯỜNG GIA	HÂN	02-Jul-04	60111538	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2804	NGUYỄN HIẾU	HẠNH	10-Feb-04	60111532	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2805	TRẦN DIỆU	LINH	14-Jan-04	60111536	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2806	NGUYỄN HUỖNH CHÂU	NHI	03-Apr-04	60111533	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2807	HOÀNG ĐÌNH AN	PHÚ	07-Oct-04	60111528	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2808	TRẦN NGỌC	QUỖNH	09-Jan-04	60111537	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2809	HUỖNH QUANG THANH	VY	06-Mar-04	60111530	7	7A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2810	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	17-Jan-04	60111921	7	7A5			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2811	NGUYỄN TRẦN TRÍ	AN	13-Feb-04	60110192	7	7A6			CHU VĂN AN	
2812	NGUYỄN THANH	MAI	17-Jan-04	60110191	7	7A6			CHU VĂN AN	
2813	LƯƠNG THỊ ÁNH	NGỌC	25-Nov-04	60110190	7	7A6			CHU VĂN AN	
2814	NGUYỄN TRẦN VĂN	TÂN	01-Aug-04	60110193	7	7A6			CHU VĂN AN	
2815	VÕ THỊ THÙY	TRANG	05-Feb-04	60110194	7	7A6			CHU VĂN AN	
2816	NGUYỄN MINH	THIỆN	06-Mar-04	60110364	7	7a6			ĐỨC TRÍ	
2817	VÕ NGUYỄN THÀNH	VINH	03-Sep-04	60110366	7	7a6			ĐỨC TRÍ	
2818	BÙI VIỆT	ANH	01-Jan-04	60121065	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2819	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	30-Oct-04	60121069	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2820	HUỲNH THIÊN	BẢO	01-Mar-04	60121071	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2821	ĐIỀN LÊ DIỆU	HÀ	27-Apr-04	60121066	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2822	NGUYỄN MỸ NGỌC	HÂN	28-Mar-04	60121079	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2823	TẠ TIẾN	HÙNG	22-Jun-04	60121086	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2824	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	01-Jul-04	60121080	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2825	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	17-Nov-04	60121077	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2826	TỔNG KHÁNH	LINH	14-Sep-04	60121087	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2827	VÕ HOÀNG	LONG	15-Mar-04	60121091	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2828	LÊ PHƯƠNG HÀ	MY	25-Feb-04	60121075	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2829	TRẦN LÊ HIỀN	MY	23-Jun-04	60121088	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2830	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGHI	07-Sep-04	60121081	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2831	PHẠM TRẦN YẾN	NHI	24-Jul-04	60121085	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2832	TRẦN QUỲNH	NHƯ	20-Jan-04	60121090	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2833	LÊ BÁ	SIÊU	16-Jun-04	60121072	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2834	HỒ MINH	THƯ	29-Nov-04	60121068	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2835	HUỲNH MINH	TÍN	29-Jan-04	60121070	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2836	PHẠM NGỌC BẢO	TRÂN	07-Dec-04	60121084	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2837	TRẦN NHƯ	TUỆ	26-Feb-04	60121089	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2838	ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG	VY	13-Oct-04	60121067	7	7A6			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
2839	PHẠM QUANG NHẬT	MINH	06-Feb-04	60110470	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2840	CAO HỒNG	NGỌC	30-Mar-04	60110455	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2841	NGUYỄN BẢO	NGỌC	29-Dec-04	60110465	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2842	LÊ HOÀNG	PHI	26-Feb-04	60110461	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2843	ĐÀO NGUYỄN HIẾU	THẢO	11-Apr-04	60110456	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2844	ÂU THIÊN	TRÂN	14-May-04	60110454	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2845	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	YÊN	12-Feb-04	60110467	7	7A6			LƯƠNG THỂ VINH	
2846	NGUYỄN TRỌNG DUY	BẢO	12-Aug-04	60111552	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2847	TRẦN PHẠM LAN	CHI	08-Apr-04	60111555	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2848	HỒ SĨ THÀNH	ĐẠT	25-Feb-04	60111540	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2849	HOÀNG HẠNH	DUNG	26-May-04	60111542	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2850	NGUYỄN CÔNG THÁI	DƯƠNG	27-Sep-04	60111547	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2851	NGUYỄN HOÀNG MAI	HÂN	09-Aug-04	60111548	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2852	NGUYỄN MINH	HIẾU	25-Aug-04	60111551	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2853	NGUYỄN VĨNH	KHANG	01-May-04	60111553	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2854	HỒNG NGỌC	KHÁNH	18-Nov-04	60111543	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2855	LÊ TRUNG	KIÊN	19-Feb-04	60111545	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2856	TRẦN PHƯƠNG	LINH	7-Sep-04	60111556	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2857	HOÀNG HẢI	MY	13-May-04	60111541	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2858	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	16-Jan-04	60111549	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2859	TÔN NỮ ĐOAN	NGHI	02-Feb-04	60111554	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2860	NGUYỄN CAO THIÊN	PHÚC	16-Feb-04	60111546	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2861	ĐINH TRUNG	QUÂN	14-Mar-04	60111539	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2862	LÊ THIÊN	SƠN	26-Oct-04	60111544	7	7A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2863	ĐỖ NHƯ QUỲNH	GIAO	11-Mar-04	60111922	7	7A6			TRẦN VĂN ƠN	
2864	NGUYỄN NGỌC THẢO	VÂN	06-Oct-04	60111923	7	7A6			TRẦN VĂN ƠN	
2865	VÕ MINH	LỘC	26-Feb-04	60110499	7	7A7			LƯƠNG THỂ VINH	
2866	LÂM YÊN	PHƯƠNG	09-May-04	60110479	7	7A7			LƯƠNG THỂ VINH	
2867	PHẠM ANH HẢI	TRÍ	24-Dec-04	60110489	7	7A7			LƯƠNG THỂ VINH	
2868	LẠI NGUYỄN QUỲNH	ANH	03-Jul-04	60111561	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2869	HUỲNH LƯU NGỌC	CHÂU	12-Jul-04	60111559	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2870	NGUYỄN LAM	ĐIỀN	25-Aug-04	60111563	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2871	NGUYỄN ANH	ĐỨC	08-Nov-04	60111562	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2872	ĐÀO MINH	DUY	09-Aug-04	60111557	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2873	NGUYỄN VINH	HIỀN	20-Sep-04	60111564	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2874	ĐỒNG MINH	NGHĨA	23-Oct-04	60111558	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2875	HUỲNH MINH	PHƯƠNG	01-Jul-04	60111560	7	7A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2876	LƯƠNG ANH	HUY	02-Feb-04	60111927	7	7A7			TRẦN VĂN ƠN	
2877	LÊ QUANG	HY	30-Mar-04	60111925	7	7A7			TRẦN VĂN ƠN	
2878	NGUYỄN ÂN	KHOA	10-Jul-04	60111928	7	7A7			TRẦN VĂN ƠN	
2879	VŨ QUANG	MINH	21-Nov-04	60111929	7	7A7			TRẦN VĂN ƠN	
2880	LÊ TRẦN MỸ	NGÂN	02-Nov-04	60111926	7	7A7			TRẦN VĂN ƠN	
2881	TRẦN NGUYỄN THANH	NHƯ	18-Jun-04	60110199	7	7A8			CHU VĂN AN	
2882	NGUYỄN TRÙNG	DƯƠNG	17-Mar-04	60111577	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2883	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀ	22-Sep-04	60111576	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2884	ĐÌNH QUANG	HIỀN	01-Jul-04	60111566	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2885	NGUYỄN VĂN	HÒA	23-Feb-04	60111579	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2886	NGUYỄN NGỌC GIA	HUY	13-Apr-04	60111573	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2887	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	12-Jan-04	60111571	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2888	TRẦN ĐĂNG	KHOA	27-Aug-04	60111581	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2889	NGUYỄN NGỌC	KHÔI	30-Aug-04	60111572	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2890	NGUYỄN NGỌC THU	NGÂN	15-Jan-04	60111574	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2891	HOÀNG BẢO	NGHI	05-Jan-04	60111568	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2892	NGUYỄN BẢO	NGỌC	28-Apr-04	60111569	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2893	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÁT	20-Feb-04	60111578	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2894	ĐỖ LAN	PHƯƠNG	12-Jul-04	60111567	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2895	VŨ ANH	QUÂN	16-Feb-04	60111583	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2896	TRẦN BÁCH GIA	THẾ	01-Jan-04	60111580	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2897	NGUYỄN HIỀN	VY	16-Jan-04	60111570	7	7A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2898	NGUYỄN DUY	ĐÔNG	29-Mar-04	60111934	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2899	LÊ BÁ TÙNG	DƯƠNG	20-Nov-04	60111933	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2900	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	03-Apr-04	60111935	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2901	HUỲNH PHẠM THẢO	NGUYỄN	01-Mar-04	60111932	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2902	PHAN LÊ QUỲNH	PHƯƠNG	26-Nov-04	60111936	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2903	CAO HOÀNG	QUÂN	21-Mar-04	60111930	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2904	HUỲNH ĐỨC GIA	TÍN	26-Dec-04	60111931	7	7A8			TRẦN VĂN ƠN	
2905	NGUYỄN NGỌC	ANH	17-Feb-04	60111597	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2906	VÕ LÊ THÙY	ANH	03-Jun-04	60111605	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2907	NGUYỄN LÂM GIA	BẢO	11-Jan-04	60111596	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2908	LÊ HOÀNG	DANH	07-Nov-04	60111592	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2909	HOÀNG ANH	ĐỨC	08-Apr-04	60111589	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2910	KHƯƠNG	DUY	15-Mar-04	60111591	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2911	PHẠM LÊ	DUY	01-Feb-04	60111601	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2912	ĐỖ VIỆT	HOÀNG	27-Feb-04	60111588	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2913	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	15-Nov-04	60111598	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2914	NGUYỄN ĐỨC	HUY	13-Jun-04	60111593	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2915	PHAN BẢO	KHA	21-May-04	60111603	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2916	NGUYỄN KHÁNH	KHOA	14-Jan-04	60111595	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2917	NGUYỄN TUẤN	MINH	22-Jan-04	60111599	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2918	ĐINH PHẠM BẢO	NGHI	25-May-04	60111585	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2919	TRẦN NGUYỄN THANH	NGUYỄN	19-Aug-04	60111604	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2920	PHẠM HỒNG	QUÂN	10-May-04	60111600	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2921	PHẠM MINH CÁT	THUYỀN	28-Apr-04	60111602	7	7A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2922	ĐẶNG QUỲNH HOÀI	AN	29-Mar-04	60111938	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2923	ĐẶNG THỦY	AN	21-Dec-04	60111939	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2924	VÕ NGỌC PHÚC	AN	15-Nov-04	60111956	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2925	TRẦN NGỌC MINH	CHÂU	04-Dec-04	60111954	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2926	NGUYỄN PHÚC ĐĂNG	HUY	09-May-04	60111947	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2927	TRƯƠNG MINH	KHÁNH	02-Dec-04	60111955	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2928	CHÂU NGỌC PHƯƠNG	MAI	03-Jan-04	60111937	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2929	TẠ ĐÔNG	NGHI	06-May-04	60111952	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2930	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	11-Jul-04	60111946	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2931	PHẠM HUỲNH YẾN	NHI	28-Jun-04	60111950	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2932	NGUYỄN MINH	TÚ	19-Jan-04	60111945	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2933	HOÀNG TRIỆU	VI	29-Nov-04	60111941	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2934	NGUYỄN LÊ QUỐC	VUÔNG	20-Jul-04	60111944	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2935	PHẠM NHƯ THANH	VY	17-Mar-04	60111951	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2936	LÂM VĨNH	XUÂN	20-Feb-04	60111942	7	7P			TRẦN VĂN ƠN	
2937	QUÁCH MỸ	NGỌC	10-Mar-03	60142157	8	8			MINH ĐỨC	
2938	NGUYỄN MINH	ĐẠT	21-Feb-03	60110927	8	8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
2939	VĂN PHƯƠNG HẠ	DU	04-Aug-03	60112076	8	8			ÚC CHÂU	
2940	ĐINH QUANG	HUY	04-Nov-03	60112071	8	8			ÚC CHÂU	
2941	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	LINH	29-Sep-03	60112075	8	8			ÚC CHÂU	
2942	NGUYỄN CHÍ HOÀNG	NGUYỄN	02-Nov-03	60112073	8	8			ÚC CHÂU	
2943	LÊ XIÊN LAI MỸ	TÂM	30-Nov-03	60112072	8	8			ÚC CHÂU	
2944	NGUYỄN ĐÀO CÁT	TƯỜNG	13-Jul-03	60112074	8	8			ÚC CHÂU	
2945	VĂN PHƯƠNG HẠ	VY	04-Aug-03	60112077	8	8			ÚC CHÂU	
2946	PHẠM NHẬT	VY	11-Feb-03	60142149	8	8.2			VIỆT ÚC	
2947	NGUYỄN TRẦN MAI	HƯƠNG	08-Mar-03	60110812	8	8/1			NGUYỄN DU	
2948	NGUYỄN TRẦN THIÊN	KIM	21-Sep-03	60110813	8	8/1			NGUYỄN DU	
2949	TÔN NỮ THANH	NGỌC	07-Jul-03	60110816	8	8/1			NGUYỄN DU	
2950	LÊ TẤN	THỊNH	25-Jun-03	60110809	8	8/1			NGUYỄN DU	
2951	TĂNG MINH	TRÍ	06-Mar-03	60110815	8	8/1			NGUYỄN DU	
2952	NGUYỄN TRẦN TUẤN	THANH	16-Mar-03	60112119	8	8/1			VĂN LANG	
2953	NGUYỄN BẠCH THIÊN	THẢO	04-Jul-03	60112118	8	8/1			VĂN LANG	
2954	ĐỖ LÂM MINH	KHÔI	22-Jun-03	60116632	8	8/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2955	DƯƠNG TRÚC THẢO	ANH	25-Apr-03	60112495	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2956	HOÀNG PHẠM QUỲNH	ANH	12-Jun-03	60112498	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2957	NGUYỄN HIỀN	ANH	12-Feb-03	60112506	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2958	PHAN KIM	CHI	04-Nov-03	60112515	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2959	NGUYỄN TRẦN HỮU	CUÔNG	15-Mar-03	60112507	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2960	LÝ GIA	HÂN	02-Oct-03	60112502	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2961	ĐÀO HUY	HOÀNG	11-Jan-03	60112494	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2962	PHẠM HOÀNG	KHANG	30-Sep-03	60112512	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2963	PHẠM ĐĂNG	KHOA	20-Aug-03	60112510	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2964	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	KHÔI	28-Jun-03	60112504	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2965	CHÂU PHÁT	LÂN	05-Jan-03	60112493	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2966	VŨ ĐÌNH	LỘC	28-May-03	60112524	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2967	HOÀNG BÁ MINH	LONG	7-Mar-03	60112496	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2968	TRẦN LÊ	MẠNH	09-Feb-03	60112517	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2969	LÊ TỰ MINH	MINH	15-Dec-03	60112501	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2970	NGUYỄN HẢI	MINH	09-Apr-03	60112505	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2971	PHẠM NGỌC	MINH	01-May-03	60112513	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2972	PHẠM NGUYỆT	MINH	11-Jul-03	60112514	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2973	NGUYỄN TUẤN	NAM	18-Jan-03	60112509	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2974	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	24-Oct-03	60112520	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2975	NGUYỄN BẢO	TRÂN	15-Dec-03	60112503	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2976	LÊ TRẦN DIỆU	TÚ	15-Dec-03	60112500	8	8/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2977	NGUYỄN NGUYỄN HOÀI	AN	12-Apr-03	60112538	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2978	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10-Apr-03	60112534	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2979	NGUYỄN DUY	ANH	19-Jul-03	60112535	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2980	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	22-Jul-03	60112542	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2981	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	HUY	22-Sep-03	60112533	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2982	BẠCH NGUYỄN HOÀNG	KHOA	09-Jan-03	60112525	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2983	CHÂU NGUYỄN MINH	KHOA	09-Nov-03	60112526	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2984	NGUYỄN TRƯỜNG SAO	KIM	19-Aug-03	60112540	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2985	NGUYỄN VŨ THANH	LÂM	14-Jun-03	60112543	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2986	NGUYỄN VŨ TÙNG	LÂM	14-Jun-03	60112544	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2987	LÊ HOÀNG BẢO	LINH	19-Mar-03	60112529	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2988	NGUYỄN THỐNG	LĨNH	17-Sep-03	60112536	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2989	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	22-Feb-03	60112537	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
2990	THÂN ĐỨC MINH	NHÂN	24-Mar-03	60112547	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOẢN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2991	PHẠM NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	26-Sep-03	60112545	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2992	LÊ THANH THẢO	THẢO	14-Mar-03	60112531	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2993	PHAN NGUYỄN CÔNG	VINH	10-Jan-03	60112546	8	8/11			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
2994	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	HÀ	12-Jan-03	60110646	8	8/12			MINH ĐỨC	
2995	LƯU BỘI	HÂN	15-Oct-03	60110645	8	8/12			MINH ĐỨC	
2996	PHẠM NGUYỄN MINH	HOÀNG	11-Sep-03	60110652	8	8/12			MINH ĐỨC	
2997	TRẦN THẾ	HÙNG	31-Mar-03	60110655	8	8/12			MINH ĐỨC	
2998	ĐINH ANH	KIỆT	14-Mar-03	60110642	8	8/12			MINH ĐỨC	
2999	PHẠM MAI	THY	24-Oct-03	60110651	8	8/12			MINH ĐỨC	
3000	DƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂN	11-Sep-03	60110643	8	8/12			MINH ĐỨC	
3001	NGUYỄN TRẦN QUỐC	TRÍ	06-May-03	60110649	8	8/12			MINH ĐỨC	
3002	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	19-Aug-03	60110650	8	8/12			MINH ĐỨC	
3003	MA THỊ NGÂN	HÀ	21-Oct-03	60116638	8	8/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3004	TRƯƠNG MINH	HẢI	01-Jan-03	60116640	8	8/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3005	NGÔ THẢO	NGÂN	29-Dec-02	60116639	8	8/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3006	NGUYỄN MAI	ANH	30-Mar-03	60110675	8	8/13			MINH ĐỨC	
3007	NGUYỄN LÊ NGỌC	HIỀN	24-Sep-03	60110673	8	8/13			MINH ĐỨC	
3008	MÀN MINH	HOÀNG	07-May-03	60110666	8	8/13			MINH ĐỨC	
3009	ĐẶNG TRUNG	KIÊN	15-Oct-03	60110658	8	8/13			MINH ĐỨC	
3010	NGUYỄN NGỌC YẾN	LINH	07-Mar-03	60110677	8	8/13			MINH ĐỨC	
3011	VỖ NGỌC BÌNH	MINH	07-May-03	60110682	8	8/13			MINH ĐỨC	
3012	BÙI BẢO	NGỌC	17-Jan-03	60110656	8	8/13			MINH ĐỨC	
3013	NGUYỄN MINH	NGUYỄN	07-Jan-03	60110676	8	8/13			MINH ĐỨC	
3014	NGUYỄN BẢO	NHI	03-Mar-03	60110668	8	8/13			MINH ĐỨC	
3015	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	17-Dec-03	60110665	8	8/13			MINH ĐỨC	
3016	NGÔ TÂN	PHÁT	03-Mar-03	60110667	8	8/13			MINH ĐỨC	
3017	LÊ NGUYỄN MINH	TRÍ	09-Aug-03	60110664	8	8/13			MINH ĐỨC	
3018	ĐỖ THÀNH	TRIẾT	22-Aug-03	60110660	8	8/13			MINH ĐỨC	
3019	TRẦN LÊ TRUNG	VINH	19-Nov-03	60110681	8	8/13			MINH ĐỨC	
3020	NGUYỄN NHẬT MINH	ANH	09-Nov-03	60110823	8	8/2			NGUYỄN DU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3021	NGUYỄN NGỌC	CHUÔNG	23-Aug-03	60110822	8	8/2			NGUYỄN DU	
3022	TRẦN PHƯƠNG HOÀNG	HẠC	31-May-03	60110825	8	8/2			NGUYỄN DU	
3023	VÕ HOÀNG	KHẢI	21-Apr-03	60110827	8	8/2			NGUYỄN DU	
3024	ĐỖ ĐỨC	TÂM	01-May-03	60110817	8	8/2			NGUYỄN DU	
3025	LÊ ANH	THƯ	07-Oct-03	60110819	8	8/2			NGUYỄN DU	
3026	DIÊU MINH	THÀNH	07-May-03	60110684	8	8/3			MINH ĐỨC	
3027	LÊ BẢO	BỒI	16-Feb-03	60110828	8	8/3			NGUYỄN DU	
3028	NGUYỄN HUỲNH MINH	THƯ	28-Jun-03	60110831	8	8/3			NGUYỄN DU	
3029	LÊ HOÀNG	DŨNG	08-Nov-03	60116646	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3030	TRẦN NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	19-Jan-03	60116655	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3031	PHẠM MINH	HÒA	06-Mar-03	60116653	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3032	PHẠM HOÀNG BẢO	NHI	08-Jan-03	60116652	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3033	NGUYỄN NGỌC MINH	NHƯ	25-Nov-03	60116649	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3034	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	NINH	27-Aug-03	60116651	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3035	NGUYỄN PHẠM THÁI	QUỐC	11-Feb-03	60116650	8	8/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3036	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	02-Mar-03	60112123	8	8/3			VĂN LANG	
3037	NGUYỄN TRẦN TUYẾT	HƯƠNG	11-Dec-03	60112126	8	8/3			VĂN LANG	
3038	NGUYỄN NHẬT	HUY	20-Jul-03	60112124	8	8/3			VĂN LANG	
3039	LÂM MINH	KHÔI	20-Jan-03	60112120	8	8/3			VĂN LANG	
3040	PHẠM HOÀNG CÔNG	MINH	05-Sep-03	60112127	8	8/3			VĂN LANG	
3041	THÁI THỤY CHÂU	MINH	11-Feb-03	60112129	8	8/3			VĂN LANG	
3042	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	07-Jun-03	60112122	8	8/3			VĂN LANG	
3043	PHAN NGUYỄN TƯỜNG	VY	27-Jan-03	60112128	8	8/3			VĂN LANG	
3044	VŨ THU	GIANG	11-Mar-03	60110841	8	8/4			NGUYỄN DU	
3045	NGÔ TUẤN	KIÊN	10-May-03	60110837	8	8/4			NGUYỄN DU	
3046	TRẦN MINH BẢO	TÂM	16-Apr-03	60110840	8	8/4			NGUYỄN DU	
3047	NGUYỄN ĐỨC	ANH	17-Apr-03	60116667	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3048	NGUYỄN MINH	ANH	29-May-03	60116671	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3049	PHẠM HỒNG	ĐỨC	23-Nov-03	60116675	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3050	NGUYỄN KHÁNH	DUYÊN	19-Aug-03	60116669	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3051	NGUYỄN ANH	KHOA	25-Feb-03	60116665	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3052	PHẠM ĐĂNG	KHOA	21-Nov-03	60116674	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3053	PHẠM HỒNG	LAM	07-May-03	60116676	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3054	ĐÀO ANH	MINH	13-Feb-03	60116658	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3055	LÊ GIA	PHÁT	06-Sep-03	60116661	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3056	NGUYỄN KHÁNH	VÂN	01-Aug-03	60116670	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3057	NGÔ QUANG	VINH	25-Dec-03	60116664	8	8/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3058	NGÔ THIÊN	KIM	14-Dec-03	60112133	8	8/4			VĂN LANG	
3059	MAI THÚY	NGỌC	3-Feb-03	60112132	8	8/4			VĂN LANG	
3060	LÊ VĂN	NGUYỄN	23-Jul-03	60112131	8	8/4			VĂN LANG	
3061	PHẠM NGỌC NHẬT	ANH	27-Dec-03	60112548	8	8/4			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3062	HOÀNG MINH	KHUÊ	17-Dec-03	60110842	8	8/5			NGUYỄN DU	
3063	NGUYỄN HÀ BẢO	NGỌC	28-Jul-03	60116685	8	8/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3064	ĐÌNH HOÀNG	TRÂM	29-May-03	60116680	8	8/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3065	VÕ THỊ PHƯƠNG	VÂN	04-Nov-03	60116696	8	8/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3066	NGUYỄN ĐỨC HOÀI	NAM	07-Apr-03	60112134	8	8/5			VĂN LANG	
3067	ĐỖ HOÀNG MAI	LAN	28-Sep-03	60112550	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3068	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NAM	18-Jan-03	60112553	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3069	PHÙNG SỞ	NAM	16-Dec-03	60112558	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3070	NGUYỄN CHÍ GIA	NGỌC	19-Jul-03	60112551	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3071	NGUYỄN ĐẶNG THÀNH	TRUNG	21-Oct-03	60112552	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3072	NGUYỄN TRÚC	VÂN	29-Dec-03	60112555	8	8/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3073	NGUYỄN VÂN	ANH	18-Jul-03	60110852	8	8/6			NGUYỄN DU	
3074	TRƯƠNG HOÀI PHƯƠNG	UYÊN	15-Mar-03	60110854	8	8/6			NGUYỄN DU	
3075	NGUYỄN PHƯỚC HUY	HOÀNG	26-Oct-03	60116707	8	8/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3076	NGUYỄN NGỌC	NAM	24-Jan-03	60116706	8	8/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3077	NGÔ THỊ TRÂM	ANH	21-Jul-03	60112138	8	8/6			VĂN LANG	
3078	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	30-Mar-03	60112142	8	8/6			VĂN LANG	
3079	NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH	ĐOAN	20-Jan-03	60112140	8	8/6			VĂN LANG	
3080	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	HÙNG	04-Nov-03	60112139	8	8/6			VĂN LANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3081	ĐOÀN NGÂN	KHÁNH	13-Jan-03	60112135	8	8/6			VĂN LANG	
3082	TRẦN THẨM HOÀNG	LONG	11-Dec-03	60112143	8	8/6			VĂN LANG	
3083	NGUYỄN HOÀNG NAM	THIÊN	05-Dec-03	60112141	8	8/6			VĂN LANG	
3084	HUỲNH THIÊN	TRÍ	08-Aug-03	60112136	8	8/6			VĂN LANG	
3085	LÊ ĐÀO TUYẾT	ANH	11-May-03	60116715	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3086	PHẠM PHAN ĐỨC	ANH	15-Jun-03	60116724	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3087	VÕ VIỆT	BẢO	03-Aug-03	60116725	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3088	NGUYỄN HOÀNG BẢO	LONG	5-Sep-03	60116719	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3089	NAOMI TUYẾT	LY	29-Sep-01	60116718	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3090	LÊ TRẦN KIM	NGÂN	26-Mar-03	60116716	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3091	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	05-Jul-03	60116714	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3092	LÝ PHỤNG	THÀNH	19-Jul-03	60116717	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3093	PHẠM NGHIÊM	TRÁC	02-Nov-03	60116722	8	8/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3094	TRẦN TUẤN	ĐĂNG	05-Jul-03	60110875	8	8/8			NGUYỄN DU	
3095	CAO HỮU	DUY	04-Dec-03	60110859	8	8/8			NGUYỄN DU	
3096	PHẠM LÊ MỸ	HƯỜNG	19-Feb-03	60110871	8	8/8			NGUYỄN DU	
3097	BÙI VŨ	KHOA	26-Dec-03	60110858	8	8/8			NGUYỄN DU	
3098	HỒ MINH	KHUÊ	28-Jun-03	60110862	8	8/8			NGUYỄN DU	
3099	PHẠM HOÀNG	MI	01-Apr-03	60110870	8	8/8			NGUYỄN DU	
3100	NGÔ ANH	QUÂN	26-Jul-03	60110865	8	8/8			NGUYỄN DU	
3101	NGUYỄN NGỌC THANH	TÂM	29-Aug-03	60110868	8	8/8			NGUYỄN DU	
3102	NGUYỄN NGỌC CẨM	TIÊN	08-Oct-03	60110867	8	8/8			NGUYỄN DU	
3103	ĐINH HỒ THANH	TRANG	14-Jan-03	60110861	8	8/8			NGUYỄN DU	
3104	ĐẶNG HOÀNG MAI	VY	05-Jul-03	60110860	8	8/8			NGUYỄN DU	
3105	LÊ THOẠI	YÊN	21-Apr-03	60110864	8	8/8			NGUYỄN DU	
3106	NGUYỄN THANH	BẢO	27-Aug-03	60116729	8	8/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3107	NGUYỄN HUY	HOÀNG	18-Sep-03	60116727	8	8/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3108	VŨ ĐÌNH	HUY	01-Jul-03	60116733	8	8/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3109	NGUYỄN SINH	LỘC	10-May-03	60116728	8	8/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3110	VÕ NGỌC BẢO	NGHI	29-Jul-03	60116732	8	8/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3111	TRẦN NGUYỄN MINH	ĐĂNG	26-Dec-03	60116742	8	8/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3112	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	ĐOAN	06-Oct-03	60116743	8	8/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3113	NGUYỄN ĐĂNG ĐĂNG	KHOA	25-Nov-03	60116736	8	8/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3114	PHẠM NGỌC KHÁNH	MINH	02-Nov-03	60116741	8	8/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3115	LÊ	NGUYỄN	07-Nov-03	60116735	8	8/9			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3116	NGUYỄN QUẾ	ANH	17-Apr-03	60112579	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3117	VÕ NGỌC QUỲNH	ANH	11-Mar-03	60112591	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3118	NGUYỄN HUYỀN	BĂNG	16-Apr-03	60112574	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3119	NGUYỄN HƯƠNG	BÌNH	04-Jan-03	60112573	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3120	PHAN TRẦN ANH	DUY	18-Jan-03	60112582	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3121	ĐÌNH NHẬT	HẠNH	01-Jan-03	60112564	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3122	NGUYỄN SONG	HÀO	18-Dec-03	60112580	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3123	NGUYỄN LÊ MINH	HIỀN	12-Feb-03	60112575	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3124	LÊ TRUNG	HIẾU	14-Mar-03	60112568	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3125	HÀ MAI	KHANH	25-Feb-03	60112565	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3126	NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	15-May-03	60112577	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3127	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	24-Jan-03	60112589	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3128	HỒNG MINH	KỶ	23-Aug-03	60112566	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3129	DIÊU HÀ UYÊN	LINH	25-Jan-03	60112563	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3130	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LINH	27-Nov-03	60112586	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3131	TRẦN BẢO	LONG	16-Jan-03	60112584	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3132	BÙI GIA	MÃN	18-Jun-03	60112561	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3133	LƯƠNG HOÀNG	MỸ	03-Mar-03	60112570	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3134	TRẦN KIM	NGÂN	15-Jun-03	60112585	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3135	TRẦN THẢO	NGÂN	21-Aug-03	60112588	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3136	TẠ NHƯ	NGỌC	27-Jan-03	60112583	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3137	UÔNG BẢO	NGỌC	01-Jan-03	60112590	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3138	LÊ TUẤN	NGUYỄN	24-Jan-03	60112569	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3139	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	01-Jan-03	60112587	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3140	HUỶNH MINH	QUYÊN	29-Mar-03	60112567	8	8/9			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3141	LIU THI VAN	QUYNH	11-Nov-03	60112571	8	8/9			VỎ TRƯỜNG TOÀN	
3142	NGUYEN PHUONG	THAO	06-Apr-03	60112578	8	8/9			VỎ TRƯỜNG TOÀN	
3143	NGO MINH	THU	15-Mar-03	60112572	8	8/9			VỎ TRƯỜNG TOÀN	
3144	NGUYEN LE THANH	TRUC	07-Mar-03	60112576	8	8/9			VỎ TRƯỜNG TOÀN	
3145	NGUYEN HUYNH DIEU	ANH	04-May-03	60110209	8	8A1			CHU VĂN AN	
3146	NGUYEN NGOC VAN	ANH	18-Aug-03	60110210	8	8A1			CHU VĂN AN	
3147	ĐẶNG NGOC	ANH	11-Apr-03	60110201	8	8A1			CHU VĂN AN	
3148	NGO MINH	ĐUC	09-Jan-03	60110207	8	8A1			CHU VĂN AN	
3149	LE ĐANG	KHOI	13-Nov-03	60110204	8	8A1			CHU VĂN AN	
3150	TRAN PHAN THUC	NGHI	09-Mar-03	60110214	8	8A1			CHU VĂN AN	
3151	TRAN MINH	QUANG	31-Dec-03	60110212	8	8A1			CHU VĂN AN	
3152	LE PHAN NGOC	QUYNH	26-Apr-03	60110205	8	8A1			CHU VĂN AN	
3153	NGUYEN THANH	SANG	17-May-03	60110211	8	8A1			CHU VĂN AN	
3154	NGUYEN ĐUC	THINH	07-Dec-03	60110208	8	8A1			CHU VĂN AN	
3155	TRAN NGUYEN ANH	THU	04-Jan-03	60110213	8	8A1			CHU VĂN AN	
3156	LIU BICH	TRAM	05-Oct-03	60110206	8	8A1			CHU VĂN AN	
3157	ĐOÀN THẾ	VINH	29-Mar-03	60110203	8	8A1			CHU VĂN AN	
3158	ĐẶNG TÚ	VY	13-Aug-03	60110202	8	8A1			CHU VĂN AN	
3159	ĐOÀN LƯƠNG PHƯƠNG	ANH	17-Sep-03	60121094	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3160	HÀ QUỐC	ANH	15-Mar-03	60121096	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3161	NGUYEN HUUONG	GIANG	04-Jul-03	60121108	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3162	HUYNH SON	HÀ	26-Oct-03	60121100	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3163	NGUYEN LE NHAT	HÀ	05-Jan-03	60121110	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3164	HÀ PHƯƠNG BẢO	HÂN	22-Aug-03	60121095	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3165	HUYNH GIA	HUY	25-Dec-03	60121099	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3166	LE NGUYEN NHAT	HUY	26-May-03	60121102	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3167	TON NGUYEN MAI	KHANH	21-Aug-03	60121114	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3168	VỎ NGOC	KHANH	13-Jun-03	60121118	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3169	NGUYEN HUYNH	KHOA	11-Jun-03	60121109	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3170	LE HIEN	MINH	06-Oct-03	60121101	8	8A1			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3171	MAI NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	22-Aug-03	60121105	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3172	TRẦN THUY NHƯ	QUỲNH	15-Aug-03	60121117	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3173	HỒ QUỲNH	TÂM	03-Nov-03	60121097	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3174	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	03-Jul-03	60121111	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3175	PHẠM MINH	THƯ	18-Nov-03	60121112	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3176	NGUYỄN HỮU	TRÍ	17-Mar-03	60121107	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3177	HOÀNG VŨ TƯỜNG	VY	22-Dec-03	60121098	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3178	PHẠM NGỌC THẢO	VY	30-Mar-03	60121113	8	8A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3179	HUỶNH NGỌC THUẬN	ÁNH	21-Jan-03	60111959	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3180	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	07-Jun-03	60111965	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3181	TRẦN QUỐC	KHANH	21-Apr-03	60111967	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3182	TRẦN HOÀNG	KHUÊ	24-Dec-03	60111966	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3183	NGUYỄN NGỌC BẢO	LÂM	18-Nov-03	60111962	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3184	NGUYỄN VÂN MINH	UYÊN	30-Aug-03	60111964	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3185	VŨ HOÀNG LÊ	VÂN	11-Sep-03	60111969	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3186	NGUYỄN TRIỀU	VỸ	07-May-03	60111963	8	8A1			TRẦN VĂN ƠN	
3187	HUỶNH NGỌC	ANH	09-Mar-03	60111975	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3188	LÊ THUY NHẬT	ANH	24-Aug-03	60111977	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3189	NGUYỄN ĐỨC	CHÍNH	06-Oct-03	60111981	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3190	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	02-Apr-03	60111982	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3191	TRƯƠNG NGỌC DIỄM	HẰNG	17-Sep-03	60111990	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3192	ĐỖ QUỐC	HÙNG	31-Dec-03	60111971	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3193	NGUYỄN HOÀNG	NAM	17-Jun-03	60111983	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3194	MẠC THIÊN	THANH	04-May-03	60111978	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3195	HỨA THANH	XUÂN	02-Nov-03	60111974	8	8A11			TRẦN VĂN ƠN	
3196	NGUYỄN CÁT	LINH	29-Jul-03	60111992	8	8A12			TRẦN VĂN ƠN	
3197	PHẠM TỔ	NHƯ	22-May-03	60111994	8	8A14			TRẦN VĂN ƠN	
3198	TRẦN TRƯỞNG THANH	TRƯỜNG	20-Jul-03	60111995	8	8A14			TRẦN VĂN ƠN	
3199	NGUYỄN PHAN LINH	CHI	11-Jun-03	60112009	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3200	TRẦN MAI	CHI	25-Oct-03	60112018	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3201	PHẠM THÁI HOÀNG	ĐẠO	17-Feb-03	60112015	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3202	LƯƠNG ĐUỜNG	DUỆ	14-Sep-03	60112006	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3203	HÁN TRẦN MỸ	DUYÊN	22-Oct-03	60112000	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3204	NGUYỄN TRUNG	HUY	29-Sep-03	60112013	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3205	LA NGHIÊM BẢO	LÂM	20-Nov-03	60112003	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3206	TĂNG NGUYỄN NHẬT	MINH	23-Nov-03	60112016	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3207	TRẦN THÁI	MINH	25-Oct-03	60112019	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3208	LÊ VIẾT	NGUYỄN	18-Feb-03	60112005	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3209	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	NHÃ	27-Nov-03	60112010	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3210	HUỲNH GIA	PHÚ	18-Mar-03	60112002	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3211	NGUYỄN ĐOÀN HOÀNG	PHÚC	26-Nov-03	60112008	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3212	ĐỖ THỊ THANH	PHƯƠNG	25-Sep-03	60111998	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3213	VÕ PHAN MINH	PHƯƠNG	24-Jan-03	60112021	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3214	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05-Mar-03	60112004	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3215	NGUYỄN ĐẠI	THÚY	13-Oct-03	60112007	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3216	NGUYỄN TÚ	TRÂN	20-Jan-03	60112014	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3217	TRẦN THỊ THẢO	VY	17-Oct-03	60112020	8	8A15			TRẦN VĂN ƠN	
3218	NGUYỄN ĐỖ MAI	ANH	31-Jul-03	60110217	8	8A2			CHU VĂN AN	
3219	PHẠM LÊ NHÃ	HÂN	01-Oct-03	60110220	8	8A2			CHU VĂN AN	
3220	NGUYỄN NHƯ TƯỜNG	LINH	27-Jul-03	60110219	8	8A2			CHU VĂN AN	
3221	BÙI PHI	LONG	15-May-03	60110215	8	8A2			CHU VĂN AN	
3222	PHẠM NHỰT	NGUYỄN	24-Apr-03	60110221	8	8A2			CHU VĂN AN	
3223	TRẦN NGUYỄN MINH	NHẬT	24-Jan-03	60110222	8	8A2			CHU VĂN AN	
3224	LÊ MINH	QUÂN	15-Dec-03	60110216	8	8A2			CHU VĂN AN	
3225	NGUYỄN HỒNG	THẨM	12-Aug-03	60110218	8	8A2			CHU VĂN AN	
3226	TRƯƠNG NGỌC TƯỜNG	VY	28-Mar-03	60110223	8	8A2			CHU VĂN AN	
3227	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	AN	15-Feb-03	60121135	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3228	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	28-Jan-03	60121123	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3229	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	28-Feb-03	60121136	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3230	NGUYỄN HỒNG	ANH	18-Feb-03	60121137	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3231	NGUYỄN MINH	ANH	10-Jun-03	60121139	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3232	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	25-Jul-03	60121146	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3233	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	ANH	26-Feb-03	60121147	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3234	PHẠM HUỲNH NGUYỆT	ANH	20-Apr-03	60121149	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3235	ĐÀO LINH	ĐAN	23-Jan-03	60121122	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3236	NGUYỄN PHƯƠNG	GIANG	18-Jan-03	60121142	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3237	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	20-Jun-03	60121145	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3238	NGUYỄN PHÚC GIA	HÂN	14-Apr-03	60121140	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3239	TRẦN THỊ MINH	HIẾU	07-Aug-03	60121154	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3240	PHẠM QUANG	KHANG	10-Jun-03	60121151	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3241	LẠI MINH	KHÁNH	07-Feb-03	60121127	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3242	HỒ CAO NHẬT	LINH	16-Sep-03	60121124	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3243	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	6-Dec-03	60121143	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3244	NGUYỄN PHÚC THU	NGÂN	21-Jan-03	60121141	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3245	CAO TRẦN QUANG	NGỌC	27-Feb-03	60121121	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3246	PHẠM BÙI HƯƠNG	NGUYỄN	08-Feb-03	60121148	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3247	BÙI THỊ MINH	NHU'	03-May-03	60121120	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3248	LÂM THẢO	NHU'	7-Dec-03	60121128	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3249	PHÙNG NGUYỄN MINH	QUÂN	15-Apr-03	60121153	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3250	LÊ THU	QUỲNH	19-Mar-03	60121130	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3251	HUỲNH NGỌC KHÁNH	TÂM	18-Nov-03	60121125	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3252	NGUYỄN KHẮC	THÀNH	09-Aug-03	60121138	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3253	PHẠM XUÂN ANH	THO	27-Nov-03	60121152	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3254	LÊ TRIỆU MINH	THU'	11-Dec-03	60121131	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3255	NGUYỄN SƠN	TÙNG	25-Apr-03	60121144	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3256	TRẦN THIÊN	TƯỜNG	06-Aug-03	60121155	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3257	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	10-Jun-03	60121129	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3258	PHẠM LÊ THANH	VY	26-Mar-03	60121150	8	8A2			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3259	ĐỖ HOÀ	AN	07-May-03	60111607	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3260	LÊ MINH	ANH	28-Oct-03	60111616	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3261	TRẦN NAM	ANH	8-Jan-03	60111639	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3262	TRẦN HOÀN BẢO	CHÂU	29-Nov-03	60111637	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3263	LÊ TRƯỜNG	GIANG	18-May-03	60111617	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3264	NGÔ GIA	HÂN	19-Dec-03	60111619	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3265	LÂM ĐỨC	HÙNG	29-Oct-03	60111615	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3266	NGUYỄN LÊ	HUY	3-Dec-03	60111622	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3267	PHẠM MINH	KHOA	15-Mar-03	60111633	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3268	VÕ DUY	KHOA	19-Jun-03	60111642	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3269	HUỲNH TRUNG	LƯƠNG	25-May-03	60111611	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3270	NGUYỄN QUANG	MINH	22-Jan-03	60111627	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3271	VĨNH BẢO UYÊN	PHƯƠNG	14-Jun-03	60111641	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3272	PHẠM GIA	TUẤN	25-Sep-03	60111631	8	8A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3273	LÝ THẾ	DŨNG	04-Feb-03	60112024	8	8A2			TRẦN VĂN ƠN	
3274	CAO LÊ MAI	KHANH	29-Oct-03	60112022	8	8A2			TRẦN VĂN ƠN	
3275	NGÔ NGỌC THIÊN	KIM	15-Nov-03	60112025	8	8A2			TRẦN VĂN ƠN	
3276	ĐỖ LÊ QUANG	PHÚC	03-Nov-03	60112023	8	8A2			TRẦN VĂN ƠN	
3277	TRẦN ĐỨC	QUYỀN	13-Sep-03	60112028	8	8A2			TRẦN VĂN ƠN	
3278	TRỊNH TIỂU	HOA	13-Dec-03	60110232	8	8A3			CHU VĂN AN	
3279	PHÙNG TRẦN MINH	KHANG	08-Dec-03	60110231	8	8A3			CHU VĂN AN	
3280	VÕ ĐÔNG	NGHI	09-Jun-03	60110235	8	8A3			CHU VĂN AN	
3281	TRƯƠNG QUANG	PHÚC	05-Nov-03	60110234	8	8A3			CHU VĂN AN	
3282	HUỲNH VĨ	QUỐC	29-Dec-03	60110224	8	8A3			CHU VĂN AN	
3283	TRƯƠNG PHAM HỒNG	THU	22-Dec-03	60110233	8	8A3			CHU VĂN AN	
3284	NGUYỄN XUÂN	TRANG	04-Dec-03	60110227	8	8A3			CHU VĂN AN	
3285	NGUYỄN ĐÌNH GIA	BẢO	31-Aug-03	60121164	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3286	ĐỖ TẤN	HÙNG	30-Sep-03	60121157	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3287	LÊ ĐỨC	HUY	01-Oct-03	60121160	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3288	NGUYỄN MINH	NAM	01-Apr-03	60121166	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3289	NGUYỄN NGỌC THANH	PHONG	24-May-03	60121168	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3290	NGUYỄN GIA	PHÚ	16-Jan-03	60121165	8	8A3			HUỲNH KHƯƠNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3291	PHẠM PHAN HOÀNG	PHÚC	22-Jun-03	60121170	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3292	NGUYỄN VÕ PHƯỚC	THỊNH	26-Oct-03	60121169	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3293	LÊ UYÊN	THƯ	13-Dec-03	60121162	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3294	NGUYỄN NGỌC ĐAN	THY	23-Oct-03	60121167	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3295	HỒ DUY	TRÍ	27-Dec-03	60121159	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3296	ĐOÀN MỘNG PHƯƠNG	TRINH	22-Aug-03	60121158	8	8A3			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3297	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	14-Mar-03	60111649	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3298	PHAN HOÀNG	ANH	18-Jan-03	60111652	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3299	NGUYỄN BẢO	KHANG	7-Jun-03	60111647	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3300	HỒ NGỌC	LAN	13-May-03	60111644	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3301	NGUYỄN XUÂN ANH	MINH	28-Feb-03	60111651	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3302	LÊ MINH ÁNH	NGỌC	21-Jun-03	60111645	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3303	NGUYỄN NHƯ Ý	NGỌC	03-Mar-03	60111650	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3304	PHAN THANH	VÂN	18-Jan-03	60111653	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3305	LÊ PHƯƠNG	YẾN	20-Jul-03	60111646	8	8A3			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3306	ĐẶNG HOÀNG ANH	KHÔI	05-Dec-03	60112030	8	8A3			TRẦN VĂN ƠN	
3307	PHẠM THỊ UYÊN	MINH	16-Dec-03	60112032	8	8A3			TRẦN VĂN ƠN	
3308	TRẦN TUẤN	NAM	31-Mar-03	60112035	8	8A3			TRẦN VĂN ƠN	
3309	TRIỆU MINH	TẤN	19-Aug-03	60112037	8	8A3			TRẦN VĂN ƠN	
3310	TRỊNH THANH THANH	TRÚC	18-Feb-03	60112038	8	8A3			TRẦN VĂN ƠN	
3311	LẠI TRỊNH HOÀNG	ANH	2-Apr-03	60110239	8	8A4			CHU VĂN AN	
3312	HOÀNG NGUYỄN MINH	KHANG	21-Dec-03	60110238	8	8A4			CHU VĂN AN	
3313	NGUYỄN HUY	LỘC	26-Feb-03	60110242	8	8A4			CHU VĂN AN	
3314	LÊ ĐĂNG	NGUYỄN	29-Jan-03	60110240	8	8A4			CHU VĂN AN	
3315	ĐẶNG MINH	THẮNG	18-Jun-03	60110236	8	8A4			CHU VĂN AN	
3316	DƯƠNG KHẢI	VINH	23-Nov-03	60110237	8	8A4			CHU VĂN AN	
3317	NGUYỄN THỤY THÙY	AN	16-Jul-03	60110373	8	8A4			ĐỨC TRÍ	
3318	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	16-Dec-03	60110370	8	8A4			ĐỨC TRÍ	
3319	NGUYỄN NGUYỆT	MINH	03-Nov-03	60110371	8	8A4			ĐỨC TRÍ	
3320	NGUYỄN QUANG	THẮNG	09-Dec-03	60110372	8	8A4			ĐỨC TRÍ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3321	PHAN THU	ANH	08-May-03	60121198	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3322	VŨ TRƯỞNG MINH	ĐỨC	11-Dec-03	60121203	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3323	TRỊNH PHÚC	DUY	19-Mar-03	60121202	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3324	NGUYỄN PHAN NGỌC	HẢI	15-Mar-03	60121189	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3325	TRẦN VĨNH BẢO	KHANG	23-Jul-03	60121201	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3326	NGUYỄN VÕ TRUNG	KIÊN	12-Jan-03	60121194	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3327	CẦN PHƯƠNG	MAI	24-Apr-03	60121176	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3328	NGÔ DƯƠNG BẢO	NGHI	21-May-03	60121186	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3329	PHAN HOÀNG THẢO	NGUYỄN	03-Mar-03	60121195	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3330	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	05-Nov-03	60121192	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3331	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRINH	01-Jul-03	60121178	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3332	HỒ MINH	TUẤN	09-Dec-03	60121182	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3333	NGÔ THANH NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	23-Sep-03	60121187	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3334	TRẦN KHÁNH NHÃ	UYÊN	07-Dec-03	60121200	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3335	NGÔ TÔN NỮ KHÁNH	VY	24-Feb-03	60121188	8	8A4			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3336	ĐẶNG TRƯỜNG	AN	13-Aug-03	60111659	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3337	HUỲNH TRÂM	ANH	01-Jan-03	60111664	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3338	ĐÀO GIA	BẢO	9-Apr-03	60111661	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3339	HUỲNH QUANG	DŨNG	12-Oct-03	60111663	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3340	PHẠM NGUYỄN	NAM	15-Dec-03	60111668	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3341	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGÂN	23-Feb-03	60111667	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3342	ĐẶNG VÕ BẢO	NGỌC	07-Jun-03	60111660	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3343	BÙI VŨ GIA	PHÚC	12-Dec-03	60111657	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3344	HỨA TRANG NHẬT	THÁI	22-Sep-03	60111662	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3345	TRẦN THUYẾT BẢO	TRÂN	16-Dec-03	60111670	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3346	NGUYỄN HOÀNG MAI	UYÊN	13-Feb-03	60111666	8	8A4			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3347	TRƯƠNG XUÂN	BÁCH	24-Nov-03	60112045	8	8A4			TRẦN VĂN ƠN	
3348	NGÔ HOÀNG	NAM	17-Aug-03	60112041	8	8A4			TRẦN VĂN ƠN	
3349	CHÂU PHẠM YÊN	NHI	30-Mar-03	60112039	8	8A4			TRẦN VĂN ƠN	
3350	TRẦN XUÂN	THÀNH	29-Oct-03	60112044	8	8A4			TRẦN VĂN ƠN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3351	NGUYỄN VÕ MINH	ANH	09-Feb-03	60121209	8	8A5			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3352	PHẠM NGỌC CẨM	ĐÀO	30-Dec-03	60121210	8	8A5			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3353	LÊ GIA	KHƯỞNG	21-Jul-03	60121205	8	8A5			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3354	LÊ YẾN	PHƯỞNG	24-Jan-03	60121206	8	8A5			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3355	TÔ QUỲNH	CHI	08-Aug-03	60111676	8	8A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3356	PHẠM MẠCH THANH	GIANG	14-Sep-03	60111672	8	8A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3357	VÕ ĐÔNG	NGHI	09-Apr-03	60111677	8	8A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3358	HUỖNH HOÀNG	CHÂU	10-Jan-03	60110243	8	8A6			CHU VĂN AN	
3359	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	30-Apr-03	60110244	8	8A6			CHU VĂN AN	
3360	HUỖNH TRANG BẢO	NGỌC	30-Aug-03	60110376	8	8A6			ĐỨC TRÍ	
3361	PHAN TÀI	NGUYỄN	20-Dec-03	60110379	8	8A6			ĐỨC TRÍ	
3362	CAO THÙY	TRANG	21-Apr-03	60110375	8	8A6			ĐỨC TRÍ	
3363	NGUYỄN THANH	XUÂN	03-Jan-03	60110378	8	8A6			ĐỨC TRÍ	
3364	LÊ THỊ MỸ	ÁNH	20-Nov-03	60121225	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3365	NGUYỄN TRẦN XUÂN	BẢO	08-Nov-03	60121242	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3366	ĐÌNH TIẾN	CÔNG	25-Oct-03	60121213	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3367	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	07-Sep-03	60121241	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3368	TRẦN THANH	DUY	05-May-03	60121250	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3369	LÊ HÀ MỸ	DUYÊN	18-Feb-03	60121222	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3370	HỒ TẤN MINH	HOÀNG	26-Oct-03	60121218	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3371	VŨ NGỌC HUY	HOÀNG	27-Nov-03	60121254	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3372	NGUYỄN LÊ MINH	HÙNG	02-Oct-03	60121234	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3373	DƯƠNG QUỐC	HUY	21-Sep-03	60121216	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3374	HUỖNH CÔNG	HUY	08-Oct-03	60121219	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3375	NGUYỄN MINH	KHANG	22-Sep-03	60121235	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3376	TRẦN LÊ BẢO	KHANG	15-Apr-03	60121247	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3377	TRẦN NGỌC BẢO	KHANH	15-Sep-03	60121248	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3378	NGUYỄN HÀ	LINH	30-Dec-03	60121230	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3379	TRƯƠNG NGỌC	MÃN	22-Nov-03	60121252	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	
3380	NGUYỄN HỮU HUY	MINH	25-Nov-03	60121231	8	8A6			HUỖNH KHƯỞNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3381	LÊ NGỌC THANH	NGÂN	08-Mar-03	60121223	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3382	NGUYỄN HUỶNH THANH	NGÂN	21-Sep-03	60121232	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3383	DƯƠNG TRANG	NHÃ	05-Sep-03	60121217	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3384	CAO THIÊN	NHÂN	1-May-03	60121211	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3385	NGUYỄN CHÍ	NHÂN	18-Jul-03	60121228	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3386	NGUYỄN THỤY PHƯƠNG	NHI	05-Oct-03	60121240	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3387	NGUYỄN LÊ HỮU	PHÁT	03-Apr-03	60121233	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3388	DƯ NHẬT	PHƯƠNG	09-Aug-03	60121215	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3389	TRẦN NGỌC QUẾ	PHƯƠNG	23-Jul-03	60121249	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3390	ĐÌNH NGỌC DIỄM	QUỲNH	14-Nov-03	60121212	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3391	NGUYỄN QUỐC	THỐNG	20-Jun-03	60121238	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3392	PHẠM TRẦN THẢO	VI	15-Mar-03	60121245	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3393	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	21-Aug-03	60121239	8	8A6			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3394	YANG TUẤN	ANH	31-Jan-03	60111683	8	8A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3395	VÕ BÙI VÂN	KHANH	12-Jun-03	60111682	8	8A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3396	PHẠM MINH	NGỌC	23-Dec-03	60111681	8	8A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3397	NGUYỄN DUY	PHƯỚC	02-Mar-03	60111680	8	8A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3398	LÊ ĐỖ THỤY	UYÊN	3-Dec-03	60111679	8	8A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3399	LÊ MINH	ĐỨC	23-Aug-03	60110245	8	8A7			CHU VĂN AN	
3400	NGUYỄN HUỶNH TRANG	THƯ	23-Jan-03	60110246	8	8A7			CHU VĂN AN	
3401	LÂM VŨ TÂM	AN	22-May-03	60121263	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3402	PHAN VŨ HỒNG	ANH	01-Dec-03	60121281	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3403	TRẦN DƯƠNG MINH	CHÂU	01-Jun-03	60121283	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3404	TRỊNH ĐỖ BẢO	CHÂU	25-Dec-03	60121286	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3405	TRỊNH ĐỖ MINH	CHÂU	25-Dec-03	60121287	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3406	TRỊNH NGUYỄN LINH	CHI	10-Mar-03	60121288	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3407	NGUYỄN HẠNH	DUNG	04-Apr-03	60121271	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3408	LÊ THIÊN	HÀ	23-Oct-03	60121267	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3409	TRẦN MINH	HẠNH	07-Oct-03	60121284	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3410	NGUYỄN ÁNH TUỆ	HOÀNG	26-Apr-03	60121270	8	8A7			HUỶNH KHUÔNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3411	THÁI VIỆT	HÙNG	26-Apr-03	60121282	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3412	LÊ VÂN	KHANH	17-May-03	60121268	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3413	TRẦN PHAN ĐĂNG	KHOA	24-Feb-03	60121285	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3414	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	15-Jan-03	60121274	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3415	NGUYỄN TRẦN TỐ	LINH	05-Dec-03	60121276	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3416	PHẠM VŨ HỒNG	MINH	24-Feb-03	60121278	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3417	LÊ NAM DIỄM	NGỌC	12-Aug-03	60121266	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3418	NGUYỄN MINH	NHU'	10-Jun-03	60121272	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3419	VÕ DUY UYÊN	PHI	25-Jun-03	60121289	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3420	MAI NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	01-Apr-03	60121269	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3421	ĐẶNG HOÀNG	QUÂN	08-Oct-03	60121257	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3422	NGUYỄN THIỆN	THÀNH	07-Dec-03	60121275	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3423	LÊ CHÍ	THIỆN	27-May-03	60121264	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3424	HUỲNH ANH	THU'	22-Jun-03	60121261	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3425	DƯƠNG HOÀNG THANH	THỦY	01-May-03	60121260	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3426	VŨ NGỌC	THY	10-Apr-03	60121290	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3427	HUỲNH TRỌNG	TÍN	30-Mar-03	60121262	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3428	ĐẶNG NGỌC BÍCH	TRÂM	01-Aug-03	60121258	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3429	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	21-Jan-03	60121273	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3430	CHU DƯƠNG THÙY	TRÂN	27-Sep-03	60121256	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3431	PHẠM THANH	TRÚC	30-Mar-03	60121277	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3432	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	UYÊN	13-Jul-03	60121259	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3433	PHAN TRÀ YẾN	VY	24-Jan-03	60121280	8	8A7			HUỲNH KHUÔNG NINH	
3434	NGUYỄN LÂM	BẢO	26-Apr-03	60111688	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3435	PHẠM HƯƠNG	GIANG	27-Jul-03	60111693	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3436	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	19-Sep-03	60111690	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3437	LÊ QUỐC	HUY	20-Jan-03	60111685	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3438	NGÔ HỒNG BẢO	KHÁNH	10-Apr-03	60111686	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3439	NGUYỄN CHÁNH	LỘC	16-Aug-03	60111687	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3440	NGUYỄN VIỆT QUANG	NAM	4-Jul-03	60111692	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3441	TRẦN CAO	NGÂN	18-Jan-03	60111696	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3442	PHẠM TÚ	NHI	01-Jun-03	60111694	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3443	HÀ KHÔNG	TÍN	20-Nov-03	60111684	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3444	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	TRANG	19-Aug-03	60111697	8	8A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3445	NGUYỄN NGỌC HỒNG	ANH	18-Oct-03	60121299	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3446	NGUYỄN KHÁNH	LINH	05-Aug-03	60121297	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3447	HÀ NGUYỄN	LỘC	15-Nov-03	60121292	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3448	NGUYỄN HOÀNG	LONG	22-Feb-03	60121296	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3449	HỒ BỬU GIA	PHÚ	14-Nov-03	60121293	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3450	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	PHÚC	28-Sep-03	60121298	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3451	TRẦN HÙNG	QUÂN	27-Jan-03	60121302	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3452	VŨ NHẬT	THĂNG	14-Feb-03	60121306	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3453	HỨA MINH	TRÍ	02-Nov-03	60121294	8	8A8			HUỲNH KHƯƠNG NINH	
3454	TRẦN VỆ	GIANG	21-Jul-03	60111704	8	8A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3455	VÕ VIỆT	PHƯƠNG	17-Jul-03	60111705	8	8A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3456	HUỲNH TẤN	QUÂN	28-Jun-03	60111698	8	8A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3457	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH	TIÊN	11-Jan-03	60111701	8	8A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3458	NGUYỄN HUỲNH ANH	TUẤN	23-Jan-03	60111702	8	8A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3459	NGUYỄN NGUYỆT SAO	BIÊN	05-Nov-03	60112049	8	8A8			TRẦN VĂN ƠN	
3460	TÔN NỮ VÂN	TRANG	13-Feb-03	60112052	8	8A8			TRẦN VĂN ƠN	
3461	DƯƠNG ĐOÀN MINH	ĐỨC	28-Sep-03	60111709	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3462	LƯƠNG NGUYỆT	HÀ	21-Jun-03	60111710	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3463	NGUYỄN PHAN HOÀI	HƯƠNG	2-Jan-03	60111712	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3464	NGUYỄN HỮU HOÀNG	KHẢI	03-Oct-03	60111711	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3465	PHẠM HÀ BẢO	NGÂN	28-Oct-03	60111714	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3466	NGUYỄN VÕ KHÔI	NGUYỄN	18-Aug-03	60111713	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3467	TRẦN THỊ THANH	NHI	1-Jul-03	60111718	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3468	ĐỖ MINH	QUÂN	11-Sep-03	60111707	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3469	TRẦN THẾ PHƯƠNG	QUÂN	9-Jul-03	60111717	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3470	BÙI NGỌC NGÂN	TRÂM	20-Jul-03	60111706	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3471	TRẦN ĐOÀN MINH	TUỆ	21-Jan-03	60111716	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3472	PHẠM HỒ	VƯỢNG	29-Nov-03	60111715	8	8A9			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3473	LÂM QUANG	HUY	13-Jan-02	60116747	9	9/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3474	TRẦN TRUNG	KIÊN	23-Sep-02	60116751	9	9/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3475	HUỲNH BẢO	NGỌC	05-May-01	60116745	9	9/10			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3476	NGUYỄN NGỌC HẠNH	AN	09-Sep-02	60112606	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3477	NGUYỄN PHÚC	AN	08-Aug-02	60112607	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3478	DƯƠNG HÀ VÂN	CHI	14-May-02	60112595	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3479	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	DUNG	25-Sep-02	60112603	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3480	HỒ GIA	HÂN	05-Mar-02	60112596	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3481	NGUYỄN MINH	HIỀN	17-Nov-02	60112605	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3482	TIÊU MINH	LỢI	17-May-02	60112612	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3483	LƯƠNG NHƯ TỐ NGHI	NGHI	02-May-02	60112601	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3484	TRẦN LÊ	SƠN	11-Mar-02	60112614	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3485	TRẦN LÝ THANH	TÂM	30-Jan-02	60112615	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3486	LÊ KHẮC QUỐC	TRUNG	01-Jan-02	60112599	9	9/10			VỖ TRƯỜNG TOẢN	
3487	NGUYỄN TRÂM	ANH	24-Apr-02	60116754	9	9/11			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3488	LIÊU VÕ QUẾ	ANH	27-Jan-02	60110884	9	9/3			NGUYỄN DU	
3489	NGUYỄN THƯỢNG HOÀNG	KHANH	28-Jun-02	60110889	9	9/3			NGUYỄN DU	
3490	PHẠM KIM HOÀNG	LONG	6-Jun-02	60110891	9	9/3			NGUYỄN DU	
3491	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	MINH	27-Sep-02	60110890	9	9/3			NGUYỄN DU	
3492	NGUYỄN HOÀI	NAM	22-Oct-02	60110885	9	9/3			NGUYỄN DU	
3493	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	NGÂN	12-Jan-02	60110886	9	9/3			NGUYỄN DU	
3494	CÁT HUY	NHẬT	21-Feb-02	60110881	9	9/3			NGUYỄN DU	
3495	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	NHƯ	01-Aug-02	60110887	9	9/3			NGUYỄN DU	
3496	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	PHỤNG	21-Dec-02	60110892	9	9/3			NGUYỄN DU	
3497	HỒ KHÁNH	VY	13-Nov-02	60110882	9	9/3			NGUYỄN DU	
3498	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	16-Nov-02	60116755	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3499	PHẠM VIỆT	ĐĂNG	18-Mar-02	60116761	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3500	NGUYỄN PHAN THU	HIỀN	29-Jul-02	60116757	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3501	NGUYỄN NGỌC MINH	HIẾU	15-Nov-02	60116756	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3502	NGUYỄN THỊ	KÊI	18-Jul-02	60116758	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3503	PHẠM QUỐC	KHÁNH	11-Feb-02	60116760	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3504	VŨ NGỌC	LÂN	30-Jan-02	60116763	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3505	PHẠM NGUYỄN NGÂN	QUỲNH	22-Dec-02	60116759	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3506	TRẦN NGỌC SONG	THƯ	25-Nov-02	60116762	9	9/3			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3507	HUỲNH MINH	ĐỨC	06-Feb-02	60112145	9	9/3			VĂN LANG	
3508	MAI QUỲNH QUẾ	TRÂM	28-Mar-02	60110687	9	9/4			MINH ĐỨC	
3509	TRẦN CAO GIA	BẢO	05-Jun-02	60110900	9	9/4			NGUYỄN DU	
3510	VÕ HẠNH	CHI	02-Jun-02	60110903	9	9/4			NGUYỄN DU	
3511	TẠ DUY THIÊN	HÔNG	03-Apr-02	60110898	9	9/4			NGUYỄN DU	
3512	THÁI NHŨ	HUY	03-Apr-02	60110899	9	9/4			NGUYỄN DU	
3513	NGUYỄN QUY MINH	KHA	30-Aug-02	60110896	9	9/4			NGUYỄN DU	
3514	TRẦN PHƯƠNG	LINH	14-Dec-02	60110902	9	9/4			NGUYỄN DU	
3515	NGUYỄN XUÂN	NHIÊN	14-Jun-02	60110897	9	9/4			NGUYỄN DU	
3516	NGUYỄN LÊ THỰC	QUYÊN	28-Apr-02	60110895	9	9/4			NGUYỄN DU	
3517	NGUYỄN HÀ LINH	TÚ	13-Feb-02	60110894	9	9/4			NGUYỄN DU	
3518	VŨ HÀ	VY	28-Jan-02	60110904	9	9/4			NGUYỄN DU	
3519	VÕ HUỲNH MINH	CHÂU	18-Aug-02	60116780	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3520	LÊ TỪ THANH	ĐAN	06-Dec-02	60116769	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3521	NGUYỄN QUANG	DỰ	3-Mar-02	60116774	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3522	NGUYỄN PHI	KHANG	03-Jul-02	60116773	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3523	VÕ HOÀNG	NHI	15-Nov-02	60116779	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3524	NGUYỄN TRẦN MINH	TÂM	27-May-02	60116775	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3525	PHẠM ANH	THY	25-May-02	60116776	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3526	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	08-Jan-02	60116770	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3527	NGUYỄN MẠNH ANH	TUẤN	06-Feb-02	60116772	9	9/4			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3528	PHẠM BẢO	KHÁNH	30-Sep-02	60112151	9	9/4			VĂN LANG	
3529	NGÔ MINH	KHÔI	03-Jun-02	60112148	9	9/4			VĂN LANG	
3530	LÊ NHẬT	MINH	29-Mar-02	60112146	9	9/4			VĂN LANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3531	NGUYỄN ĐẶNG THANH	MỸ	23-Jul-02	60112149	9	9/4			VĂN LANG	
3532	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NHI	02-Mar-02	60112150	9	9/4			VĂN LANG	
3533	MẠCH HUY	PHƯỚC	21-Aug-02	60112147	9	9/4			VĂN LANG	
3534	BẠCH GIA	PHÚC	20-Mar-02	60110688	9	9/5			MINH ĐỨC	
3535	NGUYỄN LÊ KỲ	GIANG	26-Nov-02	60110911	9	9/5			NGUYỄN DU	
3536	NGUYỄN TRỌNG	HUY	15-Apr-02	60110913	9	9/5			NGUYỄN DU	
3537	HỒ NGUYỄN MINH	NGUYỄN	02-Nov-02	60110906	9	9/5			NGUYỄN DU	
3538	NGUYỄN BÍCH	NHI	21-Jun-02	60110910	9	9/5			NGUYỄN DU	
3539	DƯƠNG PHẠM ĐÌNH	QUYÊN	05-Dec-02	60110905	9	9/5			NGUYỄN DU	
3540	HOONG TRƯỜNG	THỊNH	25-Apr-02	60110907	9	9/5			NGUYỄN DU	
3541	TRẦN HOÀNG KHÔI	TUẤN	27-Jan-02	60110914	9	9/5			NGUYỄN DU	
3542	LÊ MỸ	UYÊN	10-Feb-02	60110908	9	9/5			NGUYỄN DU	
3543	LÊ PHẠM LINH	ĐAN	06-Apr-02	60116782	9	9/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3544	LÊ NHẬT	ĐĂNG	13-Nov-02	60116781	9	9/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3545	TRẦN THY UYÊN	MY	28-Feb-02	60116786	9	9/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3546	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	28-Aug-02	60116784	9	9/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3547	NGUYỄN ĐÌNH MINH	PHI	19-Apr-02	60116783	9	9/5			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3548	TRƯỜNG QUANG	BẢO	03-May-02	60112650	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3549	CHU NGUYỄN	HẠNH	5-Sep-02	60112629	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3550	MAI TỎ	HẢO	16-Aug-02	60112638	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3551	DƯƠNG ÁI	HUÊ	06-Sep-02	60112631	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3552	TRẦN TUYỀN	KHÂM	27-Sep-02	60112649	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3553	TRẦN LÊ TRÚC	KHANH	12-Jul-02	60112646	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3554	KHUU MINH	KHOA	25-Mar-02	60112634	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3555	ĐỒNG NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02-Nov-02	60112630	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3556	TRẦN THÁI	NGÂN	16-Jan-02	60112647	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3557	LƯƠNG TUỆ MINH	NGHI	03-Apr-02	60112637	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3558	TRẦN TRUNG	NGHĨA	17-Jan-02	60112648	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3559	LÊ HOÀNG THẢO	NHI	04-Jul-02	60112636	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3560	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	NHƯ	15-Nov-02	60112640	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3561	NGUYỄN MINH	QUÂN	18-May-02	60112641	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3562	BÙI TRƯƠNG ANH	THƯ	07-Feb-02	60112628	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3563	VỖ NGỌC DIỆU	THY	15-Oct-02	60112652	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3564	NGUYỄN NGỌC THIÊN	TRÚC	24-Sep-02	60112643	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3565	NGÔ MINH	TUẤN	18-Apr-02	60112639	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3566	DƯƠNG NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYẾT	29-Jan-02	60112632	9	9/5			VỖ TRƯỜNG TOÀN	
3567	HỨA GIA	HUY	30-Jun-02	60110689	9	9/6			MINH ĐỨC	
3568	KIỀU QUỐC	PHÁT	25-Feb-02	60110690	9	9/6			MINH ĐỨC	
3569	NGUYỄN XUÂN	MAI	02-Aug-02	60110916	9	9/6			NGUYỄN DU	
3570	BÙI ANH	QUÂN	23-Jan-02	60110915	9	9/6			NGUYỄN DU	
3571	PHẠM NGUYỄN MAI	ANH	23-Mar-02	60116791	9	9/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3572	VŨ PHẠM PHƯƠNG	KHANH	14-May-01	60116793	9	9/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3573	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYỄN	05-Nov-02	60116789	9	9/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3574	BÙI MINH	TRÍ	21-Jun-02	60116787	9	9/6			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3575	TRẦN NGỌC	KHÁNH	11-Nov-02	60116804	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3576	ĐẶNG NGỌC GIANG	NAM	09-Nov-02	60116794	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3577	MAI HOÀNG BẢO	NGHI	23-Nov-02	60116799	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3578	NGUYỄN YẾN	NHI	16-May-02	60116801	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3579	HOÀNG	PHONG	20-Apr-02	60116795	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3580	PHẠM HUYỀN NHƯ	PHƯƠNG	18-Feb-02	60116802	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3581	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	THY	12-Apr-02	60116806	9	9/7			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3582	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	28-Mar-02	60110693	9	9/8			MINH ĐỨC	
3583	PHAN MINH	CHÂU	12-Oct-02	60110694	9	9/8			MINH ĐỨC	
3584	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	12-Jan-02	60110692	9	9/8			MINH ĐỨC	
3585	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	06-Sep-02	60116817	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3586	PHẠM TRẦN THIÊN	DI	08-Oct-02	60116818	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3587	VŨ LÊ	DUY	19-Mar-02	60116822	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3588	NGUYỄN ĐAN	KHANH	10-Oct-01	60116816	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3589	ĐÌNH TRẦN NGUYỄN	KHÁNH	01-May-02	60116810	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	
3590	LÊ HOÀNG DIỄM	QUỲNH	02-Nov-02	60116815	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3591	QUAN	TRƯỜNG HẢI	VÂN	23-Aug-02	60116820	9	9/8			QUỐC TẾ Á CHÂU
3592	LƯƠNG	PHÚC MINH	DUY	15-Mar-02	60112666	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3593	LÊ	NGỌC	HÂN	14-Sep-02	60112664	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3594	DƯƠNG	HOÀNG TIẾN	HUÂN	26-Oct-02	60112659	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3595	PHAN	VÂN	KHANH	27-Apr-02	60112675	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3596	NGUYỄN	HOÀNG MINH	KHOA	18-May-02	60112668	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3597	TRƯƠNG	HỮU ĐĂNG	KHOA	02-Oct-02	60112679	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3598	VŨ	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	4-Dec-02	60112681	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3599	ĐOÀN	VĨNH	LỘC	14-Jan-02	60112658	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3600	TRỊNH	PHƯƠNG NGỌC	MINH	03-Dec-02	60112678	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3601	NGUYỄN	PHƯƠNG	NAM	17-Sep-02	60112670	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3602	LÂM	VĨ	NGUYỄN	02-Jun-02	60112663	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3603	LÂM	NHẬT	QUANG	29-Oct-02	60112662	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3604	TRANG	MINH	QUANG	04-Apr-02	60112676	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3605	BÙI	NGỌC TÚ	QUYÊN	16-Apr-02	60112654	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3606	BÙI	MINH	THU	26-Aug-02	60112653	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3607	ĐINH	PHẠM KHÁNH	TRANG	02-Feb-02	60112657	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3608	MAO	BÍCH	UYÊN	31-Jul-02	60112667	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3609	NGUYỄN	KHÁNH	VÂN	02-Jul-02	60112669	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3610	HÀ	ĐÌNH THANH	VŨ	05-May-02	60112660	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3611	TRỊNH	LÊ THÚY	VY	11-Jul-02	60112677	9	9/8			VỖ TRƯỜNG TOẢN
3612	CHÂU	TẤN	ĐẠT	14-Nov-02	60110249	9	9A1			CHU VĂN AN
3613	VŨ	DUY	PHÚC	16-Mar-02	60110255	9	9A1			CHU VĂN AN
3614	NGUYỄN	CAO	SANG	08-May-02	60110251	9	9A1			CHU VĂN AN
3615	PHAN	HOÀNG GIA	TIẾN	25-Jul-02	60110252	9	9A1			CHU VĂN AN
3616	TRẦN	CAO DUY	TRƯỜNG	12-Oct-02	60110253	9	9A1			CHU VĂN AN
3617	LÊ	THỊ BẢO	VY	18-Sep-02	60110250	9	9A1			CHU VĂN AN
3618	ĐOÀN	PHƯƠNG	ANH	18-Jan-02	60121316	9	9A1			HUỶNH KHƯƠNG NINH
3619	NGUYỄN	THẢO	ANH	07-Jul-02	60121338	9	9A1			HUỶNH KHƯƠNG NINH
3620	DƯƠNG	THỊ NGỌC	ÁNH	31-Jan-02	60121318	9	9A1			HUỶNH KHƯƠNG NINH

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3621	TRẦN NGỌC NGÂN	CHÂU	21-Oct-02	60121348	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3622	NGUYỄN LÊ QUỲNH	CHI	01-Feb-02	60121334	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3623	NGUYỄN TUỜNG LINH	CHI	13-Apr-02	60121340	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3624	LÊ VĂN PHỔ	ĐỘ	08-Jul-02	60121325	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3625	PHẠM HUY QUỲNH	GIAO	17-Mar-02	60121341	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3626	VŨ NGỌC	HÂN	01-May-02	60121351	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3627	VŨ	HOÀNG	23-Jun-02	60121350	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3628	PHẠM LAN	HƯƠNG	05-Sep-02	60121342	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3629	VÕ XUÂN	HƯƠNG	10-Jul-02	60121349	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3630	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	HUY	19-Sep-02	60121330	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3631	NGÔ GIA	HY	09-Jul-02	60121327	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3632	NGUYỄN TRỌNG	KHÔI	11-Sep-02	60121339	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3633	NGUYỄN HUỶNH BẢO	KHUÔNG	02-Nov-02	60121331	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3634	TRẦN BẠCH KIM HỒNG	LIÊN	10-Mar-02	60121343	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3635	ĐẶNG DUY	LUÂN	11-Jun-02	60121312	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3636	LÊ HUỶNH ĐỨC	MINH	11-Apr-02	60121323	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3637	NGUYỄN NGỌC	MINH	16-Dec-02	60121336	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3638	NGUYỄN KIM NGỌC	NGÂN	31-May-02	60121332	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3639	TRẦN HỒNG	PHÁT	27-Jan-02	60121344	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3640	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	06-Jul-02	60121329	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3641	HOÀNG ĐÌNH THIÊN	PHÚ	06-Jan-02	60121320	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3642	CAO HUY GIA	PHÚC	19-Sep-02	60121311	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3643	NGUYỄN NGỌC MINH	PHÚC	23-Mar-02	60121337	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3644	NGUYỄN MINH	QUÂN	29-Jul-02	60121335	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3645	BÙI THỊ TRÚC	QUỲNH	25-Nov-02	60121310	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3646	HUỶNH TRẦN NHƯ	QUỲNH	22-Dec-02	60121322	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3647	TRẦN LÊ MỸ	QUỲNH	14-Oct-02	60121346	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3648	LÊ QUANG	SANG	06-Sep-02	60121324	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3649	BÙI DUY	SƠN	20-Mar-02	60121308	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	
3650	BẠCH SƠN	TRÀ	04-Aug-02	60121307	9	9A1			HUỶNH KHUÔNG NINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3651	HỒ TRẦN BẢO	TRÂN	02-Nov-02	60121319	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3652	HUỶNH NGỌC	TÚ	29-Mar-02	60121321	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3653	ĐỖ NGỌC MINH	TUYỀN	18-Sep-02	60121314	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3654	ĐÌNH CÁT	VÂN	02-Oct-02	60121313	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3655	NGUYỄN ĐỖ THANH	VÂN	20-Jun-02	60121328	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3656	BÙI NGUYỄN GIA	VƯƠNG	13-Jul-02	60121309	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3657	DƯƠNG HỒNG	YẾN	08-Feb-02	60121317	9	9A1			HUỶNH KHUƠNG NINH	
3658	BÙI NGỌC	HUY	5-Oct-02	60111719	9	9A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3659	LÊ ĐÌNH HOÀNG	TRINH	18-Feb-02	60111721	9	9A1			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3660	KIỀU NGỌC ĐOAN	TRANG	13-Jul-02	60112054	9	9A12			TRẦN VĂN ƠN	
3661	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	KHÁNH	14-Jul-02	60112055	9	9A13			TRẦN VĂN ƠN	
3662	TRẦN MINH	TUẤN	20-Jan-02	60112056	9	9A13			TRẦN VĂN ƠN	
3663	CHÂU VÕ BẢO	ĐẠI	14-Feb-02	60110257	9	9A2			CHU VĂN AN	
3664	PHAN NGUYỄN TRUNG	DŨNG	03-Jan-02	60110263	9	9A2			CHU VĂN AN	
3665	VÕ MINH	HUY	22-Nov-02	60110266	9	9A2			CHU VĂN AN	
3666	HUỶNH TRƯỞNG MINH	KHANG	04-Jun-02	60110259	9	9A2			CHU VĂN AN	
3667	PHAẠM CHÂU NGUYỆT	MINH	16-Apr-02	60110262	9	9A2			CHU VĂN AN	
3668	VŨ NHẬT	NAM	01-Sep-02	60110268	9	9A2			CHU VĂN AN	
3669	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	08-Dec-02	60110261	9	9A2			CHU VĂN AN	
3670	LÊ QUANG	TIẾN	18-Jan-02	60110260	9	9A2			CHU VĂN AN	
3671	HÀ KHÁNH	DUY	2-Jan-02	60111726	9	9A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3672	HỒ ANH	TÀI	22-May-02	60111727	9	9A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3673	NGUYỄN TRỌNG HUY	TÂM	12-Mar-02	60111729	9	9A2			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3674	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	04-Jan-02	60110275	9	9A3			CHU VĂN AN	
3675	TRÀ LÂM THANH	HÀ	05-Dec-02	60110277	9	9A3			CHU VĂN AN	
3676	LÊ MINH	KHÔI	14-Nov-02	60110272	9	9A3			CHU VĂN AN	
3677	ĐỖ TRƯỞNG GIA	KHUƠNG	19-Feb-02	60110270	9	9A3			CHU VĂN AN	
3678	NGUYỄN ĐỨC	NAM	21-Jun-02	60110273	9	9A3			CHU VĂN AN	
3679	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	18-Dec-02	60110278	9	9A3			CHU VĂN AN	
3680	ĐẶNG HOÀNG ANH	QUỐC	16-Jan-02	60110269	9	9A3			CHU VĂN AN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3681	LÊ HOÀNG VIỆT	THY	03-Nov-02	60110271	9	9A3			CHU VĂN AN	
3682	NGUYỄN KHÁNH	VY	29-Dec-02	60110274	9	9A3			CHU VĂN AN	
3683	NGUYỄN AN	CHI	14-Apr-02	60112057	9	9A3			TRẦN VĂN ƠN	
3684	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	ANH	24-Jul-02	60110281	9	9A4			CHU VĂN AN	
3685	MAI THỊ MỸ	DUYÊN	22-Jan-02	60110280	9	9A4			CHU VĂN AN	
3686	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	27-Mar-02	60110282	9	9A4			CHU VĂN AN	
3687	LƯƠNG NGUYỄN NGỌC	TRÂN	06-Jan-02	60110279	9	9A4			CHU VĂN AN	
3688	NGUYỄN HOÀNG	DUY	14-May-02	60110286	9	9A5			CHU VĂN AN	
3689	NGUYỄN TRẦN THANH	HOÀI	23-Oct-02	60110288	9	9A5			CHU VĂN AN	
3690	LÊ NGUYỄN HOÀNG	KHANH	30-Mar-02	60110285	9	9A5			CHU VĂN AN	
3691	NGUYỄN PHÚC	KHÁNH	14-Oct-00	60110287	9	9A5			CHU VĂN AN	
3692	DAMON FALCON	OS	29-Nov-99	60110283	9	9A5			CHU VĂN AN	
3693	TẠ ĐÔNG	QUÂN	29-Jan-02	60110290	9	9A5			CHU VĂN AN	
3694	DƯ THỊ KIM	QUỲNH	02-Jan-02	60110284	9	9A5			CHU VĂN AN	
3695	NGUYỄN BẢO	ANH	10-Jan-02	60111734	9	9A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3696	NGUYỄN LƯU NGỌC	DANH	14-May-02	60111736	9	9A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3697	VÕ TRÍ MINH	HÙNG	18-Apr-02	60111737	9	9A5			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3698	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG	NAM	13-Oct-02	60110293	9	9A6			CHU VĂN AN	
3699	NGUYỄN THỊ MINH	NHI	10-Jan-02	60110295	9	9A6			CHU VĂN AN	
3700	ĐẶNG THỊ NGỌC	TIÊN	12-Jan-02	60110291	9	9A6			CHU VĂN AN	
3701	NGUYỄN CAO HOÀNG	TIẾN	15-Oct-02	60110292	9	9A6			CHU VĂN AN	
3702	NGUYỄN THANH	TUYỀN	17-Nov-02	60110294	9	9A6			CHU VĂN AN	
3703	PHAN NGUYỄN TRÂM	ANH	19-Feb-02	60110388	9	9A6			ĐỨC TRÍ	
3704	NGUYỄN NHẬT	KHANG	30-Oct-02	60110384	9	9A6			ĐỨC TRÍ	
3705	NGUYỄN HÀ NGỌC	TRÂN	29-Mar-02	60110383	9	9A6			ĐỨC TRÍ	
3706	PHẠM THỊ PHƯƠNG	VÂN	17-May-02	60110387	9	9A6			ĐỨC TRÍ	
3707	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	9-Nov-02	60111746	9	9A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3708	NGUYỄN CHÂU PHƯƠNG	UYÊN	02-Apr-02	60111743	9	9A6			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3709	VÕ BÁ	NAM	23-Mar-02	60111753	9	9A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3710	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	14-Jan-02	60111750	9	9A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3711	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	27-Jan-02	60111749	9	9A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3712	NGUYỄN LÊ	VY	07-Feb-02	60111751	9	9A7			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3713	PHẠM LÊ THANH	BÌNH	21-Feb-02	60112061	9	9A7			TRẦN VĂN ƠN	
3714	NGUYỄN NHƯ TÚ	ANH	19-Jan-02	60111757	9	9A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3715	TRẦN PHƯƠNG	CHÂU	4-Apr-02	60111759	9	9A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3716	THÁI LÊ MINH	HOÀI	5-Sep-02	60111758	9	9A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3717	BÙI MAI THANH	VÂN	9-Dec-02	60111754	9	9A8			TRẦN ĐẠI NGHĨA	
3718	LÊ THÀNH LAN	HẢI	31-Oct-02	60110561	9	9A9			LƯƠNG THẾ VINH	
3719	HỒ TÂM	KHANH	07-Jan-02	60110557	9	9A9			LƯƠNG THẾ VINH	
3720	VÕ MINH	TÀI	21-Sep-02	60110578	9	9A9			LƯƠNG THẾ VINH	
3721	HÀ VĨNH	THUẬN	19-Nov-02	60110556	9	9A9			LƯƠNG THẾ VINH	
3722	NGUYỄN XUÂN MINH	ANH	16-Feb-02	60112064	9	9A9			TRẦN VĂN ƠN	
3723	NGUYỄN CHÍ	KHÔI	25-Jan-02	60112063	9	9A9			TRẦN VĂN ƠN	
3724	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	7-Jul-02	60112066	9	9A9			TRẦN VĂN ƠN	
3725	SHIN JUN	WOO	20-May-02	60112065	9	9A9			TRẦN VĂN ƠN	